

Số 231

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Kính mừng
Đại lễ
Vu Lan
PL 2559

She's the One, She's my Mom

Số Đặc biệt



Kính Mừng



ĐẠI LỄ VU LAN



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



ỐNG NHỰA HOA SEN
Đến nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



ỐNG KÉM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

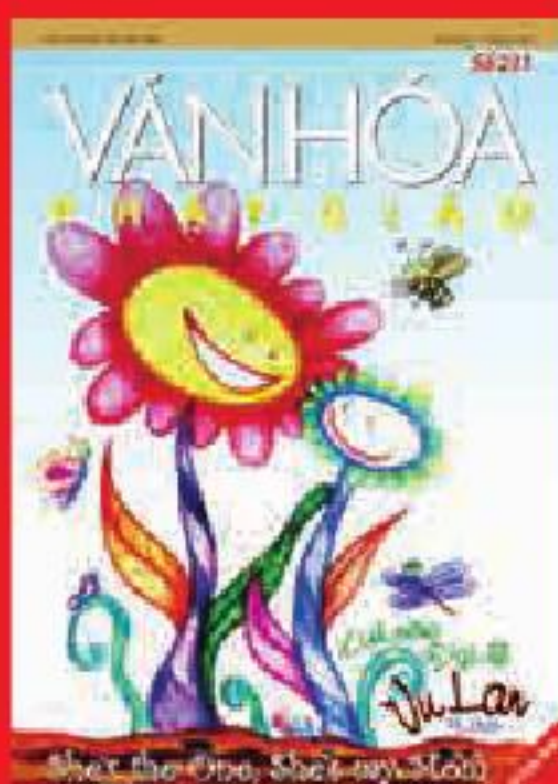
TỔNG ĐẠI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG
www.hoasengroup.vn



1800 1515
Miễn phí nước gọi

A GLOBAL GROWTH
COMPANY OF THE WORLD
ECONOMIC FORUM





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUÂN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Tri sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuê, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tap chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Đi tìm hạt châu trong tay áo (Nguyễn Cẩn)	4
Từ Hiếu, ngôi chùa từ Đạo Hiếu (Nguyễn Văn Toàn)	8
Truyền thông nhìn từ Phật giáo (Phan Tấn)	12
Nhà vườn Kim Long - Kiệt tác thơ về kiến trúc đô thị (Trần Văn Dũng)	14
Trường xưa nếp cũ... (Tôn Thất Thọ)	18
Ý dẫn đầu các pháp (Nguyễn Hải)	20
Bổ-tát hạnh (Nguyễn Thế Đăng)	24
Của cho, tâm nhận (Vĩnh Hạnh Thái Chí Bình)	27
Già sao cho sướng? (Đỗ Hồng Ngọc)	30
Vẫn nhiều Tây An Nam (Hồ Anh Thái)	32
Ý- lời - cách diễn đạt (Tôn Thất Lan)	33
Thiên nhiên kháng cáo (Lê Hải Đăng)	34
Niềm tin có thể chữa bệnh? (Nguyễn Hữu Đức)	36
Những con số đẹp (Cao Huy Hóa)	38
U mê (Hoàng Tá Thích)	40
Lãng phí lãng hoa (Bùi Trường Trí)	42
Quả trứng không thể bỏ ba (Hoàng Thị Như Huy)	43
Những ngôi nhà mọc xa xăm (Nhụy Nguyễn)	44
Cha! (Trần Kiêm Hạ)	46
Thư viết cho mẹ (Elena Pucillo Truong; Trương Văn Dân dịch)	48
Thơ (TK.Vy Tiểu, Trường Khánh, Nguyễn Cát Chuyển, Nguyễn Thánh Ngã, Phạm Ánh, Trần Ngọc Mỹ)	50
Bên dòng sông Mè (Trần Băng Khuê)	52
Tình yêu không cần nói (Thanh Ngân)	54
Nơi ngàn năm mây bay... (Nguyễn Nguyên An)	56
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	59

Bìa 1: Mẹ và Tôi. Ảnh: Didin Harto.

Nguồn: www.how-to-draw-funny-cartoons.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Văn Hóa Phật Giáo số 231 này, số đặc biệt mừng Vu-lan PL.2559, đến tay độc giả sớm hơn thường lệ, vì nếu chuyển chủ đề này sang số sau thì lại quá ngày Đại lễ Rằm tháng Bảy đến mấy ngày.

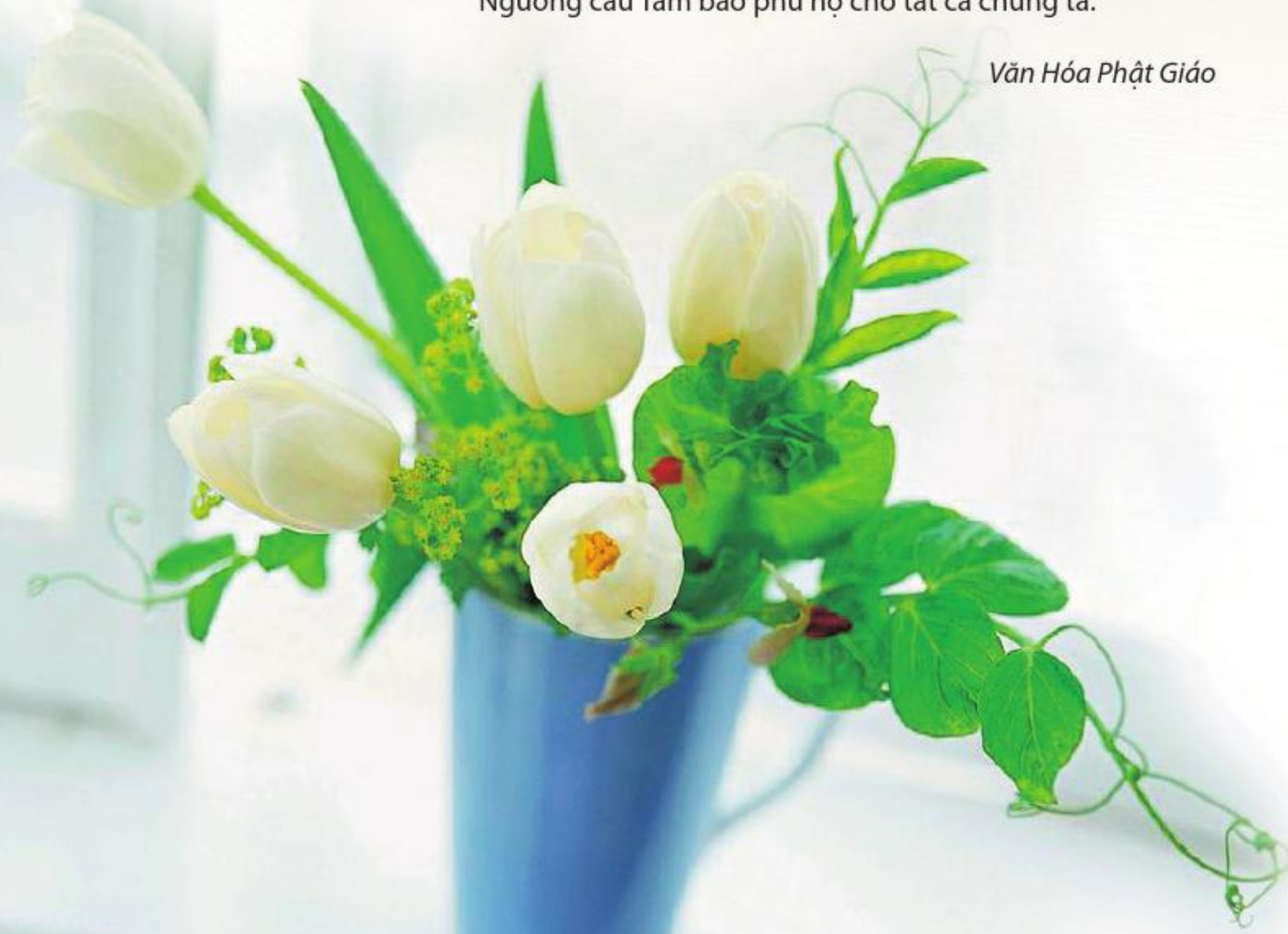
Chúng tôi xin cùng chư độc giả kính mừng và tưởng niệm ý nghĩa Báo hiếu Nhớ ơn của ngày Đại lễ đã trở thành truyền thống của các cộng đồng Phật giáo châu Á trong đó có Việt Nam. Hiếu là hiếu với cha mẹ đời này và các đời trước, tức là hiếu đối với chúng sinh, vì Đức Phật đã dạy rằng tất cả chúng sinh đã là cha, mẹ của nhau trong vô số đời quá khứ. Ơn là ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn đất nước, ơn Tam bảo. Xin cùng chư độc giả tưởng nghĩ ý nghĩa ấy để đóng góp xây dựng và bảo vệ nền đạo đức tốt đẹp truyền thống của chúng ta trong thời buổi có nhiều dấu hiệu tiêu cực trong đạo làm người.

Tiện đây, chúng tôi cũng xin thưa cùng các tác giả gửi bài, rằng bài gửi đăng xin gửi thẳng đến địa chỉ e-mail của tòa soạn. Hiện nay có quá nhiều bài gửi đến, chúng tôi không thể có đủ thời gian để thông báo về các bài không đăng được. Trong thời hạn ba số báo mà không thấy thông báo về bài được đăng thì tác giả có thể gửi bài ấy cho báo khác. Xin các tác giả niệm tình thông cảm.

Kính mong chư độc giả tiếp tục ủng hộ VHPG, như một sự đồng tình về chủ trương đóng góp xây dựng một xã hội hiền thiện phù hợp với giáo lý của Đức Phật.

Ngưỡng cầu Tam bảo phù hộ cho tất cả chúng ta.

Văn Hóa Phật Giáo



**“Cha mẹ tại tiền như Phật tại thế,
gặp thời không có Phật, khéo thờ cha mẹ
tức là thờ Phật vậy”.**

Kinh Tâm Địa Quán



Đi tìm hạt châu trong tay áo

NGUYỄN CẦN



Lại bàn về cái ác

Cách đây ba năm, nhân vụ án Lê Văn Luyện và tình hình tội phạm gia tăng, chúng tôi đã có bài viết “Đi tìm cội nguồn cái ác” nhằm phân tích nguyên nhân gần xa đăng trên *Văn Hóa Phật Giáo* số 138. Gần đây, dư luận trong nước lại xao động với hàng loạt trọng án, giết người một cách man rợ, không chỉ một người mà toàn gia đình, kể cả những người không hề thù oán, thậm chí những cháu bé (!). Nhiều chuyên gia nghiên cứu xã hội cho biết tình hình những năm gần đây có diễn biến phức tạp; thậm chí một số loại tội phạm nghiêm trọng có xu hướng tăng. Như những vụ thảm sát trong tháng 7/2015 mới đây, cướp đi sáu sinh mạng ở Bình Phước, bốn ở Nghệ An khiến các quan chức lãnh đạo cao nhất của ngành công an và các cơ quan công quyền địa phương phải nỗ lực phá án, điều tra ở mức độ khẩn trương nhất. Đặc biệt, những sát nhân đều ở độ tuổi rất trẻ, thuộc thế hệ 9x.

Ngoài ra hầu như ngày nào cũng có trọng án. Báo chí, đặc biệt là những báo lá cải, tập trung khai thác dày đặc các bài phóng sự của họ. Cả xã hội chìm trong nỗi hoang mang, ngập tràn những câu chuyện tội ác, người dân sống trong tâm trạng bất an, cảm thấy cái chết có thể đến bất kỳ lúc nào, từ những tên sát thủ không ngờ nhất, có thể là gã hàng xóm mở nhạc ồn ào, tên trộm chó cho đến những kẻ bán kẹo kéo trên đường, xuất phát từ những vụ việc tưởng chừng không có gì nghiêm trọng như va quệt xe, đi nhầm phòng karaoke, nhìn thấy ghét!...

Đi tìm lại nguồn gốc cái ác

Chúng tôi đã không ít lần đề cập tới nguồn gốc của cái ác trong xã hội chúng ta. Thử xem những nhà chuyên môn, những người có trách nhiệm nhận định thế nào?

Phân tích về mục đích ban đầu của vụ giết người ở Bình Phước, Phó Giáo sư-Tiến sĩ Trịnh Hòa Bình, Giám đốc Trung tâm Điều tra dư luận xã hội (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) cho rằng “Sau khi bị gia đình nạn nhân hắt hủi, ngăn cấm chuyện tình cảm với Ánh Linh, đối tượng Nguyễn Hải Dương chắc chắn sẽ chịu cú sốc tinh thần. Từ một người có tất cả giờ trở thành trắng

tay, mất người yêu, mất luôn khoản chu cấp tiền bạc có thể có từ người yêu. Vì vậy, lý do ban đầu dẫn tới vụ thảm sát có thể là do hận tình, nhưng đằng sau đó vẫn là động cơ đê hèn giết người cướp của". Ngoài ra, *môi trường sống, yếu tố stress, nhận thức kém* dẫn đến hành vi không chuẩn mực. Còn theo thượng tá Trần Đức Châm, một chuyên gia về tội phạm học, thì "Các đối tượng ở những độ tuổi khác nhau khi chịu tác động từ các yếu tố về văn hóa hay yếu tố xã hội sẽ có những biểu hiện khác nhau. Hiện nay độ tuổi từ 35 trở xuống, 16 tuổi trở lên là đối tượng dễ bị tác động bởi văn hóa phẩm, văn hóa ngoại lai...". Ông cũng cho rằng các vụ thảm án gần đây có nhiều yếu tố giống với các hành vi bạo lực diễn ra trong các bộ phim. "Phim ảnh bạo lực tác động rất nhiều đến hành vi của mỗi con người. Ngày xưa làm gì có phim hay mạng xã hội nhưng giờ những cái đó người ta theo dõi hàng ngày hàng giờ". Đồng quan điểm ấy, PGS.TS Trịnh Hòa Bình nhận định: "Xã hội hiện đại ẩn chứa nhiều mặt trái kích thích người ta phạm tội. Những đối tượng thanh niên xem quá nhiều phim đối trụy, phim bạo lực và bị ám ảnh bởi những hình ảnh trong đó. Những vụ việc trên cho thấy đối tượng quá ác thú và man rợ". Một số chuyên gia khác cũng nhận định đối tượng bị nhiễm từ những trò chơi điện tử bạo lực với những cảnh bắn súng, chém giết máu chảy đầu rơi hoặc xem nhiều phim hành động bạo lực khiến hấn bị ảo tưởng. Tâm lý đó kéo khoảng cách giữa "hành động ảo" và hành động phạm tội gần nhau hơn. Người bình thường thì thấy đó để phòng ngừa, nhưng kẻ thủ ác lại bắt chước theo.

Cũng may luận điểm "mặt trái cơ chế thị trường" hay "tàn dư chế độ thực dân mới" đã không còn thuyết phục và bị "ném" vào viện bảo tàng của những lý do "huyền diệu" giải thích mọi xấu xa, tội ác, trong xã hội.

Có phải do phim ảnh hay trò chơi bạo lực điện tử không?

Chúng ta giải thích trọng án Bình Phước như thế, thì giải thích trọng án Nghệ An thế nào khi tên Vi Văn Mẫn giết bốn người mà không hề xem phim, không hề chơi game vì hấn ở mãi trong bản vùng núi. Theo điều tra ban đầu, hấn ăn trộm chanh bị bắt gặp, cãi nhau với chủ nhà và giết cả gia đình họ. Có dư luận cho rằng hấn nhiều lần tìm gặp chị Yến - vợ anh Thọ - nhằm thuyết phục chị bỏ trốn cùng hấn để sống với nhau nhưng không đạt được mục đích, từ đó dẫn tới việc Mẫn và anh Thọ có hiềm khích với nhau. Khi Mẫn vào rẫy của anh Thọ hái chanh thì giáp mặt nhau. Hai bên to tiếng, xô xát. Mẫn rút dao trong người chém anh Thọ, sau đó chém vợ con anh và mẹ anh tử vong.

Trở lại sự kiện phim "*Bụi đời Chợ Lớn*" trước đây bị cấm chiếu vì lý do có quá nhiều cảnh bạo lực và không đúng thực tế gây nhiều luồng dư luận. Lý do đầu nghe có vẻ thuyết phục nhưng lý do thứ hai thì có phần

thiếu chính xác vì thực tế dường như khốc liệt hơn khi chúng ta đọc, nghe, xem trên báo, trên mạng những cuộc thanh toán không thua gì phim, thậm chí ác liệt hơn phim! Dù chúng ta thừa nhận phim ảnh có tác động nhất định đến tâm hồn thanh thiếu niên và các trang mạng hiện nay kiểm soát tương đối lỏng lẻo các nội dung đối trụy, bạo lực, nhưng hãy tự hỏi sao tỷ lệ tội phạm của chúng ta xảy ra nhiều hơn cả những nước làm ra phim đó. Tại sao những quốc gia gần chúng ta như Thái Lan hay Singapore cũng có phim nước ngoài, có games mà sao tình trạng bạo lực thấp hơn nhiều? Hãy so sánh tỷ lệ tội phạm giữa TP.HCM và New York, một nơi thường được lấy làm bối cảnh cho nhiều phim "xã hội đen" của Mỹ.

Năm 2014, trên địa bàn TP.HCM xảy ra gần 6.400 vụ phạm pháp hình sự, tăng khoảng 2,6% so với năm trước, làm chết 98 người, bị thương 841 người, thiệt hại tài sản 112 tỷ đồng. Công an thành phố đã điều tra, khám phá hơn 4.200 vụ, triệt phá gần 880 băng nhóm và bắt hơn 2.100 đối tượng... (bản tin VOV).

Nghĩa là chúng ta đang phải đối phó với tỷ lệ tăng lên từng năm.

Còn New York - thành phố trước đây từng được xem là "biểu tượng của tội lỗi", nơi không chỉ trên phim ảnh mà trong thực tế bạo lực cũng tràn lan thì sao? Năm 1993, New York xảy ra 86.000 vụ cướp, gần 2.000 vụ giết người. Nhà báo Edward Gill của kênh CNN - nạn nhân của một vụ cướp khi đang tác nghiệp trên phố - phải đau đớn thốt lên rằng: "*Nước Mỹ đang cố gắng trở thành cảnh sát của thế giới. Thế nhưng, chúng ta lại không thể trở thành cảnh sát để bảo vệ cuộc sống của chính người dân ở đất nước mình*". Hệ quả của nạn tội phạm tràn lan là các nhà tù ở New York được xây dựng liên tục. Trong vòng hơn 30 năm (từ 1960 đến 1994), chính quyền đã phải mở cửa thêm 18 nhà giam, nâng tổng số trại giam giữ tội phạm ở New York lên con số 81. Khi đó, niềm tin của người dân vào chính quyền suy giảm tệ hại khi họ biết rằng tiền thuế đang được sử dụng rất nhiều cho mục đích trấn áp tội phạm thay vì an sinh xã hội. Thị trưởng Rudolph Giuliani đối diện với áp lực nặng nề từ cử tri cũng như từ phe đối lập, nhưng ông không bỏ cuộc, ông nghĩ đến nhiều biện pháp song song với duy trì lực lượng cảnh sát, trong đó có biện pháp giáo dục. Kết quả là năm 2014, tỷ lệ tội phạm ở New York thấp hơn mức trung bình của Mỹ, chỉ có 328 vụ giết người (số lượng ít nhất từ năm 1963), về mặt nào đó, New York đã được "thanh lọc" thành công. Tỷ lệ phạm tội vặt trong thanh thiếu niên - ví như cướp giật, móc túi, trộm cắp ở cửa hàng, siêu thị hay thậm chí là hăm hiếp - đã giảm rõ rệt trong giai đoạn cuối những năm 1990. Đến hôm nay thì sao? Ông John Bakers (trưởng trại Núi McGregor) cho biết: "*Kể từ khi ông B. mãn hạn tù giam ở đây vào tháng 6/2013, nhà tù này đã bỏ trống. Đội ngũ hơn 20 nhân viên của nhà tù*

vẫn hoạt động, nhưng chúng tôi chẳng giam giữ ai cả. Đó là một sự lãng phí đối với tiền thuế của nhân dân". Chính ông John Bakers là người đầu tiên đệ đơn lên chính quyền thành phố New York để xin phát mãi nhà tù Núi McGregor. Với diện tích 325ha, trại giam này ở vị trí đặc địa, nằm trên đỉnh núi tuyết phủ và có cảnh quan xung quanh rất đẹp lại không xa thành phố, nên hoàn toàn có thể trở thành điểm du lịch lý tưởng hoặc khách sạn độc đáo.

Vậy đó, thành quả của những người lãnh đạo New York đã khiến nhà tù trống vắng bóng tội phạm. Liệu có phải phim ảnh là nguyên nhân quan trọng nhất không?

Còn trò chơi điện tử bạo lực (TCĐTBL), chúng tôi đã phân tích trước đây, chỉ xin lặp lại thông tin đã từng đề cập:

"Những kết luận trong một cuộc nghiên cứu của Chính phủ Hoa Kỳ vào năm 1999 không thể hiện quan hệ nhân quả giữa việc chơi TCĐTBL với những khuynh hướng gây gổ đã khiến David Satcher, Tổng Y vụ trưởng Hoa Kỳ, người lãnh đạo Lữ đoàn Y tế Cộng đồng Hoa Kỳ lúc bấy giờ, phải phát biểu rằng, "Rõ ràng là chúng ta cứ gán cho truyền thông bạo lực có trách nhiệm với hành vi gây gổ. Nhưng tác động của truyền thông bạo lực quá nhỏ so với những điều khác. Có những người không hài lòng với kết luận này, nhưng đó chính là chỗ đứng của khoa học". Vào năm 2001, cũng báo cáo của Tổng Y vụ trưởng Hoa Kỳ cho thấy các yếu tố rủi ro mạnh mẽ nhất đối với những vụ xả súng ở trường học tập trung vào sự ổn định tâm thần và phẩm chất của đời sống gia đình, chứ không phải ở mức độ tiếp xúc với truyền thông bạo lực" (Đi tìm cội nguồn cái Ác, Nguyễn Cần, VHPG số 138, tr.4).

Như vậy chúng ta gộp phim ảnh và TCĐTBL vào văn hóa phẩm ngoại lai nhưng chúng hoàn toàn không phải là nhân tố quyết định tính cách con người, là nguồn cơn chính gây tội ác.

Vậy thì do đâu?

Như đã nói ở trên, các nhà tội phạm học, xã hội học còn cho rằng vì môi trường sống, yếu tố stress, nhận thức kém dẫn đến hành vi không có chuẩn mực...

Môi trường sống hay nói cách khác là xã hội, là cộng đồng, là tập thể những con người chúng ta đang sống cùng, sống với, sống cho họ. Đang diễn ra chuyện gì? Các nhà chuyên môn đã quên tính kế thừa của văn hóa và đạo đức xã hội. Như chúng tôi đã có lần phân tích nền tảng văn hóa của chúng ta đang bị bật gốc rễ vì nhiều lý do, có lý do bắt nguồn từ quá khứ khi chúng ta tôn thờ quan điểm duy vật nhưng thiếu biện chứng, vô tình hay cố ý phủ định những giá trị văn hóa truyền thống, gán nhãn "tàn dư phong kiến" vào những dòng tư tưởng nhân văn như Phật, Khổng, Lão... khoác cho những triết lý sống ấy là "ru ngủ, ủy mị, bi quan..." khi chấp nhận "ở hiền gặp lành" mà không biết đấu tranh, ngoài ra cả chương trình giáo dục đều không

chú trọng bồi dưỡng thể hệ trẻ về đức dục, khi những lý tưởng sống, kỹ năng ứng xử, luân lý... chỉ được đề cập hời hợt không hệ thống, thiếu trọng tâm. Các em nhìn quanh và nhìn lên, cả xã hội chạy theo những giá trị vật chất, thực dụng đến lạnh lùng. Hãy đọc những truyện gần đây được in trong nước cũng thấy toát lên lối sống vật chất, vị kỷ ấy từ *"Mảnh đất lắm người nhiều ma"* (Nguyễn Khắc Trường); đến *"Cơ hội của Chúa"* (Nguyễn Việt Hà)... Trong tác phẩm *"Chuyện nghề của Thủy"*, đạo diễn Trần Văn Thủy nhắc một ý: *"Một xã hội gồm những con người vô đạo, không biết sợ cái gì, không biết tin vào cái gì là một xã hội cực kỳ nguy hiểm"*.

Khi cha mẹ, thầy cô hay quan chức đều không nêu được tấm gương về phẩm cách, về lối sống, tuổi trẻ biết tin vào ai? Ở đây, cần mở ngoặc nói thêm về cơ chế thị trường vốn chỉ tác động phần nào đến lòng Tham, đến sự chấp hữu của cá nhân nhưng chính "sự vắng bóng lương tâm" là kẻ thù ghê gớm nhất đang ngồi trong đáy lòng ta. Vì ai xui ta phải kiếm thật nhiều tiền để thỏa mãn dục lạc? Ai ăn chơi trác táng trong vũ trường, sòng bạc, bày vẽ cho ta những mưu mô uốn cong luật pháp để thủ lợi, xúi ta giết người khi không được thỏa mãn giấc mơ làm "đại gia" như Nguyễn Hải Dương, không đạt được ham muốn cướp vợ người khác của Vi Văn Mẫn, hay xúi con giết cha, vợ giết chồng, anh em tàn sát lẫn nhau...? Rõ ràng, không kẻ thù nào nguy hiểm hơn chính TA! Nhà Phật đã chỉ ra rằng khoảng cách giữa thiện và ác vốn rất gần: chỉ một sát-na phóng tâm là tạo nghiệp. Chúng ta biết rằng trong mười ác nghiệp thì thân có ba là dâm dục, sát sanh và trộm cắp, miệng có bốn là lường thiệt, ác khẩu, vọng ngôn và ý nghĩ. Ý có ba là tật đố, sân và si.

Muốn thế, phải phục dựng lại tâm thức con người, nghĩa là phải đánh thức, cấy ghép, và sau đó là huân tập tính NGƯỜI vào trong mỗi đứa trẻ từ trong tạng thức. Bởi ngay từ trong ý niệm, chỉ cần một niệm ác là cửa địa ngục mở ra. Phải ngăn chặn các nghiệp bất thiện từ trong suy nghĩ. Luật lệ chỉ là giải pháp cuối cùng khi con người cần đến sự phán xét của những ông quan tòa hay những trại giam. Ở New York, người ta đưa những chương trình giáo dục bài trừ tội phạm vào trường học; đồng thời, các khu dân cư được khuyến khích tổ chức các điểm tuyên truyền giáo dục về tác hại của tội ác. Tuy không giải quyết tình trạng tội phạm nhanh bằng lực lượng cảnh sát, giải pháp giáo dục lại có tác dụng lâu dài hơn như khi họ đưa tội phạm vào trại trẻ mồ côi, làm việc công ích... đánh thức phẩm tính người trong mỗi cá nhân. Những gã cùng tử đều lang thang trong mê lộ tăm tối của hận thù và vô minh bỗng đứng thấy mình có ích cho tha nhân. Chúng ta thường thấy kết thúc bi thảm của những tội phạm ngoài đời khi án tử hình là không tránh khỏi hay những nhân vật chính trong phim "xã hội đen" đều chết. Bị đắm như trong phim *"Bụi đời Chợ Lớn"*, *"Xa lộ không đèn"*, bị cột trong



bao bỏ xuống sông như trong “Luật hè phố”, “Con suối ở miền Đông” như lời bài hát:

“Nhưng đời làm ngựa hoang chết gục

Và trên lưng nó Ôi!

Còn nguyên những vết thù”.

(Vết thù trên lưng ngựa hoang - Phạm Duy)

Nhưng, cũng trong bản nhạc dẫn trên, đã có lúc:

“Ngựa hoang muốn về tắm sông nhả nhục

Dòng sông mơ màng mát trong thơm ngọt”.

Họ cũng biết hối hận, muốn quay về, nhưng về đâu? Đó là khi họ đối diện sự hụt hẫng, trống vắng trong lòng mình, khi thấy “tâm hoang vu”. Các nhà chuyên môn cho rằng họ nhận thức lệch lạc chắc là vì điểm này? Khi tuổi trẻ nhận thức sai lệch về tình yêu và thiếu giáo dục về lòng nhân, họ cảm nhận khổ đau và trở nên tàn nhẫn. Dù hai gã tội phạm nói ở trên không phải là trẻ mồ côi nhưng chúng ta hoài nghi sự giáo dục của cha mẹ chúng. Có thể họ nuôi con nhưng chưa bao giờ dạy cho chúng biết thế nào là tình yêu chân chính hay lòng thương người đúng nghĩa. Đã có lần chúng tôi nhấn mạnh rằng bất cứ nơi nào có sự tranh giành, bất mãn, thiếu nhả nhục, những cảm xúc tiêu cực nảy sinh, nơi ấy cần trí huệ và từ bi để giải quyết phiền não. Có lòng thương yêu, nói như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn “Yêu em, lòng chợt từ bi bất ngờ”. Nhưng họ đã nhầm lẫn tình thương yêu với lòng ham muốn, ái dục. Ái dục là sự phản ánh của tình thương yêu qua việc mưu cầu sở hữu tài sản, thân xác người khác, theo bản năng và thứ tình thương yêu chật hẹp ấy bó lại tâm hồn ta. Tình yêu thương cần được mở rộng, cần được hướng lên, cần được tuôn chảy, cần được tịnh hóa (Phẩm Tùng địa dũng xuất, kinh Pháp Hoa).

Muốn làm được điều ấy, không chỉ tâm thức cá nhân phải được “tươi tắn” bằng một nền giáo dục đạo đức thiết thực và hiệu quả từ gia đình đến trường học, mà bằng công sức cả xã hội biết tôn trọng đạo lý và sau đó là luật pháp. Mỗi con người thực hành mười thiện nghiệp thuộc cả thân khẩu ý để dập tắt mọi ác niệm vốn bị kích thích do thế giới bên ngoài nhiều vọng động. Lúc đó, chúng ta sẽ hiểu vì sao Phật dùng mọi phương tiện để cứu chúng sanh ra khỏi nhà lửa mà hôm nay chúng ta đang mê cuồng trong ấy. Hạt ngọc thương yêu nằm trong tay áo hay trong sâu kín tâm hồn của những gã cùng tử. Hãy dùng trí huệ đánh thức từ bi, khi ấy Trí huệ và Từ bi là một, như mặt trời (trí huệ) và sự tỏa chiếu ánh sáng nuôi dưỡng của nó (từ bi): không có mặt trời nào không tỏa chiếu và không có sự tỏa chiếu rực rỡ nhất nào mà không phải là mặt trời. Xây lại căn nhà giáo dục nằm trong thiện nguyện ấy!

Và khi đó ta sẽ ở trong thế giới *Pháp Hoa*. ■

Dẫn thêm:

New York: tên chính thức *City of New York*, là thành phố đông dân nhất tại Hoa Kỳ và trung tâm của Vùng đô thị New York, một trong những vùng đô thị đông dân nhất trên thế giới. Dân số thành phố được ước tính vào năm 2007 khoảng trên 8,3 triệu người, với một diện tích đất là 789,4km². Dân số Vùng đô thị New York được ước tính là 18,8 triệu người trên diện tích 17.405km².

Thành phố Hồ Chí Minh: (hiện nay vẫn được gọi phổ biến với tên cũ là Sài Gòn) là thành phố đông dân nhất bao gồm 19 quận và 5 huyện, tổng diện tích 2.095,06km². Theo kết quả điều tra dân số chính thức vào thời điểm 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2009 thì dân số thành phố là 7.162.864 người, chiếm 8,34% dân số Việt Nam (nguồn Wikipedia).

Tổ Đình, ngôi chùa từ Đạo Hiếu

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

Đến phường Thủy Xuân, TP.Huế, du khách nhớ ghé thăm chùa Từ Hiếu, một trong những ngôi cổ tự có nhiều điển tích của đất Cố đô.

Kiến trúc đậm “chất Huế”

Chùa Từ Hiếu là một trong những ngôi chùa cổ có nét kiến trúc đậm chất Huế xưa. Chùa nằm trên địa phận phường Thủy Xuân, cách nội thành TP.Huế chừng 5km về phía Tây, rộng khoảng 8 mẫu tây.

Trước mặt chùa có khe nước bao quanh và khi phóng tầm mắt nhìn xa về hướng Đông nam, du khách có thể thấy núi Ngự Bình. Trước cửa chùa Từ Hiếu có tháp Bồ Đề dựng từ năm 1896 để chứa những kinh tự hổng cho tự hủy. Du khách vào chùa qua cổng tam quan sẽ đến sân, hồ bán nguyệt. Sau chùa có hai nhà bia, tiếp đến là tiền đường rồi nhà Tổ. Phía sau có hai dãy ở hai bên: Tả Lạc Thiên làm chỗ cho các nhà sư nghỉ ngơi và Hữu Ái Nhật để tiếp khách thập phương.

Trên các cánh cửa ra vào chùa có nhiều câu đối hay, viết bằng chữ Hán; chẳng hạn như câu đối ở chánh điện:

慈孝表微稱人心世道有關梵宇鐘聲宣大覺
楊春多美景古刹名藍所在如來慧日照中天

Phiên âm:

Từ Hiếu biểu huy xưng, nhân tâm thế đạo hữu quan, Phạm Vũ chung thanh tuyên đại giác.

Dương Xuân đa mỹ cảnh, cổ sát danh lam sở tại, Như Lai tuệ nhật chiếu trung thiên.

Có nghĩa là:

Từ Hiếu lắm danh lành, nhân tâm đời đạo ở đây, tiếng chuông phạm vũ rao truyền đại giác.

Dương Xuân nhiều cảnh đẹp, cổ tự danh lam tại đó, mặt trời Phật tuệ chiếu rạng trung thiên.

Tại bảng thông báo của Ban Quản trị Tổ đình Từ Hiếu lập vào ngày 20-2-1989 có viết: Tổ đình Từ Hiếu do nguyên “Tăng cang Giác Hoàng Quốc Tự” tức Hoà thượng Nhất Định khai sơn. Sau đó, chùa trải qua các đời trụ trì: Hòa thượng Cương Kỳ, Hòa thượng Huệ Đăng, Hòa thượng Tâm Tịnh, Hòa thượng Huệ Minh, Hòa thượng Chơn Thiệt, Thượng tọa Chí Niệm, Thiền sư Nhất Hạnh.

Chùa Từ Hiếu nổi tiếng khắp trong ngoài nước bởi nơi đây còn có một nghĩa trang “độc nhất vô nhị”. Nghĩa trang này là nơi chôn cất các quan thái giám của triều Nguyễn năm xưa. Cũng chính vì lẽ đó nên ngoài tên gọi Từ Hiếu, chùa còn có các tên gọi khác như “chùa Thái giám” hay “chùa Hoạn quan”. Người Pháp cũng gọi chùa là “Pagode des Eunuques” cũng với ý nghĩa như trên.

Việc này bắt đầu vào năm 1843, ngay khi sư Nhất Định mới lập “Thảo am An Dưỡng”. Lúc đó, quan thái giám Châu Phước Năng đang cung phụng cho vua Thiệu Trị lo rằng sau này khi mình nằm xuống mồ mả không ai coi sóc nên đã đứng ra quyên tiền góp của từ các thái giám trong cung cấm để trùng tu xây dựng “Thảo am An Dưỡng” thành một ngôi chùa.

Tám bia cổ trong khu mộ của các quan thái giám tại chùa Từ Hiếu do đại thần nhà Nguyễn là Cao Xuân Dục đứng ra soạn thảo giùm có viết rằng: “Nhân nghĩ rằng nếu không lo kế về sau, khi còn sống thì nương nhờ cửa Phật, mà sau khi chúng ta chết thì biết nương tựa vào đâu. Nhận thấy ở góc thành phía Tây nam gần chùa có một miếng đất, lấy gạch xây thành để làm chỗ về sau làm nơi chôn mộ. Ở đó làm một cái am lợp ngói để hằng năm thờ cúng, được gần cửa Phật mới là nơi thờ tự lâu dài... Trong khi sống chúng tôi tìm thấy ở đây sự yên tĩnh, khi đau ốm chúng tôi đến đây lánh mình và sau khi chết chúng tôi được an táng cùng nhau. Sống hay chết ở đây chúng tôi đều được yên tĩnh”.

Bởi thế về sau, những thái giám trong triều Nguyễn có phần công đức tại chùa sau khi mất đều cũng được nhà chùa mai táng, chôn cất và hương khói tại chùa Từ Hiếu.

Ngày nay, cách chính điện chùa Từ Hiếu khoảng 50m về phía bên trái, chính là khu nghĩa trang thái giám “có một không hai” này. Khu nghĩa trang này nằm ở phía bên trái trong khuôn viên nhà chùa, với diện tích gần 1.000m². Hiện có 25 ngôi mộ cổ còn nguyên vẹn, nằm thành 3 hàng được sắp xếp theo đẳng trật của các quan thái giám khi còn tại thế, ở giữa có tám bia khắc ghi công lao đóng góp của các thái giám.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân, người bỏ nhiều công sức thu thập tài liệu lịch sử và viết sách về triều Nguyễn, việc tuyển chọn thái giám vào cung chủ yếu từ hai nguồn. Một là những cậu bé sinh ra đã bị



khiếm khuyết, gọi là giám sinh. Theo luật triều Nguyễn, năm Minh Mạng thứ 16 (1836), khi có giám sinh chào đời, cha mẹ đứa trẻ phải báo ngay cho viên chức làng, xã để lập danh sách báo lên cho Bộ Lễ. Khi đứa trẻ lên 10 được đưa vào cung dạy dỗ lễ nghi, kiến thức, cách xử sự... trong hoàng cung, khi lớn lên thì tuyển vào đội ngũ thái giám. Làng nào giấu giếm "giám sinh" sẽ bị phạt rất nặng. Để khuyến khích sự phát hiện giám sinh trên cả nước, làng nào có giám sinh nghiêm nhiên sẽ được miễn thuế 3 năm, do đó những đứa trẻ sinh ra bị khiếm khuyết không những không bị coi thường, mà còn được dân làng gọi là "ông Bộ". Nhưng giám sinh thường khó phát hiện và không an toàn tuyệt đối nên việc tuyển chọn từ nguồn thứ hai khá phổ biến. Đó là những gia đình sinh con nhưng hoàn cảnh quá nghèo khổ, tự nguyện cho con làm thái giám. Đó chỉ là các giám lật.

Còn theo nhà nghiên cứu Huế Hồ Tấn Phan, vào giai đoạn đầu triều nhà Nguyễn, mỗi triều đại thường có khoảng 200 thái giám. Con số này tùy thuộc vào sự hưng thịnh của từng triều vua. Khi vua Bảo Đại, vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn, chính thức lên ngôi, việc tuyển thái giám không còn nữa.

Theo tục lệ, hàng năm cứ đến rằm tháng 11, chùa Từ Hiếu lại tổ chức ngày giỗ chung để tưởng nhớ những người đã mất, trong đó có thái giám triều Nguyễn.

Tại sao chùa mang tên Từ Hiếu?

Trong *"Đại Nam nhất thống chí"*, bộ sách lịch sử địa lý của Quốc sử quán triều Nguyễn, biên soạn thời Tự Đức, có thuật lại tấm gương hiếu của Thiền sư Nhất Định.

Chuyện bắt đầu vào năm 1843, thời vua Thiệu Trị (1841-1847), khi sư Nhất Định từ chức "Tăng cang Giác Hoàng Quốc Tự" và trao quyền trụ trì chùa Bảo Quốc cho pháp đệ là Nhất Niệm để đến nơi ngày nay là chùa Từ Hiếu và dựng thảo am An Dưỡng để tịnh tu và nuôi dưỡng mẹ già.

Tại sao có chữ Dưỡng? Nguyên do vì sư Nhất Định có mẹ đã già, không nỡ bỏ mẹ mà đi tu, để người trợ trợ một mình. Cho nên khi đến đây, thấy sơn thủy thanh cao rất thanh tịnh cho sự ẩn cư, ngài liền về công mẹ, lặn lội lập am nương náu. Tại đây, vừa tu hành, tìm đạo giải thoát, kinh kệ hàng ngày, ngài vừa rau cháo qua ngày, nuôi dưỡng, săn sóc thân mẫu vốn rất thường đau yếu. Bởi thế mới có chữ "Dưỡng" trong tên Thảo am An Dưỡng của ngài lúc đó.

Rồi một ngày nọ, dưới thời vua Tự Đức (1829-1883), mẹ của nhà sư Nhất Định bị bệnh rất nặng. Sáng tối, nhà sư chăm sóc và lo thuốc thang hết lòng nhưng bệnh cụ vẫn không khỏi. Thấy thuốc khuyên nhà sư nên mua thêm thịt cá để tẩm bổ cho mẹ, bởi mẹ nhà sư đã quá suy nhược cơ thể. Nghe xong, mặc thiên hạ

đám tiếu chê bai, sư Nhất Định vẫn chống gậy băng rừng lội bộ xuống chợ cách đó hơn 5km (Bến Ngự ngày nay) để mua cá chết, treo trên đầu trượng trúc, mang về nấu cháo cho mẹ già ăn. Nhờ thế, mẹ của sư Nhất Định mới qua được cơn hiểm nghèo, lần hồi bệnh thuyên giảm...

Câu chuyện vang đến tai Tự Đức vốn là vị vua rất hiếu thảo với mẹ. Mẫu hậu của vua Tự Đức là bà Từ Dũ được vua săn sóc, tôn kính, vâng lời hết mực. Bà truyền bảo điều gì đáng lưu tâm, vua liền ghi ngay vào sách tùy thân mà nghiền ngẫm, gọi là *"Tứ huấn lục"* (sách chép lời mẹ dạy). Trải qua suốt 36 năm chấp chính ngai vàng, vua Tự Đức bao giờ cũng dành ngày chẵn vào cung vấn an sức khỏe mẹ, ngày lẻ thì lo việc triều nghi, chẳng vì ngồi trên chỗ vạn năng quyền thế mà lơ là phận làm con. Không những thế, có gì lo âu, vua liền thỉnh ý để được nghe lời dạy bảo. Nhờ vậy, bà đã từng đề nghị giảm thuế má cho dân vào những khi gặp thiên tai, mất mùa, đói kém, nhà vua đều làm theo ý mẹ. Có lần, ngày mai là đến kỳ giỗ kỵ tiên đế Thiệu Trị, thế mà hôm ấy nhà vua ham săn bắn, gặp nước lụt chảy mạnh bất ngờ, quan quân chưa dám dong thuyền hồi cung, phải mắc kẹt chốn ngoại thành rừng Thuận Trục. Bà Từ Dũ sai quan Nguyễn Tri Phương đi rước, khi vào cung, vua biết lỗi, dâng roi, nằm xuống chờ quở phạt. Bà giận, quay mặt chẳng nói, sau mới tha cho hình phạt, chỉ trách dạy bằng lời mà thôi. Xem thế, đủ biết vua Tự Đức thờ mẹ rất có hiếu.

Bởi thế, vua Tự Đức rất cảm phục trước tấm lòng của sư Nhất Định nên ban cho *"Sắc tứ Từ Hiếu tự"* và lệnh cho tiền của sửa sang lại. *"Thảo am An Dưỡng"* được mang tên chùa Từ Hiếu từ đó.

Khi biết được điển tích trên, người viết chợt nhớ đến bài thơ của Lý Văn Phức, vị quan dưới thời Gia Long:

*Người tai mắt đứng trong trời đất,
Ai là không cha mẹ sinh thành,
Gương treo đất nghĩa trời kinh,
Ở sao cho xứng chút tình làm con.
Chữ hiếu niệm cho tròn một tiết
Thì suy ra trăm nét đều nên...*

Kinh Phật cũng đã dạy rằng: *"Tốt cùng của THIÊN, không gì hơn HIẾU. Tốt cùng của ÁC, không gì hơn BẤT HIẾU"*.

Và Đức Phật cũng dạy rằng: *"Hiếu thảo đứng đầu muôn hạnh"; "Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật"*.

Có thể nói, gương hiếu thảo đời nào cũng có. Ở phương Tây, Thiên Chúa giáo răn các con chiên phải *"thảo kính cha mẹ"*. Ở Trung Hoa, *"Nhị thập tứ hiếu"* của Quách Cư Nghiệp đời Nguyên được xem là cuốn sách hay về 24 tấm gương hiếu thảo tiêu biểu.

Trong xã hội Việt Nam ta cũng vậy, còn có rất nhiều tấm gương sáng và cả một kho tàng ca dao, tục ngữ về

phận làm con cái. Sách *"Đại Việt sử ký toàn thư"* của Ngô Sĩ Liên có chép hai việc sau đây:

1. Vua Lý Nhân Tông (1072-1127) đã bãi dịp Trung nguyên yến ẩm chúc tụng của bách quan đối với mình để làm lễ Vu-lan bồn cầu siêu cho mẹ đúng theo ý nghĩa Phật giáo.

2. Vua Lý Nhân Tông (1128-1138) cũng bỏ yến ẩm chúc tụng của bách quan dâng biểu ở điện Thiên Ân vào dịp lễ Trung nguyên để thiết lễ đại trai đàn, cầu siêu cho phụ hoàng là vua Nhân Tông, và cử hành nghi lễ theo nghi thức Phật giáo. Đó là việc hai vua đời Lý báo hiếu cha, mẹ đã mất.

Bên cạnh đó, thờ cha kính mẹ, thảo hiếu với ông bà là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa. Người Việt Nam không mấy ai không thuộc những câu ca dao:

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Dân gian ta cũng có câu: *"Thờ cha kính mẹ mới là chân tu"*.

Ca dao cũng có câu:

*Làm trai nết đủ trăm đường
Trước tiên hiếu hiếu, đạo thường xưa nay
Công cha đức mẹ cho dày
Cứu mang trứng nước những ngày ngây thơ
Nuôi con khó nhọc đến giờ
Trưởng thành con phải biết thờ hai thân
Thức khuya dậy sớm cho cần
Quạt nồng ấp lạnh giữ phần đạo con.*

Trong *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du, nàng Kiều đã phải bán mình chuộc cha, đặt hiếu trên tình, dù phải đi vào đoạn trường. Những tháng ngày lưu lạc, Kiều vẫn chạnh nhớ cha già, lo thiếu người phụng dưỡng:

*Sân hoè đôi chút thơ ngây
Trần cam ai kẻ đỡ thay việc mình.*

Cụ Nguyễn Du quan niệm tình là tình ở lòng, nên lòng hiếu cũng như lòng trinh, đó là tấm lòng cao đẹp: *"Như nàng lấy hiếu làm trinh"*.

Chính vì vậy, vào các ngày rằm, chùa Từ Hiếu luôn đông đúc các thiện nam tín nữ lên chùa bái Phật. Họ lên chùa không gì hơn là để cầu Đức Phật sức khỏe cho ba mẹ, ông bà. Chùa Từ Hiếu trở thành ngôi chùa nổi tiếng của Huế và khắp nước chính là vì lý do cảm động này.

Tuy nhiên, khi xã hội bị chiến tranh loạn lạc, chạy theo đồng tiền, nền tảng đạo đức xã hội suy đồi thì chữ *"hiếu"* lại bị vắn đục. Như trong kinh Phật có nêu lên chuyện ngài Mục-kiền-liên từng có tiền kiếp giết cả cha mẹ mù lòa vì bị vợ gièm pha. Hay như vào cuối thế

kỷ XIX, lúc thực dân Pháp xâm lược và đô hộ Việt Nam, nhà thơ Trần Tế Xương từng than rằng:

*Nhà kia lỗi đạo con khinh bố
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.*

Hoàn cảnh xã hội chúng ta hiện nay hiện có dấu hiệu xuống cấp về đạo đức và lối sống của giới trẻ. Đối với đạo đức giới trẻ, nguyên nhân là do sự buông lỏng của nhà trường, gia đình và các đoàn thể xã hội trong công tác giáo dục, quản lý, theo dõi hành vi đạo đức thanh thiếu niên. Điều này khiến nhiều thanh thiếu niên không những không được trang bị những quy tắc ứng xử đạo đức cơ bản và cần thiết mà còn bị lôi cuốn vào những hành vi hư hỏng của bạn bè xấu và những sân chơi xấu.

“Cha mẹ sinh con, trời sinh tính”, thử hỏi con cái làm sao thảo kính cha mẹ khi các em không được giáo dục về điều đó thường xuyên, kịp thời và đúng đắn?

Để con cái làm tròn chữ “hiếu”, việc thanh thiếu niên ai ai cũng được giáo dục đạo đức kỹ càng từ thuở nhỏ là một điều vô cùng cần thiết.

Đối với cha mẹ thì không nên nuông chiều con cái để các em sinh hư, đua đòi lối sống vật chất. Vì dân gian ta có câu: “Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”. Và nên phải

“thương cho roi cho vọt” đúng mực thì con cái mới kính sợ cha mẹ, ông bà. Thậm chí, vấn đề “thai giáo” (giáo dục con trong bụng mẹ) cũng đã được đặt ra. Ở Huế, người viết đã từng được nghe Tiến sĩ Thái Kim Lan đề cập đến vấn đề này ở Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán.

Đối với nhà trường, hãy nên đề cao mô hình “Tiên học lễ, hậu học văn” để đào tạo đạo đức cho giới trẻ.

Đối với phong trào xã hội, cần xây dựng vững chắc lại công tác đoàn đội, hướng thanh thiếu nhi vào những sân chơi bổ ích và lành mạnh.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần tái cơ cấu để khóa lấp “hố sâu” giàu nghèo, và tạo công ăn việc làm tương xứng cho đội ngũ lao động của xã hội. “Nhàn cư vi bất thiện”, con cái nếu chỉ ăn chơi lêu lổng và ngửa tay xin tiền cha mẹ thì làm sao các em biết quý trọng đồng tiền do cha mẹ làm ra? Làm sao các em biết được sự cực khổ của cha mẹ trong việc nuôi dưỡng con cái là như thế nào? Và do đó, làm sao các em thảo hiếu với đấng sinh thành?

Cuối cùng, cũng cần nghiêm trị những đứa con đại nghịch bất đạo để làm gương cho xã hội. Giống như pháp luật xưa kia quy định tội đánh đập trọng thương, giết cha mẹ, ông bà thuộc “thập ác” và bắt dung tha của xã hội. ■





Truyền thông nhìn từ Phật giáo

PHAN TẤN

Khi thông tin được truyền đi từ người này sang người kia, đó là truyền thông. Phương tiện trao truyền thông tin có nhiều hình thức, như lời nói, nụ cười, khéo mắt, cử chỉ... cho tới chữ viết, hình ảnh, ký hiệu, truyền hình, truyền thanh, internet, điện thoại di động, và vân vân.

Truyền thông, do vậy, cần tới kỹ năng. Riêng với người Phật tử, khi bước vào ngành truyền thông không chỉ luyện kỹ năng viết, sử dụng máy ảnh, quay phim, phối khí nhạc... mà cũng cần phải hiểu pháp, và biết cách trao truyền vừa đúng sự thực ngoài đời, vừa xử thế khéo léo sao cho đúng Chánh pháp.

Trong kinh *Pháp Cú*, bản do Hòa thượng Thích Thiện Siêu dịch, có tóm lược về vai trò truyền thông của Phật tử: phải có kỹ năng đặt câu cho có nghĩa lý, và truyền được Chánh pháp để người nghe biết cách giữ tâm cho tịch tịnh.

Trích phẩm Ngàn, như sau:

“100. Tụng kinh đến ngàn câu vô nghĩa chẳng bằng một câu có nghĩa lý, nghe xong tâm liền tịch tịnh.

101. Tụng đến ngàn câu kệ vô nghĩa, chẳng bằng một câu kệ có nghĩa lý, nghe xong tâm liền tịch tịnh.

102. Tụng đến trăm câu kệ vô nghĩa chẳng bằng một *Pháp Cú*, nghe xong tâm liền tịch tịnh”.

Thực ra, kỹ năng ngôn ngữ không chỉ riêng người trong ngành truyền thông cần tới. Bất kỳ Phật tử nào

cũng cần giỏi tiếng Việt, và nếu có thể, nên học thêm tiếng Anh. Như thế, chúng ta sẽ đọc tin hàng ngày được bằng tiếng Anh, và thêm một chân trời mới sẽ hiện ra, sẽ thấy rằng trí thức Hoa Kỳ và châu Âu đang theo học Phật giáo rất đông. Và hầu hết, họ có khuynh hướng khác Phật tử Việt Nam – thí dụ, đa số trí thức Mỹ-Âu tới chùa để tìm hiểu và học Thiền, trong khi đa số Phật tử Việt Nam lo chuyện tụng kinh cầu siêu, cầu an. Những hiện tượng xã hội đó cần được nghiên cứu cho kỹ, để có những phương pháp truyền thông phù hợp, để nói đúng những gì người nghe muốn tìm hiểu và trình bày theo những trình độ thích nghi.

Trong thế giới bây giờ, những gì chúng ta muốn học về kỹ năng hầu hết đều có thể tìm trên mạng. Bạn có thể tự học trên Internet rất nhiều kỹ năng: tiếng Anh ở VOA, BBC, YouTube; cách bố cục một bản tin viết hay nói; cách viết một bài nghiên cứu, một truyện ngắn, một vở kịch... và vân vân ở rất nhiều trang web Anh hay Việt. Học nhiều, rèn luyện nhiều, tất nhiên sẽ giỏi.

Nhưng nơi đây, chúng ta chỉ bàn đến điểm nhìn Phật tử về truyền thông. Và điều này rất cần thiết, vì cõi này vô thường, nghe được Phật pháp càng sớm càng tốt, rồi sẽ giúp nhau qua được dòng sông sinh tử. Từng dòng chữ viết xuống, nếu đúng Chánh pháp, sẽ tạo phước cho người viết, và cũng lợi ích cho người đọc.



Cách sử dụng ngôn ngữ viết hay nói, dù là ghi lại một cuộc phỏng vấn, hay kể lại một buổi thuyết pháp, hay ghi nhận về một buổi lễ Vu-lan, Phật đản... cũng cho thấy tài năng của phóng viên. Vì viết bản tin, cũng có thể là một cách thuyết pháp qua một lăng kính mới.

Trong kinh *Tạp A-hàm*, quyển 18, kinh *Diêm-phù-xa*, số 490, Đức Phật dạy:

“Nếu thuyết pháp mà điều phục dục tham, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si; đó gọi là vị khéo thuyết pháp”.

Như thế, chúng ta phải tránh những hình ảnh hay ngôn ngữ gợi dục, tránh ngôn ngữ kích động sân hận hay căm thù, và cần sử dụng ngôn ngữ giúp người nghe thấy được Chánh pháp. Thái độ của nhà truyền thông lúc đó là phải nhu hòa, dùng ái ngữ, thay vì dùng ngôn ngữ hung hăng. Chỗ này cũng cho thấy trình độ tu học của nhà truyền thông. Cũng nên ghi nhận: Đức Phật cấm sử dụng ngôn ngữ khủng bố, cấm cả ý nghĩ khủng bố.

Kinh *Tạp A-hàm*, quyển 42, kinh *Bất hại*, số 1156, Đức Phật dạy:

Nếu thân không sát hại

Cả khẩu, ý cũng vậy

Thì đó là sát hại

Không khủng bố chúng sanh.

Do vậy, đối với Phật tử trong ngành truyền thông – dù là nói, viết, chụp ảnh, quay phim, vẽ bích chương... – có thể tự thấy việc mình làm cũng là bố thí pháp. Và như thế, sẽ rất hoan hỷ khi làm việc, vì thấy mình đang bố thí pháp không mệt mỏi. Với tâm như thế, sẽ thấy cần tu học rất nhiều. Vì những gì mình nói ra, viết ra cần mang theo Chánh pháp. Kỹ năng truyền thông giỏi với

tinh thần Chánh pháp được Đức Phật ca ngợi là biện tài.

Trong kinh *Tăng Nhất A-hàm*, Bốn Pháp, 29, Phẩm Khổ Lạc, Kinh số 5, Đức Phật dạy:

“Có 4 loại biện tài là nghĩa biện, pháp biện, từ biện và ứng biện... Trong lúc thuyết pháp, không có khiếm nhược, không có sợ hãi, hay khiến cho chúng bốn bộ hòa vui. Đó gọi là ứng biện”.

Đó là lý do Đức Phật khuyến học, khuyến là phải nghe pháp nhiều. Ngày xưa, học là nghe, cho nên người học giỏi còn được khen là người nghe [pháp] nhiều, tức là đa văn.

Trong kinh *Tăng nhất A-hàm*, Bốn pháp, 27, phẩm Đăng Thú Bốn Đệ, kinh số 7, Đức Phật dạy:

Dũng mạnh, không sợ hãi,

Đa văn hay thuyết pháp,

Trong chúng là sư tử

Hay trừ pháp khiếm nhược.

Và Đức Phật gọi những người đa văn là “hạng người đệ nhất”.

Tuy nhiên, chớ tưởng rằng Phật pháp chỉ cần học qua chữ. Vì nếu không tu thật sự, sẽ chỉ hiểu lơ mờ và thậm chí, có thể sẽ hiểu nhầm pháp nghĩa; lúc đó lại tai hại. Như trường hợp ngài Châu-lợi-bàn-đặc, không học thuộc nổi giới, bị ông anh cũng là Tỳ-kheo nói rằng thôi em về đời đi, sao học giới hoài không thuộc.

May mắn, Đức Phật dùng thiên nhân, thấy từ xa ngài Châu-lợi-bàn-đặc than khóc, mới hỏi, và rồi chỉ đưa chổi và dạy 2 chữ thôi: “quét chổi.” Vậy mà phát huệ, đắc quả A-la-hán. Truyện này ghi trong *Tăng nhất A-hàm*, Hai pháp, 20, phẩm Thiện tri thức, Kinh số 12.

Truyền thông cực kỳ quan trọng trong Phật pháp. Đó là lý do Đức Phật ca ngợi “hai hạng người khó gặp” trong *Tăng nhất A-hàm*, Hai pháp, 19, phẩm Khuyến thỉnh, Kinh số 10:

“Có hai hạng người xuất hiện thế gian, rất khó gặp được. Hai hạng người ấy là ai? Người hay thuyết pháp xuất hiện ở thế gian, thật là khó gặp được; người hay nghe pháp, thọ trì phụng hành, thật là khó gặp được”.

Người truyền thông giỏi cũng là người biết khi nào phải im lặng. Kinh *Tăng nhất A-hàm*, Bảy pháp, 40, phẩm Bảy ngày, Kinh số 1, Đức Phật dạy: “Một là luận bàn như pháp; hai là im lặng như Thánh Hiền. Các người làm hai việc này, luôn luôn được an ổn, không mất thời nghỉ”.

Im lặng của bậc Thánh? Đúng vậy, Đức Phật dạy là có lúc phải giữ im lặng như bậc Thánh.

Đúng là có những lúc phải lên tiếng, và đúng là có những lúc phải im lặng. Xin dùng câu này để kết thúc bài viết. ■

Ghi chú: Tất cả trích dẫn *Tạp A-hàm* và *Tăng nhất A-hàm* nêu trên đều từ bản dịch của Tỳ-kheo Thích Tuệ Sỹ và Tỳ-kheo Thích Đức Thắng, đăng lại trong “*A-hàm: Mưa Pháp Chuyển Hóa Phiền Nào*, tập 2” của Ni sư Thích nữ Giới Hương.

Nhà vườn Kim Long

Kiệt tác thơ về kiến trúc đô thị

Bài & ảnh: TRẦN VĂN DŨNG

Nói đến kiến trúc truyền thống Huế, người ta thường nghĩ ngay đến nhà vườn. Bởi lẽ, nhà vườn là di sản đặc trưng tạo nên bản sắc văn hóa Huế, ảnh hưởng lớn đến việc hình thành cốt cách, tâm hồn của con người xứ Huế và là một bộ phận cấu thành di sản văn hóa của vùng đất cố đô. Đặc biệt, trên đất Huế có vùng Kim Long là nơi phong thủy hữu tình; trời, đất, nước, người cùng quyện hòa thanh thái trong những không gian nhà vườn xanh ngát. Kỳ thực, những nhà vườn truyền thống ấy đã từng vang bóng một thời, và nay là nơi lưu giữ những ánh hào quang quá vãng của danh hương Kim Long xưa, mà nếu thiếu vắng thì bức tranh họa đồ xứ Huế có thể kém lung linh vì thiếu những gam màu sâu lắng.

Cổ nhân có câu “đất lành chim đậu”. Đầu năm 1636, Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1636-1687) thấy đất Kim Long là nơi “có địa hình tốt đẹp” nên đã cho dời phủ chính từ Phước Yên về trung tâm đất Hà Khê, gọi là phủ Kim Long (Rồng vàng - ám chỉ một cuộc đất tốt, một thế đất đẹp). Kim Long trở thành thủ phủ đầu tiên đóng bên bờ tả ngạn sông Hương, giữ vị trí trung tâm chính trị, quân sự và hành chính của xứ Đàng Trong. Dần dà, sinh hoạt vùng này trở nên sầm uất, phồn vinh, nên giáo sĩ Alexandre de Rhodes trong cuốn hồi ký của mình, luôn gọi Kim Long là “thành phố lớn”, “kẻ Huế”. Ông đã mô tả phủ Chúa lúc ấy rất khang trang, xinh xắn, phần lớn làm bằng gỗ với cột kèo chạm trổ tinh vi, nhà nào cũng có vườn, ban đêm thì đèn sáng trưng; dưới bến sông có thuyền rồng và nhiều thuyền chiến. Qua những dòng ghi chép của các giáo sĩ phương Tây, chúng ta có thể đoán định ngay từ hồi đó, mô hình nhà vườn gắn liền với dinh thự quan lại đã xuất hiện. Nếu tính từ năm 1636, nhà vườn Kim Long đã có hơn 200 năm lịch sử để hình thành và phát triển về kỹ thuật, mỹ thuật, và đặc biệt về chiều sâu văn hóa - lịch sử.

Ngay từ đầu triều Nguyễn, Kim Long đã được xem là vùng đất hứa cho việc an lập phủ đệ, tư thất của các hoàng tử, công chúa, công thần, khanh tướng. Kim Long từ đó trở thành vùng đất quyền quý, nổi danh với những vườn phủ đệ và sinh thành nhiều giai nhân với câu ca:

*Kim Long có gái mỹ miều;
Trầm thương, trầm nhớ, trầm liêu, trầm đi.*

Hiện nay, ở đây vẫn còn bảo lưu hàng chục vườn phủ đệ có kiến trúc nghệ thuật độc đáo như phủ Ấn Quang, Đức Quốc công, Cẩm Xuyên Quận vương, Diên Phúc Trường Công chúa, Khoái Châu Quận công, Phước Quốc công, Quy Quốc công, Vinh Quốc công... và nhiều

nhà vườn của các gia đình danh gia vọng tộc như An Hiên, Thường Lạc Viên, Xuân Viên Tiểu Cung, Tĩnh Dật Cơ, Phú Mộng Viên, An Lạc Viên, Nhã Viên... Các gia tộc sinh sống tại các nhà vườn truyền thống đó từ bao đời đã hun đúc, tạo nên Kim Long trở thành một danh hương, nơi ươm mầm cho những nét văn hóa gia đình hoàng tộc, là nơi trung chuyển lối sống và văn hóa cung đình đến với dân gian, góp phần hình thành nên tính cách Huế. Truyền thống đặc sắc đó đã ăn sâu vào trong tâm thức các thế hệ con cháu hoàng thân quốc thích, gia đình danh gia vọng tộc, tạo nên một nền nếp gia phong rất Kim Long như nhận xét của nhà nghiên cứu Trịnh Bách: “Chính các phủ đệ của ông hoàng bà chúa đã tạo ra cái phong cách Huế cho dân đế đô, vì chúng được xây ngoài phạm vi hoàng thành, xen lẫn với phố xá làng mạc. Cư dân chung quanh ngày xưa rất hãnh diện với các vương phủ trong bản hạt của họ. Họ cung cấp mọi dịch vụ cần thiết cho phủ, và cùng lúc đó họ học hỏi phong cách sống cung đình từ người trong phủ”.

Dưới triều Nguyễn, việc xây dựng nhà vườn từ tầng lớp quan lại quý tộc đến dân chúng đều được pháp luật quy định một cách chặt chẽ. Trong Bộ Luật Gia Long, điều 156 đã ghi rõ: “Nhà ở trong trường hợp nào cũng không được xây trên nền hai cấp hay chống mái, không được sơn son và không được trang trí. Nhà khách của các quan đại thần, nhất và nhị phẩm có 7 gian và 9 vì kèo, nóc mái được trang trí theo kiểu hoa hay động vật, cửa chính mở rộng theo 3 gian và 5 vì kèo và không được trang trí”.¹ Với vườn phủ đệ của các hoàng thân quốc thích cũng có quy định riêng, chẳng hạn năm 1816, dưới triều vua Gia Long đã có chuẩn định: “Phàm dựng nhà phủ cho hoàng tử, công chúa, thì chính đường 5 gian 2 chái, tiền đường 7 gian, chung quanh mái chống, hợp làm một tòa, lợp ngói âm dương, bốn bề chung quanh bao bằng tường gạch, mặt trước, mặt sau đều mở một cửa vòm, trong cửa xây bình phong”.² Sang thời vua Minh Mạng



(1820 - 1840), vườn phủ đệ tăng lên về số lượng. Bởi lẽ, vua Minh Mạng có 142 hoàng tử và công chúa; sau khi trưởng thành tất cả đều cần được ban cấp phủ đệ để ăn ở, sinh hoạt, rồi thờ tự sau khi qua đời. Năm 1822, nhà vua có quy định chặt chẽ hơn về quy mô kiến trúc của vườn phủ đệ. Quy mô kiến trúc bị thu hẹp, nhất là kiến trúc nhà chính để không được cạnh tranh với cung điện trong Đại nội. Công trình kiến trúc lớn nhất trong

phủ cũng không được làm đến 5 gian: “Phàm làm nhà hoàng tử, hoàng đệ, trưởng công chúa, công chúa chính đường và tiền đường đều 3 gian 2 chái lợp ngói âm dương, các khoản hành lang, cánh gà, nhà bếp chiếu theo đó mà làm”.³ Năm 1839, có lẽ để khống chế việc vườn phủ đệ phát triển theo chiều dọc (làm phủ chính điệp ốc nhiều tầng) và trang trí quá tinh xảo, triều đình lại quy định thêm: “Các hoàng tử, hoàng thân ở riêng không được làm



nhà 3 nóc, lầu đài cùng bài trí”.⁴ Thậm chí, sang thời vua Thiệu Trị (1841-1847), triều Nguyễn còn quy định giảm hẳn quy mô của nhà vườn, không cho làm nhà kép: “Phàm dựng làm nhà phủ hoàng tử công, hoàng tử, thân công, hoàng đệ, thái trưởng công chúa, trưởng công chúa và công chúa thì giảm bớt một tòa tiền đường, còn nhà chính thì 3 gian 2 chái, có tường bao bốn chung quanh, trước sau mở một cửa vòm, rộng 64 trượng, tường cao 5 thước 5 tấc. Còn nhà khác thì chiều y kiểu mẫu cũ”.⁵

Như vậy, chúng ta có thể hình dung một cách tổng quan dưới triều Nguyễn, ban đầu nhà vườn ở Kim Long có quy mô khá lớn, kiến trúc nhà chính làm theo kiểu nhà kép “trùng thiềm điệp ốc” và có thể lên đến 7 gian, nghĩa là không hề thua kém cung điện của nhà vua trong Đại nội. Từ thời vua Minh Mạng trở đi, triều đình mới ban hành luật lệ khống chế quy mô kiến trúc nhà vườn của hoàng thân quốc thích, danh gia vọng tộc xuống còn 3 gian 2 chái, không được làm nhà kép. Do vậy, nhà vườn Kim Long vào thời điểm này có cấu trúc 1 gian 2 chái hoặc 3 gian 2 chái là phổ biến. Về sau, do những quy định trên không còn nghiêm khắc như

trước nữa nên việc xây dựng nhà vườn 5 gian 2 chái vẫn còn xuất hiện. Điển hình hiện nay ở Kim Long vẫn có những trường hợp đặc biệt thuộc dạng nhà vườn có cấu trúc nhà chính 5 gian 2 chái như phủ thờ Đức Quốc công, phủ thờ danh tướng Đoàn Văn Trường.

Nhà vườn Kim Long được làm theo nhiều kiểu cách khác nhau tùy theo hoàn cảnh và sở thích của từng gia chủ, với cấu trúc phổ biến chung là nhà chính có kết cấu rường cột bằng gỗ, tường gạch, mái ngói và sân vườn. Tuy nhiên, ít ai ngày nay còn biết rằng tường gạch và mái ngói của nhà vườn Kim Long chỉ dành cho tầng lớp hoàng thân quốc thích, quan lại quý tộc; còn lại đa số nhà vườn Kim Long xưa đều được cấu trúc nhà chính với rường cột bằng gỗ, vách trát đất và mái lợp bằng cỏ tranh. Theo dòng lịch sử của vùng đất này, vào buổi đầu mở cõi, trong điều kiện giao thông vận tải còn cực kỳ khó khăn, thêm vào đó, đất đai của Thuận Hóa vốn lại không thích hợp để có thể chế tác nên các loại ngói lợp nhà chịu được mưa nắng của vùng đất vẫn được ví là “Ô Châu ác địa” này, việc tận dụng các vật liệu thô tại chỗ vào các công trình xây dựng là ưu tiên hàng đầu của cư dân bản địa. Về sau khi giao thông đã trở nên thuận lợi hơn, các loại gạch ngói cũng được vận chuyển dễ dàng từ các xứ xa đến, nhất là khi các loại vật liệu xây dựng như xi măng,... ngày càng phổ biến, kiểu nhà vườn gồm nhà rường với tường xây và mái ngói liệt trở nên thịnh hành hơn trong dân chúng. Dần dần, kiểu nhà vườn có kiến trúc nhà rường với vách trát đất và mái lợp cỏ tranh của tầng lớp bình dân đã dường như không còn nhìn thấy, tức là kiểu nhà vườn vốn có từ thuở sơ khai của xứ Thuận Hóa hầu như vắng bóng.

Những ngôi nhà vườn truyền thống ở Kim Long thường được quy hoạch trong một không gian thoáng rộng, thể hiện sự kết hợp giữa kiến trúc (ngôi nhà) và cảnh quan (khu vườn) một cách có dụng ý để tạo thành một không gian sống theo tính cách Huế với những yếu tố tuân theo quy luật “phong thủy”, bao gồm: Cổng ngõ, hàng rào, bình phong, hòn non bộ, bể cạn, sân, nhà chính, nhà phụ và vườn. Có thể nói, kiến trúc nhà vườn truyền thống Kim Long giống như một Kinh thành Huế thu nhỏ, với bình phong thay núi Ngự, bể nước thế dòng sông Hương, hòn non bộ, hang động, thác nước, các loại cây cảnh, hoa và cây ăn quả... mang nhiều giá trị văn hóa nghệ thuật đặc sắc. Nhà vườn truyền thống thể hiện vị trí xã hội, uy quyền và tính cách riêng có của từng vị chủ nhân và đã thực sự trở thành nét văn hoá đặc trưng trong kiến trúc đô thị hiện nay. Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường, một người rất am hiểu văn hóa Huế đã từng viết: “... Người Huế lập vườn, trước hết như là nơi cư ngụ của tâm hồn mình giữa thế gian, ước mong chỉ là chút di sản tinh thần để lại cho con cháu mai sau...”.

Nhà vườn truyền thống ở Kim Long được tạo dựng bởi tài năng, trí tuệ và công sức của những người thợ tài hoa và sử dụng những vật liệu địa phương, nó không

chỉ là thành tựu của sự chọn lọc những giải pháp tối ưu trong xử lý kỹ thuật mà còn là một tác phẩm nghệ thuật về kiến trúc đã được đúc kết và hoàn thiện qua nhiều thế hệ. Lối vào nhà vườn được mở từ phía trước ngôi nhà bởi một con đường uốn lượn giữa hai hàng chè tàu và hai hàng cau ở đầu hồi phía phải của ngôi nhà; tiếp đến là bình phong đủ để che chắn cho ngôi nhà khỏi mọi tai ương đến từ bên ngoài, nhưng lại không quá cao để che chắn tầm nhìn khiến chủ nhân không thể thưởng ngoạn hương sắc của các loài thảo mộc trong vườn. Phía trong, sau bức bình phong, trước ngôi nhà là một bể cạn trồng hoa súng và hòn non bộ; đây là yếu tố “*minh đường*” trong phong thủy. Kiến trúc chính là một ngôi nhà rường có dạng 1 gian 2 chái, 3 gian 2 chái hoặc 5 gian nằm gần như ở trung tâm khu vườn. Nội thất gian chính nhà vườn là bộ mặt của gia chủ, lại là nơi thờ phụng tổ tiên ông bà nên được chủ nhân thiết trí, trang hoàng hết sức công phu so với các gian còn lại; xung quanh trang hoàng bằng các bức hoành phi, câu đối có nội dung ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, đạo hiếu làm người và truyền thống gia tộc... Hầu hết, các thành phần cấu thành kiến trúc nhà chính như cột, kèo, liên ba, đồ bần được làm bằng gỗ mít hoặc kiền kiền, chạm trổ các mô-típ hoa văn rất tinh xảo, đó là mảng chạm khắc được thu nhận từ thiên nhiên vào trong nhà vườn.

Vườn hợp thể với kiến trúc, che bớt những đường nét khô cứng, hạn chế của công trình, tạo nên sự hòa hợp với cảnh quan thiên nhiên. Nét đặc trưng của nhà vườn Kim Long là tính pha tạp, đa chủng loại một cách có tính toán với các hệ cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu xứ Huế. Nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thông cho rằng: “*Chất vườn rừng trong không gian cây xanh quanh những ngôi nhà Huế phải được xem là ẩn tượng đầu tiên khi tiếp cận với nó*”.⁶ Tuy nhiên, việc chọn lựa và xếp đặt vị trí của cây xanh trong vườn cũng mang những nguyên tắc nhất định với tính ước lệ cao: hệ cây đại có ích được giữ lại như rau má, mã đề, rau trai, me đất, ngò tây,... có thể sử dụng chế biến các món canh giàu chất dinh dưỡng trong các bữa cơm gia đình; những cây hoa phục vụ cho các buổi lễ cúng kỵ diễn ra thường kỳ tại nhà vườn như phượng cúng, hoàng anh, hoa chuối, vạn thọ,...; hoa cảnh có hoàng mai, phong lan, địa lan, hồng, cúc, sung, sen, súng,...; hoa lấy hương như dạ lý, hoàng lan, ngọc lan, quỳnh hương,...; cây dược liệu để trị bệnh hay làm gia vị như ngải cứu, hành, riềng, sả, ớt, vò, rau tòn, long tu, lá lốt, rau thơm, rau răm, húng,...; cây dùng làm lá gói hoặc nguyên liệu làm bánh trái trong các ngày lễ tết như lá dong, lá gai, lá chuối,...; cây cảnh tạo thế như mai, tùng, bách, trúc, sanh, si, mận,...; cây ăn trái có cả đào, thanh trà, măng cụt, nhãn lồng, vú sữa, cóc, ổi, chanh, mít, dứa,...; và không kém phần quan trọng là các loại rau xanh, cây leo, cây lấy củ như xà lách, cải, khoai lang, bí, bầu, mướp,... do phụ nữ đảm trách. Ngoài ra, gia

chủ cũng kết hợp trồng các loại cây lấy gỗ nguyên liệu xung quanh vườn như sấu đông, mít, bàng,... vừa để tạo bóng mát quanh nhà. Chủ nhân của ngôi nhà vườn An Hiền đã từng nhận xét: “*Những giống cây quen thuộc phủ bóng bên cạnh cửa ngõ nhà vườn Huế như: cối, vòng đồng, bàng, da... không phải ngẫu nhiên được trồng ở đó, nếu như chủ nhân không nghĩ đến chỗ dừng chân nghỉ ngơi phút chốc trong cơn nắng gắt cho khách bộ hành. Đó chính là chất nhân văn ẩn chứa trong cảnh và người của Huế, những khoảng râm mát mà chủ nhân muốn chia sẻ với khách qua đường trên khuôn vườn của mình*”.⁷ Qua đó, chúng ta có thể thấy cách ứng xử nhân văn, có tình người của người dân Kim Long khi quy hoạch xây dựng không gian kiến trúc nhà vườn, thể hiện sự hòa hợp hoàn toàn với thiên nhiên và con người.

Từ những giá trị độc đáo về mặt kiến trúc nghệ thuật, lịch sử văn hóa của hệ thống nhà vườn Kim Long, chính quyền địa phương đã và đang cố gắng triển khai những mô hình khai thác sản phẩm du lịch nhà vườn một cách có hiệu quả, đặc biệt là loại hình du lịch sinh thái cộng đồng, hứa hẹn sẽ là những điểm đến lý tưởng với du khách. Ngoài việc chuẩn bị chỗ ăn, ngủ chu đáo, du khách sẽ ở chung và sinh hoạt chung với người dân địa phương như thành viên trong gia đình, thông qua những hoạt động cộng đồng đó để trải nghiệm các giá trị sống và văn hóa làng cổ Kim Long. Và chủ nhân nhà vườn chính là những hướng dẫn viên sống động giới thiệu đến du khách những nét giá trị lịch sử đặc sắc trong ngôi nhà của mình. Đây cũng chính là nhu cầu cơ bản của khách du lịch đến với du lịch sinh thái nhà vườn, đặc biệt là du khách quốc tế.

Ngày nay, cho dù diện mạo nhà vườn Kim Long đã có những thay đổi trong quá trình đô thị hóa, thì vẫn còn đó những ngôi nhà vườn danh tiếng hàm chứa biết bao điều kỳ bí cần phải khám phá, để du khách được cảm nhận một cách trọn vẹn thần thái, lối sống của người Huế, đặc biệt là tính cách “*mệ*” của mảnh đất “*Thần kinh*”. Nếu có một lần đến tham quan Cố đô Huế, xin mời bạn ghé thăm nhà vườn truyền thống Kim Long - Kiệt tác thơ về kiến trúc đô thị... ■

Chú thích:

1. Nguyễn Du Chi (1992), *Mỹ thuật Huế*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, tr.29.

2,3,4,5. Nội Các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 13. bản dịch của Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế.

6. Nguyễn Hữu Thông (2000), “Phác thảo chân dung nhà vườn truyền thống xứ Huế”, in trong *Di sản văn hóa nhà vườn xứ Huế và vấn đề bảo tồn*, Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại thành phố Huế, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Thừa Thiên - Huế.

7. Nguyễn Hữu Thông (2008), *Nhà vườn xứ Huế*, Nxb Văn Nghệ, tr.71-72.



Trường xưa nếp cũ...

TÔN THẤT THỌ

Khi bàn luận về việc học trong các thế kỷ trước, người ta thường nói đến *Quốc Tử Giám* hay hệ thống các trường địa phương do nhà nước quản lý. Đây được coi là hệ thống giáo dục chính thống của nhà nước quân chủ. Tuy nhiên, các trường này chỉ thu hút một bộ phận học sinh rất nhỏ, phần đông là con cái các tầng lớp từ trung lưu trở lên.

Trong dân gian, việc học do gia đình tự lo liệu, không liên quan tới nhà nước. Gia đình đủ ăn, nhà nào cũng muốn cho con đi học để biết dăm ba chữ Hán dùng trong việc tế tự. Nhà khá hơn cho con đi học để làm *ông làng*, *ông xã*; nhà khá hơn nữa thì cho con đi học để

lều chông đi thi ra làm quan, nếu rớt thì trở về nhà làm thầy cúng, thầy thuốc, thầy địa, thầy đồ... Thuở trước, việc mở trường lớp không bị một ràng buộc nào, từ đó hình thành nên những *ngôi trường làng* tự phát không chính thức... Thầy giáo dạy ở các trường này thường thuộc hai loại: những người đã có học vị nhưng muốn sống ẩn dật không ra làm quan, và những người mặc dù rất có tài năng, nhưng vì nhiều lý do không đỗ đạt qua các kỳ thi. Muốn làm *thầy đồ* ít nhất phải là *anh Khóa* (khóa sinh). Tùy theo chỗ trong kỳ thi Hương: nếu đỗ kỳ thi thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thì gọi là *khóa sinh* trường nhất, trường nhì, trường ba. Nếu đỗ tú tài thì gọi là *ông Tú*. Có nhiều người đỗ tiến sĩ nhưng không

làm quan mà trở về làng dạy học, thường học trò rất đông lên đến hàng trăm.

Trường làng có nhiều dạng: nếu nhà thầy đủ rộng thì nơi đây được dùng làm nhà học. Còn nếu thầy nghèo, thầy sẽ ở nhờ một người giàu có hơn, và dạy cho con cái chủ nhà, cũng như con cái của những nhà khác.

Công việc tổ chức một lớp học tuy đơn giản, nhưng hoàn toàn nằm trong khuôn khổ lễ giáo và người thầy luôn được kính trọng đúng như câu "*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*".

Thủ tục xin học được tiến hành giữa thầy và cha mẹ học trò. Khi trẻ em đến sáu, bảy tuổi, cha mẹ sẽ dẫn đến xin thầy cho *thụ giáo*. Nếu thầy ngồi dạy ở nhà người khác thì sau đó thầy xin phép chủ nhà để nhận thêm các học trò khác ngoài con cháu nhà chủ. Thường thì chủ nhà chấp nhận, bởi lẽ điều này làm vinh dự cho nhà họ. Cha mẹ cậu bé góp một con gà luộc, một đĩa xôi, một chai rượu trong *Lễ nhập môn*. Trong bữa cơm, thầy giáo, chủ nhà, cha mẹ cậu bé bàn về tính cách cậu học trò và đặt cho cậu một cái tên mới thay cho tên cũ.

Trong những tháng đầu tiên bao giờ cũng là những bài học về *đạo đức*. Trước tiên trẻ được học "*sãi tảo, ứng đối, tấn thoái*", nghĩa là phải học cách cư xử cho phải phép với người lớn và làm những việc như quét sân, quét lớp hay mài mực cho thầy. Nếu mắc lỗi, cậu học trò sẽ bị đánh đòn. Sau các bài học đạo đức; thầy bắt đầu dạy cách đọc và viết chữ Hán. Học trò sẽ được tập viết bằng thanh tre nhỏ chấm nước lã viết lên miếng gỗ bằng bằng con, hoặc viết lên khay cát hay viết lên lá chuối. Bao giờ viết thuận và quen tay mới được tập viết lên vở. Các thầy đều dạy theo chương trình chung do nhà nước quy định, sử dụng các tác phẩm kinh điển của Nho giáo bằng chữ Hán và sách văn vần do tác giả người Việt Nam soạn. Thầy còn chuẩn bị cho học sinh đủ trình độ dự các kỳ thi ở vùng hoặc ở kinh đô. Những trường tốt nhất còn thu hút được học sinh các làng khác.

Trên lớp, thầy ngồi chiếu hoa, xung quanh là tráp, bút, nghiên, diều. Học trò ngồi đối diện với thầy trên những chiếc chiếu nhỏ hơn, trò bé ngồi hàng trước, trò lớn ngồi hàng sau. Tuổi tác học trò trường làng rất chênh lệch, từ trò nhỏ cho tới những anh chàng có vợ, chuẩn bị thi Hương. Thầy giảng xong nhóm này thì quay sang giảng cho nhóm kia. Ở những lớp học đông, để thực hiện kỷ luật, thầy sẽ cử hai học trò lớn ngoan ngoãn, học giỏi làm *trưởng tràng nội* để giúp thầy coi sóc mọi việc, cậu *trưởng tràng nội* thì lo mọi việc trong phạm vi trường lớp, cậu *trưởng tràng ngoại* thì lo những việc bên ngoài.

Học trò đến trường từ 6 giờ sáng để nộp bài tập cho thầy, sau đó về nhà ăn sáng, 9 giờ trở lại trường, rồi ở lại học một mạch cho đến 3 giờ chiều. Học trò tuân thủ thời gian biểu này hằng ngày. Không có ngày nghỉ cuối tuần, nhưng hằng năm học trò được nghỉ ba kỳ dài để giúp cha mẹ trong công việc đồng áng, đó là



vào tháng 5; tháng 10 ÂL, và hai tháng trước và sau Tết Nguyên đán.

Cha mẹ trả công cho thầy mỗi năm một hoặc hai lần; ngoài ra còn chung nhau sắm cho thầy hai quần dài, hai áo dài, ba áo cộc. Trường hợp thầy giáo ở nhà xa, cha mẹ còn biếu tiền, quà cáp cho thầy về nhà mỗi kỳ nghỉ. Có khi học trò lớn còn được phái đi *hộ tống* thầy về tận quê nhà.

Dưới triều vua Minh Mạng (1820-1840), những năm mùa màng thất bát, mất mùa đói kém, nhà vua chuẩn y cho các địa phương trích lợi tức ruộng công để hỗ trợ cho các thầy giáo làng.

Mỗi khi người thân trong nhà thầy mất, các trò đều quyên "*tiền đồng môn*" giúp thầy. Cậu *trưởng tràng nội* chuẩn bị một bảng ghi số tiền mỗi trò, cả trò cũ lẫn trò đang học đều phải đóng góp, căn cứ vào hoàn cảnh từng người; rồi nộp cho *trưởng tràng ngoại* để cậu này đi thu. Ngày xưa hành vi trốn thuế triều đình còn có thể được dư luận châm chọc, chứ hành vi trốn đóng góp "*tiền đồng môn*" thì bị coi là một sự trốn tránh nghĩa vụ mang tính đạo đức. Trong trường hợp thầy mệnh một, học trò phải để tang như cha mẹ.

Sau kỳ thi Hội cuối cùng năm 1919, các trường làng của các thầy đồ dạy chữ Hán dần dần biến mất khỏi cuộc sống của dân làng. Các phương pháp học tập truyền thống cũng dần mai một.

Có thể nói rằng, dù sự học có nhiều bất cập, nhưng chế độ học tập thời xưa đã tạo nên một dân tộc yêu quý văn học và rất ham học. Và mặc dù chương trình học khá sơ sài, nhưng công việc dạy học rất được quý trọng, tất cả đều gìn giữ tinh thần *tôn sư trọng đạo*; đó là một truyền thống đáng quý, hình thành nên nền tảng đạo đức tốt đẹp của dân tộc qua bao thế hệ. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Thi cử Nho giáo*, chủ biên Hữu Ngọc, Nxb Thế Giới, 2005.
- *Khoa cử và giáo dục Việt Nam*, Nguyễn Q.Thắng, Nxb TH TP.HCM, 2005.



Ý dẫn đầu các pháp

NGUYỄN HẢI

Kinh *Pháp Cú* nói đến lối sống khổ đau và nếp sống an lạc qua hai bài kệ:

*Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo.
Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình.¹*

Theo lời Phật thì khổ đau hay an lạc nằm ở con người, nằm ở hành vi của con người, thể hiện qua thân, khẩu, ý. Con người có thân, khẩu, ý để thực thi đời sống của mình, trong đó ý thức hay tư tưởng đóng vai trò chủ động, có công năng thôi thúc các hành vi thuộc lời nói và việc làm thể hiện ra bên ngoài. Ý thức mà trong sáng lành mạnh thì theo đó lời nói và hành động cũng trong sáng lành mạnh và đưa đến an lạc; ngược lại, nếu tâm ý mà ô nhiễm tiêu cực thì lời nói và hành động sẽ sai lầm xấu ác và dẫn đến khổ đau. Chính vì thế mà đạo Phật chú trọng đến

tâm thức, nhấn mạnh đến việc tu tập, uốn nắn, chuyển hóa, làm trong sáng và trong sạch nội tâm.

Trong kinh *Mật hoàn* thuộc tuyển tập *Trung Bộ*, Đức Phật nói đến cách thức dứt trừ chiến tranh khổ đau, thiết lập hòa bình an lạc bằng biện pháp tâm thức, nỗ lực chặn đứng các hý luận vọng tưởng, tức các ý tưởng mê lầm xấu ác, bị tham dục, sân hận, tà kiến chi phối và ám ảnh.

Ngài nêu rõ:

"Này Tỳ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người. Nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ, thời như vậy là sự đoạn tận tham tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn."²

Theo lời Phật thì mọi thứ trên cuộc đời đều do duyên mà có mặt, không có duyên thì chúng không hiện hữu. Những biểu hiện xấu ác, bất thiện, có khả năng đưa đến khổ đau cho con người, như chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh... gọi chung là hành vi chiến tranh sở dĩ có mặt là do sự dấy khởi và vận hành của các tập khí bất thiện tiềm tàng bên trong con người như tham tùy miên

(*ràgànusaya*), sân tùy miên (*byàpàdànusaya*), kiến tùy miên (*ditthànusaya*), nghi tùy miên (*vicikicchànusaya*), mạn tùy miên (*mànànusaya*), hữu tham tùy miên (*bhavaràgànusaya*), vô minh tùy miên (*avijjānusaya*). Chính các tập khí hay tùy miên này là duyên, làm điều kiện cho các hành vi bất thiện như chấp trước, chấp kiếm... phát sanh đưa đến chiến tranh, gây nên khổ đau. Nhưng các tập khí bất thiện tiềm ẩn bên trong con người ấy cũng là các pháp do duyên mà sanh, nghĩa là do duyên sự ám ảnh của hý luận vọng tưởng (*papañcasannā*), tức do các ý tưởng mê lầm sanh khởi và vận hành mà tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên dấy khởi và hành hoạt. Nói cách khác, do dục tưởng (ý tưởng bị tham dục chi phối và trôi chảy theo hướng làm lớn mạnh lòng tham dục), sân tưởng (ý tưởng bị sân hận chi phối và vận hành theo hướng làm tăng trưởng tâm sân hận), hại tưởng (ý tưởng bị tà kiến chi phối và hành hoạt theo hướng làm lớn mạnh các tà kiến hay ngã tưởng) dấy khởi và vận hành mà tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên ở bên trong con người có điều kiện dấy khởi và hành hoạt, tiếp tục thúc đẩy các hành vi xấu ác bất thiện biểu lộ ra bên ngoài như chấp trước, chấp kiếm, đấu tranh... vọng ngữ. Như vậy, theo lời Phật thì cái gọi là chiến tranh khổ đau là hệ quả của một chuỗi các nhân duyên sanh khởi và vận hành, cái này sanh khởi và vận hành tạo điều kiện hay làm duyên cho cái kia sanh khởi và vận hành trong một chuỗi vòng tròn nhân quả trùng trùng gọi là lý Duyên khởi (*Patīccasamupāda*). Do tính chất nối kết của các duyên tạo ra một quả hay một hiện tượng nào đó trong cái chuỗi duyên sinh không kết thúc, vì thế mà để ngăn chặn hay khiến chấm dứt một quả thì chỉ cần loại trừ một duyên nào đó bất kỳ trong số các duyên được nói đến.

Ở lời tuyên bố trên, Đức Phật chỉ cho chúng ta cách thức loại trừ các hành vi chiến tranh dẫn đến khổ đau như chấp trước, chấp kiếm... bằng cách nỗ lực loại bỏ các hý luận vọng tưởng (*papañcasannā*), tức các ý tưởng sai lầm liên hệ đến dục vọng, sân hận và tà kiến gọi là dục tưởng (*kāmasannā*), sân tưởng (*byāpādasannā*), hại tưởng (*vihiṃsāsannā*), được xem như là một trong số các duyên đưa đến các hành vi chiến tranh khổ đau. Khi các hý luận vọng tưởng, tức dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng không có mặt, được loại trừ thì tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên không có mặt, được loại trừ. Khi tham tùy miên, sân tùy miên... vô minh tùy miên không có mặt, được loại trừ thì chấp trước, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ không có mặt, được loại trừ. Vì vậy mà bậc Giác ngộ khuyên mọi người nỗ lực giữ tâm ý trong sạch, không để cho các hý luận vọng tưởng sanh khởi và ám ảnh làm ô uế tâm thức; trong

trường hợp chúng có khởi lên thì cần phải ngăn chặn, loại trừ chúng bằng cách không có tùy hỷ, đón mừng, chấp thủ chúng, tức không tạo điều kiện cho chúng tiếp tục tồn tại và hành hoạt. Các hý luận vọng tưởng do duyên mà sanh, hết duyên thì chúng diệt; giống như ngọn đèn khô dầu, không còn cháy đỏ, và người ta không tiếp thêm dầu vậy. Đây là lý duyên diệt hay phương pháp diệt trừ khổ đau bằng cách dứt trừ các duyên, được nói đến trong đạo Phật.

Đáng chú ý rằng mặc dù các hý luận vọng tưởng (*papañcasannā*) được nhấn mạnh như là nguyên nhân đưa đến chiến tranh khổ đau cần phải loại trừ, chúng không phải là nguyên nhân đầu tiên hay duy nhất; chúng chỉ là hệ quả của các nhân duyên khác, và theo sự giải thích của Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) thì các hý luận vọng tưởng sở dĩ có mặt là do sáu căn tiếp xúc với sáu trần phát sinh sáu thức gọi chung là xúc (*phassa*), do duyên xúc nên có các cảm thọ (*vedanā*), do duyên cảm thọ nên có tưởng (*sannā*), do duyên tưởng nên có suy tầm (*vitakka*), do duyên suy tầm nên có hý luận (*papañca*), do duyên hý luận nên các hý luận vọng tưởng (*papañcasannā*) sinh khởi. Như vậy, các hý luận vọng tưởng cũng chỉ là một duyên trong số các duyên đưa đến khổ đau; chúng không tự hiện hữu, không độc lập, phát sinh do duyên, và do vậy chúng có thể được diệt trừ bằng cách loại bỏ các duyên sinh ra chúng hoặc như Đức Phật đã dạy, không có tùy hỷ, đón mừng, chấp thủ chúng khi chúng khởi lên.

Theo kinh nghiệm của Đức Phật thì có năm cách trực tiếp ngăn chặn và trừ diệt các hý luận vọng tưởng hay dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng; dục tầm, sân tầm, hại tầm, làm trong sạch nội tâm, khiến cho dòng tư duy không bị tham-sân-si chi phối, không bị ô nhiễm, không rơi vào bất thiện, trở nên trong sáng, hiền thiện, khiến nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

1. Thứ nhất là dùng một niệm thiện để đối trị hay xua tan ý niệm bất thiện (các hý luận vọng tưởng): “Ở đây, Tỳ-kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi, thời này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia. Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Chư Tỳ-kheo, ví như một người thợ mộc thiện xảo hay đệ tử một người thợ mộc, dùng một cái nêm nhỏ đánh bật ra, đánh tung ra, đánh văng ra một cái nêm khác; chư Tỳ-kheo, cũng vậy, khi một Tỳ-kheo y cứ một tướng nào, tác ý một tướng nào, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi, thời này chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia. Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, khác với tướng kia, các ác bất thiện tâm liên

hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh”³

Niệm thiện ở đây chỉ cho sự tác ý, nghĩ nhớ đến một đối tượng hiền thiện, có khả năng đánh thức và làm khơi dậy các phẩm chất tốt đẹp tiềm ẩn trong mỗi người; chẳng hạn, nghĩ nhớ đến Phật, nghĩ nhớ đến Pháp, nghĩ nhớ đến Tăng... nhờ đó các hý luận vọng tưởng hay dòng tư tưởng bất thiện được chặn đứng, được thay thế, được xua tan, đi đến trừ diệt. Bậc Giác ngộ gọi phương pháp này là sự gột sạch tâm uế nhiễm (các hý luận vọng tưởng) bằng phương pháp thích nghi. Ngài nêu rõ:

“Ở đây, này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm Phật: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.” Do vị ấy niệm Phật, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận... Ở đây, này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”. Do vị ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận... Ở đây, này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.” Do vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visàkhà, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi”⁴

2. Thứ hai là nghĩ đến sự nguy hiểm của các hý luận vọng tưởng để sinh tâm lo âu, sợ hãi mà nỗ lực từ bỏ: *“Chư Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo ấy khi tác ý một tướng khác với tướng kia, liên hệ đến thiện, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy cần phải quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy: “Đây là những tâm bất thiện, đây là những tâm có tội, đây là những tâm có khổ báo”. Nhờ quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy, các bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Chư Tỳ-kheo, ví như một người đàn bà hay người đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang sức nếu một xác rắn, hay xác chó, hay xác người được quàng vào cổ, người ấy phải lo âu, xấu hổ, ghê tởm. Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo ấy nhờ quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy, các bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh”⁵*

Theo kinh nghiệm điều tâm của Đức Phật được nói đến trong kinh Song tâm⁶ thì khi dục tâm, sân tâm, hại

tâm khởi nên, nghĩa là các tư tưởng bất thiện sinh khởi, Đức Phật nhận diện chúng và nghĩ ngay đến sự nguy hiểm của các tư tưởng bất thiện ấy. Nghĩ rằng: *“Dục tâm, sân tâm, hại tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn”*. Nhờ nghĩ đến sự nguy hiểm của dục tâm, sân tâm, hại tâm như vậy nên Ngài quyết tâm trừ bỏ, xả ly và đoạn tận các bất thiện tâm hay các tư tưởng bất thiện ấy. *“Chư Tỳ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa mưa, về mùa thu, khi lúa đã trở hạt, một người mục đồng chăn giữ bò, cầm roi đánh các con bò bên này, đánh bên kia, chế ngự chúng, ngăn chặn chúng. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, vì người mục đồng thấy do nhân duyên này, đưa đến sự chết, sự tù tội, sự đánh đập hay sự trách móc. Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, Ta đã thấy sự nguy hại, sự hạ liệt, sự uế nhiễm của các pháp bất thiện, và thấy sự viễn ly, sự lợi ích, sự thanh tịnh của các thiện pháp”*.

3. Thứ ba là không ức niệm, không tác ý đến các tâm ấy, nghĩa là khi các ý tưởng bất thiện liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si khởi lên thì lúc bấy giờ cần phải chặn đứng các ý tưởng bất thiện ấy bằng cách không nghĩ đến chúng, không tùy hỷ, không chào đón, không nắm giữ chúng: *“Chư Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo ấy trong khi quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy cần phải không ức niệm, không tác ý những tâm ấy. Nhờ không ức niệm, không tác ý các tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Chư Tỳ-kheo, ví như một người có mắt, không muốn thấy các sắc pháp nằm trong tầm mắt của mình, người ấy nhắm mắt lại hay ngó qua một bên. Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo ấy, trong khi không ức niệm, không tác ý... được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh”⁷*

Phương pháp này nói đến khả năng cắt đứt các duyên trực tiếp, tức sự ức niệm hay nghĩ nhớ đến đối tượng (của tư tưởng), khiến cho dòng tư tưởng bất thiện lập tức được chặn đứng, không có điều kiện vận hành hay tồn tại. Đây là cách mà trong kinh Mật hoàn Đức Phật đã dạy là *“do bất cứ nhân duyên gì, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người. Nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ, thời như vậy là sự đoạn tận tham tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên...”⁸*

4. Thứ tư là tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy, tức chủ động làm giảm thiểu cường độ các tư tưởng bất thiện cho đến lúc chúng chấm dứt: *“Chư Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo ấy trong khi không ức niệm, không tác ý các tâm ấy, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên. Chư Tỳ-kheo, ví Tỳ-kheo*

ấy cần phải tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy. Nhờ tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy, các ác, bất thiện tâm liên hệ đến dục... được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Ví như một người đang đi mau, suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi mau? Ta hãy đi chậm lại". Trong khi đi chậm, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại". Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ: "Tại sao Ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống". Trong khi ngồi, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta lại ngồi? Ta hãy nằm xuống". Chư Tỳ-kheo, như vậy người ấy bỏ dần các cử chỉ thô cứng nhất và làm theo các cử chỉ tế nhị nhất. Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo ấy tác ý đến... được an tịnh, nhất tâm, định tĩnh".⁹

Đây là phương pháp tập giảm thiểu hay làm suy yếu các tư tưởng bất thiện bằng cách chú tâm quán sát sự diễn biến hay hướng vận hành của chúng và nỗ lực từng bước chế ngự chúng, làm cho chúng yếu dần đi cho đến lúc dứt hẳn. Đức Phật nói cho chúng ta biết rằng dòng tư duy - thiện hay bất thiện - hành hoạt như một thói quen tích tập lâu ngày.¹⁰ Chúng có sức mạnh khác nhau ảnh hưởng đến đời sống của mỗi người tùy thuộc thói quen tích tập. Vì vậy, để dòng tư tưởng hiền thiện (ly dục tâm, vô sân tâm, bất hại tâm) luôn luôn hiện hành trong nội tâm thì người ta cần phải thường xuyên tập nghĩ đến điều thiện, nói lời nói thiện, làm các việc thiện. Tương tự, để ngăn tránh dòng tư tưởng bất thiện (dục tâm, sân tâm, hại tâm) sinh khởi và chi phối tâm thức thì phải thường xuyên chế ngự các hành vi bất thiện thuộc thân, khẩu, ý, nhất là các ý nghĩ hay suy tư bất thiện, nỗ lực giảm thiểu chúng, bào mòn chúng, làm cho chúng suy yếu.

5. Thứ năm là nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm: "Chư Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo ấy trong khi tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm, các ác, bất thiện tâm liên hệ... đến si vẫn khởi lên, thời chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy phải nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục... liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy phải nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ trừ diệt chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh".¹¹

Đây là phương pháp sau cùng trong năm phương pháp trực tiếp dứt trừ các hý luận vọng tưởng hay dục



tưởng, sân tưởng, hại tưởng; dục tâm, sân tâm, hại tâm, khiến cho dòng tư duy không bị tham-sân-si chi phối, được trong sạch, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. Phương pháp này nói đến sự quyết tâm dứt trừ các tư tưởng bất thiện với một giải pháp mạnh mẽ, dùng ý chí để loại trừ các tư tưởng bất thiện gọi là "lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm", kể cả việc vận dụng sức mạnh cơ thể để hỗ trợ việc chế ngự, như "nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng".

Nhìn chung, cái gọi là tâm (*citta*), là ý (*mana*), là thức (*vinna*) trong giáo lý đạo Phật có sức chi phối và quyết định mạnh mẽ đối với đời sống của con người. Nó là gốc của an lạc và khổ đau, tùy thuộc vào cách mà người ta xử sự với nó. Nếu con người cứ thờ ơ với tâm thức, không chú tâm nhận biết về nó, không quan tâm tới việc tìm hiểu, uốn nắn, giáo dục và hướng thiện cho nó thì nó chính là tác nhân của muôn vàn hệ lụy khổ đau xảy ra trên cuộc đời. Trái lại, nếu tâm ý thường xuyên được nhận biết, được quan tâm chăm sóc, uốn nắn và phát triển tốt đẹp thì nó chính là nhân tố làm nên hạnh phúc an lạc cho con người và cho cuộc đời. Tâm quan trọng như thế nên ta có thể hiểu vì sao đạo Phật tuyên bố "ý dẫn đầu ác pháp", đồng thời chú trọng nhiều đến việc chỉ dạy và khuyên nhắc mọi người chú ý tu tâm, nỗ lực uốn nắn, chuyển hóa, làm trong sạch và trong sáng nội tâm vậy. ■

Chú thích:

1. Kinh Pháp Cú, kệ số 1-2.
2. Kinh Mật hoàn, Trung Bộ.
3. Kinh An trú tâm, Trung Bộ.
4. Kinh Các lễ Uposatha, Tăng Chi Bộ.
5. Kinh An trú tâm, Trung Bộ.
6. Xem Kinh Song tâm, Trung Bộ.
7. Kinh An trú tâm, Trung Bộ.
8. Kinh Mật hoàn, Trung Bộ.
9. Kinh An trú tâm, Trung Bộ.
10. Kinh Song tâm, Trung Bộ.
11. Kinh An trú tâm, Trung Bộ.



Bồ-tát hạnh

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Bồ-tát hạnh là những việc làm, những hành động đem lại lợi ích cho người khác, khiến cho chính mình được nhập pháp giới. Sở dĩ nhập pháp giới vì nguyện và hạnh của Bồ-tát đã tròn đủ, khiến cho tâm mở rộng trùm khắp pháp giới.

*Vì lợi thế gian phát đại tâm
Tâm ấy khắp cùng cả mười phương
Chúng sanh, cõi nước, pháp tam thế
Phật và Bồ-tát biến tối thắng
Từ niệm chúng sanh không tạm bỏ
Lìa những náo hại, khắp lợi ích
Quang minh chiếu thế làm chỗ quy
Thập lực hộ niệm khó nghĩ bàn*

...
*Tâm đó rộng lớn khắp pháp giới
Không y, bất biến như hư không
Hướng đến Phật trí không chỗ bám*

Rõ thấu thật tế, lìa phân biệt.

Biết tâm chúng sanh, không sanh tưởng

Rõ thấu các pháp, không pháp tưởng

Phân biệt khắp mà không phân biệt

Vô số ức cõi đều qua đến.

(Phẩm Sơ phát tâm công đức, thứ 17)

Bồ-tát phát tâm trên chính pháp giới không nương y, bất biến như hư không. Pháp giới ấy cũng là thật tế, Phật trí, Pháp thân. Chính vì nguyện và hạnh làm trên Phật địa như vậy mà bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu nguyện hạnh ấy cũng có thể tiếp xúc tương ứng với Pháp thân, từng phần hay trọn phần.

Tất cả việc làm của Bồ-tát dù nhỏ dù lớn đều mở rộng ra và đi sâu vào toàn bộ pháp giới. Chẳng hạn Hồi hướng là một trong mười Phổ Hiền hạnh nguyện:

“Đại Bồ-tát đem căn lành này hồi hướng như vậy:

Chẳng chấp thế gian, chẳng chấp chúng sanh, trong

tâm thanh tịnh, không y tựa, chánh niệm đối với các pháp, rời phân biệt kiến, chẳng bỏ trí huệ tự tại của chư Phật, chẳng trái môn hồi hướng (y nơi) chân tánh của tam thể chư Phật, tùy thuận tất cả chánh pháp bình đẳng, chẳng mất thật tướng Như Lai, bình đẳng quán sát ba đời không có tướng chúng sanh...

Ví như chân như khắp tất cả chỗ không có ngăn mé, thiện căn hồi hướng cũng khắp tất cả chỗ như vậy. Ví như chân như luôn giữ bản tánh không thay đổi, thiện căn hồi hướng giữ bản tánh nó trước sau không thay đổi. Ví như chân như dùng tất cả pháp không tánh làm tánh, thiện căn hồi hướng cũng thấu rõ tất cả pháp không tánh làm tánh. Ví như tướng của chân như là không tướng, thiện căn hồi hướng cũng thấu rõ tướng của tất cả pháp là không tướng. Ví như chân như nếu ai chứng được thì không thối chuyển, nơi thiện căn hồi hướng nếu có người được thời không còn thối chuyển trong Phật pháp. Ví như chân như là chỗ đi của tất cả chư Phật, thiện căn hồi hướng cũng là chỗ đi của tất cả chư Phật. Ví như chân như là tướng cảnh giới mà làm cảnh giới, thiện căn hồi hướng cũng là tướng cảnh giới mà làm cảnh giới viên mãn của tất cả chư Phật. Ví như chân như hay an lập tất cả, thiện căn hồi hướng cũng hay an lập tất cả chúng sanh... Ví như chân như đầy khắp tất cả, thiện căn hồi hướng trong một sát-na trùm khắp pháp giới. Ví như chân như thể tánh bất động, thiện căn hồi hướng an trụ nơi hạnh nguyện viên mãn của Phổ Hiền rốt ráo bất động".

(Phẩm Thập Hồi hướng, thứ 25)

Hồi hướng là một hạnh của Bồ-tát. Hạnh nguyện ấy y trên chân như, không làm ngoài chân như cho nên luôn luôn có thể tương ứng với chân như, hay toàn thể pháp giới.

Cứu độ chúng sanh là hạnh nguyện lớn nhất của Bồ-tát. Để thâm nhập pháp giới, Bồ-tát phải cứu độ chúng sanh, vì lìa bỏ chúng sanh tức là lìa bỏ phần lớn pháp giới.

Bồ-tát phải cứu độ chúng sanh, vì trong công việc khó làm và lâu dài ấy, Bồ-tát mới tích tập viên mãn trí huệ và công đức. Trí huệ là thấu rõ vô ngã và vô pháp trong việc cứu độ chúng sanh, và công đức thì có được trong việc cứu độ ấy.

"Đại Bồ-tát thấy các chúng sanh gây tạo ác nghiệp, chịu nhiều khổ, do bị chướng ngại như vậy mà không thấy được Phật, chẳng được nghe Pháp, chẳng biết Tăng, Bồ-tát bèn nghĩ rằng, tôi sẽ ở trong các nẻo xấu ác kia, thay thế các chúng sanh chịu các thứ khổ, khiến họ được giải thoát... Bồ-tát lại nghĩ rằng, chỗ tu hành của tôi, muốn làm cho chúng sanh đều được thành trí huệ vô thượng. Tôi chẳng vì tự thân mà cầu giải thoát, chỉ vì cứu độ tất cả chúng sanh, khiến họ đều được Nhất thiết trí, vượt khỏi vòng sanh tử thoát tất cả khổ".

(Phẩm Thập Hồi hướng, thứ 25)

Đây gọi là Hồi hướng thứ nhất: cứu hộ tất cả chúng sanh, lìa chúng sanh tướng. Hồi hướng sự cứu hộ này được trải rộng khắp pháp giới, nhiếp khắp chúng sanh:

"Đại Bồ-tát lại nghĩ rằng: Tôi phải như mặt trời, chiếu khắp tất cả mà chẳng cầu báo ân. Chúng sanh có kẻ ác hại tôi, tôi đều dung thọ, chẳng vì thế mà bỏ thế nguyện; chẳng vì một chúng sanh xấu ác mà bỏ tất cả chúng sanh, tôi chỉ siêng tu tập thiện căn hồi hướng, khiến khắp chúng sanh đều được an lạc. Thiện căn dần ít, nhưng vì nhiếp khắp chúng sanh nên tôi dùng tâm hoan hỷ hồi hướng rộng lớn. Nếu có thiện căn mà chẳng muốn lợi ích tất cả chúng sanh thì chẳng gọi là hồi hướng. Tùy một thiện căn dùng khắp chúng sanh làm cảnh sở duyên mới gọi là hồi hướng".

Sự hồi hướng cứu hộ này được đặt nền trên pháp giới, nghĩa là trên nền tánh Không, quang minh và như huyễn nên khiến hành giả tương ứng, thâm nhập pháp giới:

"Hồi hướng đặt để chúng sanh nơi pháp tánh vô trước. Hồi hướng thấy chúng sanh bất động bất chuyển. Hồi hướng vô y vô thủ đối với sự hồi hướng. Hồi hướng chẳng phân biệt thể tánh của các nghiệp và báo. Hồi hướng chẳng tham trước tướng năm uẩn. Hồi hướng chẳng phá hoại tướng năm uẩn. Hồi hướng chẳng chấp tướng chúng sanh, tướng thế giới, tướng tâm ý...

Chẳng phải tức nghiệp tu tập nhất thiết trí. Chẳng phải lìa nghiệp hồi hướng Nhất thiết trí. Nhất thiết trí chẳng phải tức nghiệp, nhưng chẳng phải lìa nghiệp mà được Nhất thiết trí. Bởi vì nghiệp thanh tịnh như ảnh sáng nên quả báo cũng thanh tịnh như ảnh sáng. Quả báo như ảnh sáng thanh tịnh nên Nhất thiết trí cũng thanh tịnh như ảnh sáng, lìa ngã ngã sở tất cả động loạn tư duy phân biệt. Rõ biết như vậy mà đem các thiện căn phương tiện hồi hướng.

Lúc hồi hướng như vậy, Bồ-tát luôn độ thoát chúng sanh không thôi nghỉ, chẳng trụ pháp tướng. Dầu biết các pháp không nghiệp, không báo, mà khéo hay xuất sanh tất cả các nghiệp báo không trái nghịch. Bồ-tát phương tiện khéo tu hồi hướng như vậy".

(Phẩm Thập Hồi hướng, thứ 25)

Cứu hộ chúng sanh mà không bỏ chúng sanh, đó là hạnh Bồ-tát. Khi pháp giới là "tâm, Phật, chúng sanh; cả ba không sai khác" thì nếu bỏ chúng sanh, chắc chắn pháp giới ấy sẽ không đầy đủ. Và chính sự cứu hộ chúng sanh được làm trên nền tảng pháp giới, nên hạnh ấy có thể tương ứng với pháp giới vào mọi thời gian và không gian.

Bồ-tát hạnh trùm khắp pháp giới nên Bồ-tát hạnh thâm nhập pháp giới:

Đại Bồ-tát có mười vô lượng đạo:

Vì hư không vô lượng nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.

Vì pháp giới vô biên nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.



*Vì chúng sanh giới vô tận nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.
 Vì thế giới vô biên tế nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.
 Vì thời gian không cùng tận nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.
 Vì ngữ ngôn của chúng sanh vô lượng nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.
 Vì thân Như Lai vô lượng nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.
 Vì âm thanh Phật vô lượng nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.
 Vì lực Như Lai vô lượng nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.
 Vì Nhất thiết chủng trí vô lượng nên Bồ-tát đạo cũng vô lượng.*

(Phẩm Ly thế gian, thứ 38)

Tất cả những hạnh Bồ-tát đã được làm, đang được làm, và sẽ được làm đều nằm trong hạnh nguyện Phổ Hiền hay trong "tam-muội Tỳ-lô-giá-na Như Lai Tạng Thân của tất cả chư Phật" mà Bồ-tát Phổ Hiền an trụ. (Phẩm Phổ Hiền tam-muội, thứ 3).

Hạnh nguyện Phổ Hiền trùm khắp pháp giới và đồng nhất với pháp giới.

Bài kệ ca ngợi Bồ-tát Phổ Hiền ở trong phẩm này là như sau:

*Chân như bình đẳng tạng hư không
 Pháp thân của Ngài đã nghiêm tịnh
 Trong chúng hội tất cả cõi Phật
 Phổ Hiền ở khắp nơi trong đó.
 Quang minh công đức bậc trí hải
 Chiếu khắp mười phương đều được thấy.
 Phổ Hiền công đức biển rộng lớn
 Qua khắp mười phương gần gũi Phật
 Các cõi trong tất cả vi trần*

*Đều đến được kia, xuất hiện rõ.
 Phật tử, chúng tôi thường thấy Ngài
 Gần gũi tất cả chư Như Lai
 Trụ trong tam-muội cảnh chân thật
 Kiếp nhiều như vi trần mọi cõi...
 Biển cả chúng sanh đều tế độ
 Pháp giới vi trần đều vào cả
 Vào khắp pháp giới tất cả trần
 Thân đó vô tận không sai khác
 Ví như hư không đều cùng khắp
 Diễn nói Như Lai pháp rộng lớn.*

(Phẩm Phổ Hiền tam-muội, thứ 3)

Bồ-tát hạnh dù của bất cứ ai đã làm, đang làm, và sẽ làm đều ở trong hạnh nguyện đã thành và trùm khắp mọi thời gian không gian của Bồ-tát Phổ Hiền. Như vậy, Bồ-tát hạnh của bất cứ ai, dù nhỏ dù lớn, dù ở thời gian không gian nào đều nằm trong Phật quả trùm khắp pháp giới của Bồ-tát Phổ Hiền nói riêng và của chư Phật nói chung.

Kinh *Hoa Nghiêm* nói giới định huệ, hạnh nguyện Bồ-tát của chúng ta không nằm ngoài giới định huệ, hạnh nguyện vốn đã viên thành của quả Phật Tỳ-lô-giá-na của tất cả chư Phật. Đại thừa của kinh *Hoa Nghiêm* không phải đi từ nhân là Bồ-tát hạnh để đến quả là Phật quả. Mà Bồ-tát hạnh của kinh *Hoa Nghiêm* được triển khai trên chính Phật quả. Nói cách khác, Bồ-tát hạnh là quả sinh từ quả vốn đã viên thành.

Chữ "hoa" trong *Hoa Nghiêm* không phải là hoa để thành quả, mà là hoa sanh ra từ quả. Thế nên kinh *Hoa Nghiêm* được gọi là Quả thừa thay vì Nhân thừa, được gọi là Đại thừa Viên giáo thay vì Đại thừa nói chung.

Chính vì tu trên Quả như vậy mà kinh nói: "lúc mới phát tâm liền được Giác ngộ Vô thượng":

"Quán sát như vậy, vì pháp phạm hạnh bất khả đắc, vì pháp ba đời đều không tịch, vì ý không bám nắm, vì tâm không chướng ngại, vì chỗ làm không phân hai, vì phương tiện tự tại, vì thọ pháp vô tướng, vì biết Phật pháp bình đẳng, vì đủ tất cả Phật pháp. Như đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Lại phải tu tập mười pháp, tức là mười trí lực Như Lai. Phải quán sát mỗi trí lực. Trong mỗi trí lực có vô lượng nghĩa đều phải học hỏi. Sau khi nghe phải khởi tâm đại từ bi, quán sát chúng sanh mà chẳng bỏ lìa, tư duy các pháp không có thối dút, thật hành nghiệp vô thượng không cầu quả báo, rõ biết cảnh giới như mộng ảo, như bóng như vang, như biến hóa huyền thuật.

Nếu Bồ-tát nào được tương ứng với hạnh quán như vậy, ở trong các pháp chẳng sanh kiến giải nhị nguyên, tất cả Phật pháp mau được hiện tiền: lúc sơ phát tâm liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết tất cả pháp tức là tự tánh của tâm, thành tựu huệ thân giác ngộ, chẳng do người khác".

(Phẩm Phạm hạnh, thứ 16) ■



Của cho, tâm nhận

VĨNH HẠNH THÁI CHÍ BÌNH

1 Quà tặng

Là một vật của người này, mang đến tặng một người khác hoặc là đồ vật được dâng cúng tặng cho một người là bậc trưởng thượng được tôn kính. Việc làm này diễn ra trong phạm vi gia đình, trong cộng đồng xã hội, trong nghi lễ tôn giáo. Nó thể hiện tình cảm và sự quý mến giữa mọi người, giữa cá nhân với cộng đồng, giữa người có đức tin tôn giáo đối với các bậc Thầy tôn kính của mình. Có thể nói khi có sự hình thành cộng đồng xã hội con người là đã có xuất hiện sự trao tặng, dâng cúng vật phẩm mà chúng ta gọi là quà biếu. Hiện nay trong xã hội thời @ của chúng ta, quà biếu vẫn là hình thức còn rất phổ biến và rất đa dạng mà trong quản lý nhà nước, trong các tổ chức xã hội nó biến tướng và thật sự trở thành vấn nạn trong

quản lý xã hội. Bản chất xuất phát của nó là tình nghĩa, là tôn kính nhưng vì sao việc này trở thành nỗi lo lắng, bất an cho xã hội trong quá trình phát triển một xã hội công bằng, dân chủ văn minh: Nhỏ thì tệ đứt lót, mong cầu lợi dưỡng; lớn thì tham nhũng, chạy chức chạy quyền...

Gần Tết đến, con gái tôi từ cơ quan chở về năm chậu hoa hồng tỉ muội, loại nhỏ cây, nhỏ lá, nhỏ bông. Nhìn năm chậu hoa đều màu trắng nhạt, tôi cứ tưởng con vô ý mua chi cả năm chậu đều cùng một màu. Tôi hỏi sao con không mua có nhiều màu sắc cho vui, nó cười và nói đây là quà của chị bạn trong cơ quan cho. Như hiểu ý tôi, nó vừa cười vừa nói mấy anh chị trong cơ quan cũng thắc mắc về các chậu hồng tỉ muội, tuy đẹp nhưng chỉ có một màu trắng nhạt nên trông không

được vui mắt lắm. Tôi cũng phì cười và nói với theo, của cho mà.

Như vậy, của cho là năm chậu hoa hồng, nhưng khi nó xuất hiện giữa mọi người nó lại mang ý nghĩa, màu sắc và thậm chí tình cảm vui buồn, khen chê của mọi người. Tôi nghĩ vấn đề xuất phát từ đây, từ căn tánh của người cho và người nhận. Của cho vốn dĩ là đồ vật, thậm chí là tiền bạc, quý kim, nó không biết nói; nhưng giữa người cho và người nhận lại biết nói. Chính điều này đã làm phức tạp hơn thêm của cho. Bởi thông qua vật cho, người cho và người nhận thể hiện tâm tánh và ý nguyện của mình khi cả hai "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu".

2 Tâm cho

Khi muốn cho tặng một món đồ gì cho người khác là chúng ta muốn biểu lộ, muốn nói với họ sự quan tâm của chúng ta. Sự quan tâm này xuất phát từ hai nguyên lý căn bản trong cuộc sống con người: Tình cảm quý mến và ân nghĩa đáp đền. Với Tâm cho tặng, người đời thường xuất phát từ sự quý mến đối tượng mình cho, do đó vật cho, của cho xuất phát từ sự trân trọng quý mến này mà ra, nó được tạo ra bởi năng lực, của cải và phù hợp với hoàn cảnh sống của chính người cho. Vì thế, khi quyết định của cho và khi nhìn vào của cho, người có tâm cho như thế nào thì nó hiển hiện ra như thế ấy. Có ba trường hợp và trạng huống đối với người cho:

Một là cường điệu khoe khoang, muốn lợi dụng việc cho vì mục đích danh, lợi, dùng tiền bạc, của cải như là sức mạnh của quan hệ xã hội.

Hai là giữ đúng mực sự quý mến, của cho phù hợp với khả năng và hoàn cảnh của mình dù là một đồ vật tự tạo hay một nải chuối, một bó rau do mình tạo ra.

Ba là vật cho không tương xứng với mối quan hệ, tình cảm của đối tượng nhận của cho. Sự không tương xứng này xuất hiện trong hai tình huống: Cho vì lo sợ, vì muốn cầu cạnh, lo lót dù rất ghét, thậm chí căm giận và cho có lệ, hình thức vì tiếc công tiếc của.

Như vậy việc cho tặng, dâng cúng vốn là một việc làm đầy tính nhân văn của con người, vì do tâm cho hẹp hòi, sợ hãi, mưu cầu lợi dụng... đã làm việc cho này trở nên thô thiển, bị lạm dụng để cầu cạnh lợi danh. Do đó sự bất an do sự phát triển lệch lạc việc tặng quà là từ tâm cho đã bị xô lệch về phía trục lợi ích kỷ. Vì vậy việc giáo dục điều chỉnh việc cho tặng, dâng cúng lễ vật đúng với tình, nghĩa của nhau trong cuộc sống thực chất không phải chỉ dựa vào luật lệ mà quan trọng là dạy dỗ, giáo dục hình thành tâm cho đúng phép của nó.

3 Tâm nhận

Người nhận và người cho là hai mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau để Tâm cho, vật cho không

bị hủy hoại bởi sự khinh bỉ, dối trá. Có hai yếu tố góp phần làm nên sự gắn bó nghĩa tình đó:

3.1

Với tâm hoan hỷ và trân trọng

Việc cho và nhận quà tặng là một nét văn hóa trong đời sống cộng đồng xã hội lâu đời ở nước ta. Nó xuất hiện trong mọi hoạt động của gia đình, ngoài xã hội và được xem là yếu tố ràng buộc tình nghĩa của mọi người trong cộng đồng gắn bó với nhau. Do đó người cho, vật cho, người nhận tâm nhận như thế nào để mối quan hệ nghĩa tình đó ngày càng thấm thiết. Muốn vậy, cả hai, người cho và người nhận đều là hai người đồng điệu, hoan hỷ và có sự tương kính. Một khi tâm cho và tâm nhận xuất phát từ lợi dụng, từ nhiều ít, từ quý giá tầm thường... thì tức khắc việc cho-nhận trở nên phi pháp, bị người đời và luật lệ chê bai, lên án.

3.2

Với sự hiểu biết thấu đáo lý Nhân duyên, quả báo

Dù là ít học hay là người đồ đạt, chức quyền, việc cho và nhận quà là một hành động đang diễn ra trong cuộc sống. Nó luôn luôn bị chi phối bởi đạo lý nhân quả. Người cho và người nhận đều nằm trong chuỗi lý nhân quả đó, không sai khác được. Nếu cho là nguyên nhân thì quả là người nhận; nếu cho là quả thì nguyên nhân là người nhận. Dù là nhân hay quả, người cho và người nhận đều biết rõ nhân quả của việc cho và nhận của mình. Khi nhận thức thấu đáo nguyên lý này thì người cho và người nhận phải đứng trên những giá trị tinh thần truyền thống của cộng đồng như "kính lão đắc thọ", "tôn sư trọng đạo", "kính trên nhường dưới", "trọng nghĩa khinh tài", "cọp chết để da, người ta chết để tiếng"... Đây là những chuẩn mực giá trị để người cho cũng như người nhận nhận thức đầy đủ hành vi và việc làm của mình sao cho khi nhận quà cũng như lúc cho quà vẫn một mực giữ tâm an vui, tương kính, không phô trương, lợi dụng, không tự ti khinh rẻ.

Cho và nhận trong xã hội là cách để động viên khen ngợi, thậm chí tặng thưởng công lao của cá nhân đối với cộng đồng, đối với xã hội. Do đó, cá nhân hay tập thể đều có quyền thể hiện việc cho và nhận quà biếu của mọi người. Cộng đồng và luật pháp sẽ lên án, thậm chí trừng phạt đối với hành vi cho và nhận trên cơ sở lợi dụng việc quà tặng như là cơ hội phục vụ lợi ích của nhau, xâm hại lợi ích hợp pháp của cá nhân và của cộng đồng xã hội.

4 Đức Phật dạy

Đối với người con Phật, việc cho và nhận là hai hành vi được qui định trong giới và hạnh của mỗi người chúng ta. Cho là Bố thí, là Cúng dường; nhận là Lòng từ, là Phước điền. Vì thế, đối với người con Phật, việc cho việc nhận đều phải đúng pháp, để người cho và người nhận đều được phước báu, an vui. Do đó điều quan trọng không nằm ở chỗ người cho người nhận, ở

vật cho vật nhận mà ở chỗ Tâm cho, Tâm nhận. Khi Tâm cho-Tâm nhận trong tình thức và thương yêu thì của cho và vật nhận đều có giá trị lớn lao như nhau.

Trong kinh *Đại Bảo Tích*, tập 5, Pháp hội Thọ ký Áo sư Bạt-đà-la, Đức Phật có nói kệ tán thán sở nguyện cúng dường của Áo sư Bạt-đà-la, một cách viên mãn:

*Nơi người cúng vật cúng
Người thọ nếu có thể
Tâm đều vô phân biệt
Đây là cúng viên mãn.*

Đối với thế gian, người ta gọi là cho, tặng, nhưng đối với người con Phật thì việc này trở thành một pháp hành đối với bản thân của mình trong quá trình sống, tu tập và gọi là dâng, cúng. Bởi đối với người con Phật, hành động dâng, cúng là thể hiện tánh thấy biết mối quan hệ bình đẳng giữa người cúng, vật cúng cũng như giữa người thọ vật thọ mà Đức Phật gọi là cúng viên mãn, thọ viên mãn. Câu chuyện về bà già ăn xin cúng ba xu dầu đốt đèn cúng dường chư Phật là một ẩn dụ đầy đủ nhất cho việc cho tặng, dâng, cúng dường của chúng ta. Từ trạng huống phước báu, đúng pháp sang trạng huống tội lỗi, phạm pháp chỉ là sự chuyển hóa từ Tâm an lạc, bình đẳng sang Tâm tham cầu, mong muốn lợi lạc cho riêng mình mà thôi, không có một ngoại lệ nào cho bất cứ một ai trong tứ chúng của đạo Phật. Tệ dứt lốt, hối lộ, tham nhũng... giữa người cho

và người nhận phát khởi từ đây. Dù luật pháp có trừng trị hay không, là người con Phật chúng ta sống và tu học theo lời dạy của Ngài, luôn giữ Tâm vô phân biệt để việc hành pháp cúng dường, pháp cho tặng, giữa người cho vật cho, người nhận vật nhận là một pháp viên mãn, đem nhiều lợi lạc không chỉ cho người cho-người nhận mà cho tất cả mọi người có được một pháp lành, bình đẳng, an vui.

5 Cho và nhận

Là hai pháp của thế gian. Đối với người con Phật, chúng ta nhận biết Đức Phật đã lấy pháp thế gian để làm phương tiện thiện xảo trong quá trình giáo hóa, chữa bệnh cho chúng sanh hầu nhanh chóng “ngộ nhập Phật tri kiến” để luôn được an lạc, yên bình. Món quà mà Ngài trao tặng cho chúng sinh cho đến nay, trải qua hơn 25 thế kỷ, vẫn còn là một món quà vô cùng lớn lao, cao quý và hữu dụng biết bao. Như Ngài đã dạy: của cho, người cho; người cúng vật cúng đều viên mãn, vô phân biệt. Thế nhưng để có được sự viên mãn đó, người con Phật chúng ta cần nỗ lực tinh tấn chuyên cần, giữ gìn giới hạnh, sống và làm việc đúng pháp: Việc lành, thiện siêng làm dù nhỏ, việc xấu ác phải tránh xa. Có như thế chúng ta mới chuyển hóa được tâm nhận viên mãn như ước nguyện của Đấng Từ phụ của chúng ta, một việc làm cụ thể, đáp đền muôn một món quà Từ ân của Ngài. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bán, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên,
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN : 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiaio1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

Già sao cho sướng?

ĐỖ HỒNG NGỌC

LTS: “Già sao cho sướng” là tác phẩm mới, vừa phát hành của Đỗ Hồng Ngọc. Nhân dịp này, tác giả gửi đến Văn Hóa Phật Giáo bài viết sau đây. Chúng tôi xin đăng để giới thiệu cùng độc giả.

VHPG

Gì thì khổ, ai cũng biết. Sanh bệnh lão tử! Nhưng già vẫn có thể sướng. Muốn sống lâu thì phải già chớ sao! Già có cái đẹp của già. Trái chín cây bao giờ cũng ngon hơn trái giú ép. Cái sướng đầu tiên của già là biết mình... già, thấy mình già, như trái chín cây thấy mình đang chín trên cây.

Tuy vậy, thực tế, già thì khó mà sướng. Con người ta có khuynh hướng dễ thấy khổ hơn. Một người luôn thấy mình... sướng thì không khéo người ta nghi ngờ hẳn có vấn đề... tâm thần!

Nói chung, người già có ba nỗi khổ thường gặp, nếu giải quyết được sẽ giúp họ sống “trăm năm hạnh phúc”:

* **Một là thiếu bạn!** Nhìn qua nhìn lại, bạn cũ rơi rụng dần... Thiếu bạn, dễ hụt hẫng, cô đơn và dĩ nhiên... cô độc. Từ đó dễ thấy mình bị bỏ rơi, thấy không ai hiểu mình! Quay quắt, căng thẳng, tủi thân. Lúc nào cũng đang như:

“Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài nghe ngày tháng dần qua...!”

(Thế Lữ)

* **Hai là thiếu... ăn!** Chuyện ăn uống nên nghe theo mệnh lệnh của... bao tử: “Listen to your body”. Cơ thể nói... thèm ăn cái gì thì nó đang cần cái đó, thiếu cái đó! Nhưng nhớ, ăn là chuyện của văn hóa! Món ăn gắn với kỷ niệm, gắn với thói quen, gắn với mùi vị từ thuở còn thơ! Người già có thể thích những món ăn... kỳ cục, không sao. Đừng ép! Men tiêu hoá được tiết ra từ tâm hồn chớ không chỉ từ bao tử.

* **Ba là thiếu vận động!** Già thì hai chân trở nên nặng nề, như mọc dài ra, biểu không chịu nghe lời ta nữa! Các khớp cứng lại, sưng lên, xương thì mỏng ra, giòn tan, dễ vỡ, dễ gãy...! Ấy cũng bởi cả một thời trai



trẻ đã “Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một...” (Trịnh Công Sơn)! Có một nguyên tắc “Use it or lose it!”. Cái gì không xài thì teo! Bây giờ người ta xài cái đầu nhiều quá, nên “đầu to mà đít teo”. Thật đáng tiếc!

Tóm lại, giải quyết được “ba cái lằng nhằng” đó thì có thể già mà... sướng vậy!

* * *

Một cụ già trên trăm tuổi được nhà báo phỏng vấn bí quyết, cụ cười: Có gì đâu, sáng nào tôi cũng tự hỏi hôm nay mình nên ở Thiên đường hay Địa ngục đây, rồi ngẩn ngừ một lúc, tôi chọn Thiên đường!

Chất lượng cuộc sống (Quality of life) được định nghĩa là “những cảm nhận của cá nhân về cuộc sống của họ trong bối cảnh văn hóa và các hệ thống giá trị mà họ đang sống, liên quan đến các mục đích, nguyện vọng, tiêu chuẩn và các mối quan tâm của họ”. (WHO, Tổ chức Sức khỏe Thế giới).

Có một bảng chỉ số giúp đo đạc chất lượng cuộc sống gồm các yếu tố như về thể chất, tâm lý, tính độc lập, quan hệ xã hội và môi trường sống để mỗi người tự đánh giá và tự điều chỉnh, thích nghi.

Trong hai tuần qua, bạn đánh giá chất lượng cuộc sống của bạn ở mức độ nào? Rất xấu? Xấu? Không tốt không xấu? Tốt? Rất tốt? Trong hai tuần qua, bạn có hài lòng về sức khỏe của bạn không? Ở mức độ nào? Bạn có cảm thấy vui sống, thấy cuộc sống là có ý nghĩa? Bạn có chấp nhận ngoại hình của bạn hiện nay không? Bạn có đủ tiền để đáp ứng nhu cầu hằng ngày không? Bạn có được vui chơi giải trí không? Bạn có đi lại dễ dàng thoải mái không? Bạn có hài lòng về giấc ngủ của mình không? Bạn có hài lòng về mối quan hệ cá nhân của bạn với người chung quanh? Bạn có hài lòng về những điều kiện sống hiện nay? Bạn có thường cảm thấy chán nản, tuyệt vọng, lo âu, trầm cảm...? Đó là một số câu hỏi trong hàng trăm câu hỏi của bảng đánh giá chất lượng cuộc sống. Thỉnh thoảng ta cũng nên tự hỏi mình những câu như thế, đừng để kêu lên: “... nhìn lại mình đời đã xanh rêu” (TCS)...

Có người hỏi tôi, ở lứa tuổi “xưa nay hiếm”, người ta hay nhắc đến “quý thời gian”, bác sĩ có vậy không? Tôi trả lời không. Tôi không có ý niệm có một quý thời gian nào đó, bởi tôi không thể biết trước tôi có được bao nhiêu thời gian, đã xài hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu để... lên kế hoạch!

Lần nọ, tôi có dịp làm MC cho một buổi giao lưu của các vị cao tuổi, có bác sĩ-họa sĩ Dương Cẩm Chương, 103 tuổi, nhạc sĩ Trần Văn Khê, 93 tuổi; nhà giáo Đàm Lê Đức, 83 tuổi, nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, 76 tuổi. Hôm đó, tôi bỗng trở thành người “quá trẻ”. Kinh nghiệm rút ra là nên thường xuyên gặp gỡ những người già để mình được trẻ! Nhưng theo tôi, được làm bạn với những người trẻ... dễ thương mới thực là hạnh phúc của tuổi già! Trịnh Công Sơn cũng viết trong *Gió heo*



may đã về của tôi: “Không có già không có trẻ. Nói với một người trẻ tôi già rồi em ạ là vô lễ...”.

“Sức khỏe là một tình trạng hoàn toàn sáng khoái (well-being) về thể chất, tâm thần và xã hội, chứ không phải chỉ là không có bệnh hay tật” (WHO). Đây là định nghĩa chung về sức khỏe. Riêng với người già thì định nghĩa có khác một chút: *Sức khỏe của người già chủ yếu là phát triển và duy trì được sự sáng khoái và hoạt động chức năng về tâm thần, xã hội và thể chất của họ.* Sự khác biệt ở đây là đã đưa yếu tố “tâm thần” lên hàng đầu. Bởi ở tuổi già, thể chất đã rệu rã, mọi thứ dần quá “date”, nên chất lượng cuộc sống nằm chính ở “tâm thần”!

Nghiên cứu cho thấy tuổi già thường có được hạnh phúc khi: Biết từ bi với mình, chấp nhận mình, hiểu luật vô thường của cuộc sống; có ký ức tốt về tuổi thơ và tuổi thanh xuân; được tự tại sắp xếp cuộc sống theo ý riêng, không bị áp đặt; duy trì tốt các mối quan hệ gia đình, bè bạn... Sức khỏe thể chất tương đối tốt thôi, không mong lúc nào cũng “như xưa” được. Tài chánh được tự chủ. Gần gũi với thiên nhiên. Giữ ngọn lửa nhiệt tình, niềm an lạc, thanh thản trong tâm hồn.

Tự tại có lẽ là con đường hạnh phúc nhất của tuổi già. Cho nên “Quán Tự Tại Bồ-tát” khi chiếu kiến “Ngũ uẩn giai không” thì đã vượt thoát mọi khổ đau ách nạn:

Gate, Gate, Paragate, Parasamgate...! ■

Lang thang trong chữ

Vẫn nhiều Tây An Nam

HỒ ANH THÁI



Khoảng năm 1930, nhà văn Nam Xương viết vở kịch *Ông Tây An Nam*, kể chuyện một anh khá giả tên là Lân được du học sang Pháp, trở về thì làm như không biết tiếng Việt. Từ đó, ông Tây An Nam đã trở thành một thành ngữ, chỉ những ông những bà cứ làm ra vẻ quên tiếng Việt, ngong ngong, lơ lớ, nói một câu là đệm một câu. Không phải đệm câu nói tục, mà là đệm tiếng nước ngoài.

Tôi thấy một vài người dẫn chương trình truyền hình, cao hứng lên, muốn chứng tỏ với người xem rằng mình biết ngoại ngữ, đã dùng ngữ điệu Anh - Mỹ để áp vào câu tiếng Việt: Đến với chương trình, *bạn có cảm xúc gì đặc biệt không?*

Tôi tin rằng anh chị này một khi đã nói tiếng Việt như tiếng Anh, rồi khi nói tiếng Anh sẽ dùng ngữ điệu giống như nói tiếng Việt, chiu chiu như tiếng bồ câu tiếng bồi.

Tiếng Anh có chữ if, thông thường có nghĩa là nếu, nếu như. Nhưng ở câu này, nó không hẳn là nếu nữa: *cháu cứ mong ngày ấy nếu cháu gặp được bác*. Không còn là nếu. Nó có nghĩa là giá như, giá mà: ngày ấy giá mà cháu gặp được bác.

Bản dịch cuốn *Moon Palace* (Cao Việt Dũng dịch) có những câu trong văn cảnh nghiêm chỉnh, không hề muốn gây hài, vậy mà lại ra thế này:

- *Tuy nhiên không phải khó để mà yêu bác Victor* (tr.16)
- *Ông ấy làm kinh ngạc vì sự ngu xuẩn lớn lao của mình* (tr.286).

Còn đây là ở cuốn *Kẻ trộm sách* (Cao Xuân Việt Khương dịch):

- Những quả táo được nhặt lên bởi không ai khác ngoài Andy (tr.293).
- Ngày này qua ngày khác, cân nặng bắt đầu rời bỏ anh (tr.331).
- Sang đầu tháng hai, Max đã ở trong một thân hình tiểu tụy đáng lo ngại (tr.331).
- Và con bé không phải đợi một chút nào để bàn tay của người giáo viên tát lên má nó (tr.350).

Nói những người dịch này là ông Tây An Nam chỉ để giễu vui, cũng chỉ muốn để họ chịu khó nghĩ ngợi cân nhắc hơn nữa với tiếng Việt. Họ hoàn toàn có thể tìm cách thay chữ thay câu hoặc xoay chuyển cấu trúc câu để cải thiện những câu không ra tiếng Việt ở trên.

Người đọc hãy kiên nhẫn, đọc thêm một câu này nữa:

- *Ném vào vợ ông ta, con gái ông ta và con mèo của chị ấy* (*Triệu phú khu ổ chuột*, Nguyễn Bích Lan dịch, tr.87). Ta sẽ không đưa ra gợi ý thay thế để làm cho câu văn trong sáng hơn. Người dịch chắc tự sửa được. Chỉ thấy người dịch thật thà quá, dịch từng chữ, không lược bỏ từ sở hữu mà tiếng Việt nhiều khi không cần đến. Thành ra đọc một câu văn mà cứ như xem trò xiếc tung hứng, A ném cho B, B ném cho C, C ném lại A. Vòng qua vòng lại đến chóng mặt.

Hồi hộp và thiếu tự tin

Hồi hộp và thiếu tự tin. Đây chính xác là tâm trạng của tôi khi đang viết mà đến chỗ phải dùng một chữ số La Mã.

Có cảm tưởng người đọc đại trà bây giờ không quen với chữ số La Mã nữa. Có vị cử nhân cầm tài liệu đọc trước cả cơ quan: theo nghị quyết đại hội VI. Anh ta phát âm hẳn hoi như chữ vi trong cụm từ vi vu. Dường như là gió thổi vi vu trên cái đại hội ấy.

Từ đây viết những câu có chữ thế kỷ XXI, hoặc vua Louis XIV, người viết có cảm giác hồi hộp, không dám chắc người đọc có hiểu chữ nghĩa mình đang viết đây không. Rất nhiều báo chí và tài liệu đã chuyển những con số này sang chữ số Arab cho nhanh: thế kỷ 21, vua Louis 14.

Rất nhiều khi cứ tự hỏi, hay là mình cũng chấp nhận là thiếu tự tin, mình cũng thỏa hiệp như báo chí bây giờ mà viết bằng chữ số Arab cho xong? Ngay cả ở những chỗ nhất thiết phải dùng con số La Mã.

Tiện thì nói thêm: ta vẫn gọi những con số hay dùng là chữ số Arab. Nhưng chính người Arab thì gọi nó là chữ số Ấn Độ. Nó không phải là sáng tạo của người Arab. Vậy có thể theo họ mà gọi đây là chữ số Ấn Độ được hay không? ■

Ý - lời - cách diễn đạt

TÔN THẤT LAN

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có loạt bài “Lang thang trong chữ” của tác giả Hồ Anh Thái. Tôi đã đọc và tán đồng về cách nhìn, phân tích cách sử dụng ngôn từ sai lệch hiện nay trong một số trường hợp. Tôi xin đóng góp một số nhận xét về cách viết, nói tiếng Việt thường gặp.

Rất có thể vì một thứ mặc cảm tự ti nào đấy mà người Việt chúng ta thường có tinh thần vọng ngoại, cái gì của người nước ngoài - như ăn mặc, trang sức, nói năng... - cũng hay, đẹp hơn của ta. Một ví dụ, kiểu thanh thiếu niên để tóc che trán khuất một con mắt lồi Hàn Quốc.

Cách đây vài năm, ở ngay góc đường Pasteur và Lê Lợi (TP.HCM), có bảng quảng cáo rất lớn ghi chữ “*Có đủ mạnh để thử không?*” (thử cà-phê). Tiếng Việt không dùng đủ với tính từ, mà với danh từ thôi, ví như *đủ tuổi đi học chưa?*, hay *đủ tiền mua không?* Cho nên ở đây lẽ ra phải nói *có đủ sức để thử không*. Tiếng Anh mới dùng chữ *enough* với cả tính từ và danh từ, *The boy is old enough to go to school*, hay *Do you have enough money / money enough to buy it?*

Trong các phim lồng tiếng, khán thính giả rất thường nghe những câu nói “*Đang làm gì thế, con trai?*”, hay “*Có gì vui thế, con gái?*”. Tiếng Việt chỉ cần nói, “*Ăn kẹo đó, con*”, hay “*Tắt đèn đi ngủ, con*”. Chúng ta không nhấn mạnh *trai*, *gái*, có thể do ý thức bình đẳng trai gái chăng?

Theo cách xưng hô thì người Việt nói thế này, “*Anh Nam, trưởng phòng kế hoạch*” hay “*Ông Hải, giám đốc công ty*” (hoặc lễ phép hơn “*anh Lê Văn Nam, ông Lâm Viết Hải*”), chứ không nói *trưởng phòng Nam, giám đốc Hải*.

Đáng buồn hơn là một số người Việt khi sử dụng tiếng Việt lại nói, viết theo kiểu tiếng nước ngoài (phần lớn là tiếng Anh) để tỏ ra mình biết ngoại ngữ (mà biết sai), ví dụ, “*Bạn đang làm gì tối nay?*” dịch từ câu “*What are you doing tonight?*”. Thực ra, thì hiện tại liên tiến (Present Continuous) ở đây dùng để chỉ kế hoạch, dự tính trong tương lai gần, nên phải dịch thế này “*Tối nay bạn định làm gì?*” hay *có kế hoạch gì không?*” tương đương “*What are your plans for tonight?*”.

Câu nói trong tiếng Anh yêu cầu khép cửa khi ra, vào “*Keep the door closed*” được một cơ sở dịch ra và ghi trên cửa “*Xin giữ cửa đóng lại*” (!?). Làm sao ra vào đây? Đúng thì là “*Ra, vào xin đóng cửa*”.

Đến nhà người bạn, bạn quên mang theo điện thoại di động, lại cần gọi, nên bạn mượn điện thoại bạn để gọi nhờ. Người bạn hào phóng, “*Certainly!*” / “*Of course!*” / “*Go ahead!*”. Người dịch rất tự nhiên và rất sát “*Đương nhiên!*” / “*Dĩ nhiên!*”. Trong trường hợp này, người Việt mình sẽ vui

về, tự nhiên, “*Cứ tự nhiên!*”, hay vui hơn chút, đưa tay và “*Xin mời!*”. Đẹp quá rồi còn gì.

Cô tiếp tân trả lời khách qua điện thoại muốn gặp giám đốc, “*Sorry, but he's out*”. Người dịch vẫn rất tự nhiên, “*Xin lỗi, sếp tôi ra ngoài rồi ạ!*”. Sorry ở đây không phải là xin lỗi. Cô ta có lỗi gì? Phải hiểu là “*Rất tiếc*”. Để đền bù, cô ta có thể nói thêm, “*May I take your message?*” (Ông nhắn lại gì không?). Đẹp quá!

Cũng sorry nữa. Thật lời thôi. Hai người bạn nói chuyện, một người nhắc chuyện cũ, “*My father died five years ago*” (Ba tôi mất năm năm trước), người kia buột miệng, “*I'm sorry!*” Tôi xin lỗi! (Lỗi gì? Lỗi để ông ta chết không cứu, hay đã có nhúng tay vào âm mưu làm chết ông ta? Nếu không thì sao lại xin lỗi? Sorry ở đây chỉ có nghĩa là tôi không vui khi nghe chuyện đó. Tiếng Việt, có thể nói, “*Xin chia buồn!*” Nếu muốn thân mật hơn chút thì hỏi thăm về lý do cái chết, chôn cất ở đâu...

Lại cô tiếp tân - phải thận trọng khi hỏi khách đến công ty mình. Có hai lần tôi được hai cô tiếp tân hỏi, “*Bác từ đâu đến?*”. Tôi

hết tuổi rồi, đâu có làm ở đâu, đại diện cho ai đâu? Ngẫm nghĩ một chút, tôi bèn thật thà, “*Tôi từ nhà tôi đến*”. Cả hai lần, hai cô tiếp viên nhìn tôi ngỡ không nên lời. Riêng tôi, vội vàng lảng lảng đi làm việc của mình.

Mỗi dân tộc, mỗi ngôn ngữ có cách diễn đạt riêng biệt, thường là rất khác nhau. Như vậy thì phải nói, viết tiếng Anh theo lối của người Anh; nói, viết tiếng Việt theo cách của người Việt. Không lẫn lộn được. Tuy đôi lúc cũng có những cách giống nhau nhưng không nhiều lắm đâu. Xin thêm một trường hợp để chúng ta suy nghĩ. Có người nói câu tiếng Anh thế này, “*I say you wear áo dài very nice*”, ý thế này, “*Tôi bảo cô mặc áo dài đẹp lắm*” (!).

Hãy ngưng một tí để ngẫm nghĩ về ví dụ trên qua Ý - Lời - Cách diễn đạt. ■



Thiên nhiên kháng Cáo

Hiện tượng El Nino đã trở lại sau hai năm ngắn ngủi. Giữa tháng Tư năm nay, siêu bão Maysak đổ bộ vào Philippines sớm hơn dự báo. Còn nhớ, tháng 11 năm 2013, cơn bão Haiyan xảy ra ở Philippines có sức gió lên tới 235km/h, giật 275km/h, gây ra năm trận lở đất tại các tỉnh miền Đông, miền Trung thuộc Samar, Leyte, Cebu và Iloilo khiến trên 10 ngàn người chết... Giữa tháng Năm vừa qua, bão, lốc xoáy hoành hành ở thành phố Nashville, bang Arkansas thuộc khu vực miền Nam nước Mỹ khiến nhà cửa tả tơi... Đó mới là bản cáo trạng viết trên mặt đất bằng gió vô hình, vô tình, còn ẩn sâu dưới lòng đất, vết thương hữu hình, cố ý do con người gây nên thảm hại hơn.

Nhiều năm qua, hoạt động khai thác đất, đá, khoáng sản ở nước ta diễn ra vô cùng khốc liệt, tàn nhẫn. Từ Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Phú Thọ, Hà Nội, Huế đến Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Quy Nhơn, Khánh Hòa, Đồng Nai, An Giang, Kiên Giang... đâu đâu cũng nổi lên vấn nạn và những lời ca thán của người dân về tình trạng khai thác đất, đá, cát, khoáng sản... Câu chuyện nàng Tô Thị bỏ lò nung vôi năm xưa bằng "luân hồi chuyển kiếp" trở lại thành hiện thực. Hơn nửa thế kỷ trước, mũi rìu tàn phá từng chia vào rừng núi bạt ngàn để biến nhiều khu rừng vàng thành rừng hoang, dẫn tới các hiện tượng lở đất, bão lụt, lũ quét... Ngày nay, lưới hái tàn phá không ngừng mở rộng phạm vi sang núi, đồi, đất, cát, quặng... Chúng ta dường như quay trở về thời kỳ nguyên thủy với

hoạt động kinh tế chiếm đoạt từ thiên nhiên. Lẽ ra cần xây dựng, củng cố môi trường thiên nhiên thứ hai là văn hóa, thì hoạt động khai thác, bóc lột tài nguyên thiên nhiên lại diễn ra ngày càng khốc liệt. Nhiều doanh nghiệp bất kể ngày đêm khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên này. Khi người dân địa phương phản ánh tình trạng trên thì có cấp quản lý doanh nghiệp trả lời một cách ngây thơ rằng: "*Có luật nào cấm chúng tôi thi công cả ngày lẫn đêm đâu!*". Nếu những doanh nghiệp ấy có thể nhốt âm thanh, tiếng ồn, khói bụi, chấn động địa chất... và hậu quả của chúng gây ra vào doanh nghiệp của mình thì có lẽ người dân đã bớt kêu ca. Đằng này, họ để tất cả những hậu quả do mình gây ra cho người dân gánh chịu. Đứng trước nguyên tắc ứng xử, loại doanh nghiệp này đã vi phạm quyền con người thể hiện qua những nhu cầu cơ bản, chứ không còn giới hạn trong phạm vi những quy định về hoạt động thi công nữa. Trong năm nhu cầu của con người để dựng nên tháp Maslow, hai nhu cầu Sinh tồn và An toàn của chúng ta đã bị lung lay, từ đó sẽ gây ảnh hưởng đến những nhu cầu khác và nhu cầu càng ở trên cao càng khó thể trụ vững. Nhiều hoạt động ngang tàng có thể lách qua kẽ hở của luật pháp, cũng như làm những việc mà luật pháp chưa chạm vào được, thế nhưng còn đó luật nhân quả, thiên pháp. Lưới trời lồng lộng, không hành động nào có thể lọt. Quyền uy của hệ thống thiên pháp thể hiện qua những hiện tượng thiên tai bất thường. Biến đổi khí hậu chính là sự trừng phạt những hành động tai quái của con người và do chính



LÊ HẢI ĐĂNG

con người gây ra. Hậu quả đó chính là bằng chứng ứng nghiệm cho luật nhân quả.

Sức khỏe của thiên nhiên đã dấy lên hồi chuông cảnh báo, nhưng dường như chưa đủ mạnh khiến con người bản khoăn, so với tình trạng suy thoái kinh tế. Bởi vậy, hiện tượng biến đổi khí hậu mặc dù đã khởi đi từ rất sớm qua những hiện tượng bất thường, song con người vẫn thờ ơ, bất chấp những cảnh báo từ thiên nhiên. Phát triển bền vững đang được nhìn nhận như một mệnh lệnh thể hiện lập trường, quan điểm. Bất cứ hội nghị nào, từ xóa đói giảm nghèo cho đến y tế, giáo dục... đứng ở góc độ nhận thức chung luôn đi kèm thông điệp “bền vững”. Trên thực tế, dù các quy định của Chính phủ liên tục được nâng cấp nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường thì còn đó ngổn ngang những nhà máy, công ty, cá nhân bất chấp mọi hậu quả, ngang nhiên thải chất độc hại chưa qua xử lý ra môi trường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân. Cuộc sống với những thay đổi diễn ra từng ngày, từng giờ. Luật là những mảnh “hóa thạch” của nguyên tắc ứng xử. Xuất phát từ mục đích giải quyết vấn đề do thực tiễn đặt ra, con người vẫn phải từng bước đưa ra những thay đổi tương thích với hoàn cảnh nhằm đưa cuộc sống vào luật. Người ta không thể đổ lỗi cho tình trạng chưa có luật để duy trì tình trạng vi phạm nhu cầu cơ bản của con người. Đất nước với lợi thế rừng vàng biển bạc đang ngày một cạn kiệt đến mức thê thảm. Xu hướng du lịch nội địa hóa đang dịch chuyển địa bàn tới những vùng đất mới. Nhiều bãi biển đẹp như mơ dần dần biến thành ác mộng

vì ô nhiễm. Du lịch vốn là một ngành không khói, nhưng nhiều rác. Sau khi kết duyên với tập tính văn hóa, nó đã phát huy cao độ khả năng tạo rác và nhiều địa phương đã gánh chịu hậu quả từ bước chân du khách. Tình trạng rác du lịch, rác công nghiệp, rác âm thanh, rác khói bụi... phủ trên diện rộng. Biển vốn xanh trong, nay nhiều vùng duyên hải ngập ngụa trong rác.

Có lẽ, nhiều người còn nghi ngờ về ảnh hưởng của hoạt động khai thác quặng, cát, đất đá... đến tình trạng biến đổi khí hậu. Trên thực tế, tất cả những hành động làm thay đổi kết cấu địa chất đều có nguy cơ ảnh hưởng đến sự cân bằng của thiên nhiên. Cuốn tiểu thuyết “*Linh sơn*” nhận giải thưởng Nobel văn học năm 2000 của nhà văn Cao Hành Kiện có mẫu đối thoại giữa người dẫn truyện và nhà thực vật học rất đáng chú ý. Theo đó, công trình thủy điện Tam Hiệp do nuốt chửng một khối đá khổng lồ dọc hai bên bờ sông Trường Giang đã gây hậu quả nghiêm trọng cho môi trường địa chất. Cao Hành Kiện gọi công trình này là “dự án hoang đường”. “Xây một con đập sẽ phá hủy hết cân bằng sinh thái của lưu vực sông Trường Giang. Nếu không may cái khe nứt ấy gây ra một trận động đất thì hàng trăm triệu người dân sống ở hạ lưu, trung lưu con sông sẽ hóa thành rùa”. Sự thật đã ấn chứng cho lời tiên đoán của nhà văn. Năm 2008, khi ngọn đuốc Olympic đang được chuyển đi khắp nơi trên thế giới thì trận động đất kinh hoàng mạnh 7,9 độ Richter ở tỉnh Tứ Xuyên làm khoảng 90.000 người chết và bị thương đã ngăn cản ngọn đuốc thiêng để tập trung sức người vào hoạt động cứu nạn khẩn cấp.

Mọi hành động đều có những giới hạn của nó. Mức giới hạn chính là khoảng cách cân bằng giữa tự nhiên và nhân tạo. Triết học Hậu hiện đại sở dĩ có thể neo đậu trên hiện thực là vì tuyên bố chống lại tham vọng cải tạo thiên nhiên và thế giới một cách thô bạo. Nó đòi hỏi những công dân của thế kỷ XXI phải thực hiện nguyên tắc ứng xử chung trước những vấn đề mang tính toàn cầu. Chẳng phải ngẫu nhiên, mỗi khi nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên tuyên bố thử vũ khí hạt nhân, các nước láng giềng liền lên tiếng phản đối hoặc bày tỏ thái độ. Ngoại trừ những biện minh mang tính chất chính trị, nó còn liên quan tới vấn đề ứng xử mang tính chung nhất trên phạm vi địa cầu. Biến đổi khí hậu đã không còn giới hạn trong địa hạt của lĩnh vực dự báo thiên văn mà du lãm khắp năm châu để gây nên những tai họa khủng khiếp. Thông số về thiệt hại do bão, động đất, lũ quét... gây ra chưa bao giờ là con số cuối cùng. Cúm từ biến đổi khí hậu ngày càng xuất hiện thường xuyên trên phương tiện truyền thông. Nó cũng giúp người ta hình dung được phần nào về sự biến đổi của cuộc sống con người, cũng giống như tham nhũng, suy thoái đạo đức... Con người đã gieo những mầm mống độc hại lên cơ thể thiên nhiên và chúng có khả năng nảy mầm thành những thảm họa khôn lường. Thiên nhiên đang kháng cáo và đòi lại những gì con người tước đoạt một cách tham lam vô độ. ■



Niềm tin

có thể chữa bệnh?

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Hiện nay, nhan nhản trên mạng, hoặc được chia sẻ ở một số trang web của các hiệp hội này nọ, thường có các thông tin như “Ông X. bị ung thư, bác sĩ ‘chê’ cho vể, ông ta tin và uống dược thảo Y. nên đã khỏi bệnh hoàn toàn”. “Dược thảo Y.” trong các thông tin ấy khi thì được thay bằng “thực phẩm chức năng thần kỳ A.”, lúc lại được thay bằng “liệu pháp tuyệt vời B.”... Vậy phải ứng xử như thế nào với những thông tin như thế?

Trong quyển sách “*Nơi không có bác sĩ*” (Where there is no doctor, ở ta dịch và xuất bản với tựa đề: “*Chăm sóc sức khỏe*”), bác sĩ David Werner, tác giả cuốn sách, đã kể lại một trường hợp: “Có lần tôi thấy bệnh nhân nhức đầu dữ dội. Một phụ nữ đưa anh ta miếng khoai mài

bảo rằng đây là thuốc giảm đau rất mạnh. Anh ta tin lời đã ăn nó và kết quả là khỏi đau nhanh chóng”.

Trong một số nghiên cứu đúng bài bản khoa học, người ta đã chứng minh chỉ cần dùng “thuốc vờ” (tức thuốc giả nhưng người bệnh tin là thuốc thật) cũng có thể giúp người ta giảm đau không khác gì dùng thuốc giảm đau paracetamol với tỷ lệ xấp xỉ 50% (tức một nửa số người dùng thuốc vờ hết đau thật sự).

Ở đây, yếu tố tâm lý của người bệnh đã được tác động để phát huy tác dụng tích cực của nó. Khi người bệnh được cho dùng một chất nào đó không phải là thuốc, nhưng nếu người đó có sự tin tưởng tuyệt đối đó là thuốc thật, dùng chất đó và khỏi bệnh thì hiện tượng đó được gọi là “hiệu ứng placebo”. Trong chừng

mức nào đó, có thể ghi nhận hiệu ứng placebo để giải thích những vụ việc liên quan đến việc chữa bệnh “kỳ lạ” mà nhiều người cho rằng khoa học khó có thể giải thích được. Đó là việc dùng nước lạnh, bùa chú, hay bất cứ thứ gì không phải là thuốc, nói chung là dùng những phương tiện, phương cách không theo y học chính thống, nhưng có sự tin tưởng của người bệnh vào tác dụng của chúng vẫn có thể chữa được bệnh.

“Placebo” có nguyên nghĩa là “Tôi làm vui lòng”, ý nói bác sĩ sẽ tác động đến tâm lý của người bệnh, tạo cho họ sự phấn khởi, tin tưởng để mau hết bệnh. Trong quá trình điều trị bệnh, thầy thuốc thường khai thác tối đa yếu tố tâm lý để giúp quá trình bệnh diễn tiến tốt. Bác sĩ có mối quan hệ tốt với bệnh nhân, cung cách khám chữa bệnh đúng mực, nói năng nhẹ nhàng thân tình, giải thích rõ ràng căn bệnh, sẽ giúp bệnh nhân ổn định về mặt tâm lý và giúp việc điều trị bằng thuốc hoặc bằng phương thức trị liệu nào đó sẽ nhanh và tốt hơn. Không hiếm trường hợp đã xảy ra chỉ vì một lời nói của bác sĩ mà làm cho bệnh của bệnh nhân thêm nặng hơn. Người ta ghi nhận các rối loạn liên quan đến triệu chứng cơ năng (như bệnh suy nhược thần kinh) rất dễ chữa khỏi bằng các biện pháp tác động đến yếu tố tâm lý. Hoặc có một số phương thức điều trị không dùng thuốc mà dựa hẳn vào yếu tố tâm lý như thôi miên, tự kỷ ám thị, thiền định... để ổn định tâm lý; và từ đó, người bệnh khỏe hẳn. Trong quá trình điều trị bệnh, bác sĩ điều trị có thể cho một thứ thuốc để khai thác hiệu năng placebo. Thí dụ, bệnh nhân bị rối loạn không cần dùng đến thuốc, nhưng lại có tâm lý không thể cưỡng là phải được dùng thuốc, bác sĩ có thể cho dùng vitamin để khai thác tác dụng tích cực của yếu tố tâm lý. Và thuốc trong trường hợp này là chất không có tác dụng chữa bệnh thật sự, được gọi là placebo (“giả dược” hoặc “thuốc vờ”). Người bệnh dùng placebo do tin tưởng đó là thuốc chữa bệnh thật sự và có thể khỏi bệnh.

Tuy nhiên, ta cần xem việc chữa bệnh bằng yếu tố tâm lý chỉ là biện pháp hỗ trợ, chứ không thể thay thế cho tất cả các phương thức trị liệu của nền y học chính thống. Cũng như theo y học chính thống, thuốc phải là những chất có tác dụng thực sự dùng để điều trị, phòng bệnh và chẩn đoán bệnh. “Có tác dụng” nghĩa là thuốc có tác dụng vật chất, hấp thu vào trong cơ thể sau đó được chuyển hóa bài tiết để đạt hiệu quả chữa bệnh, phòng bệnh, chẩn đoán, chứ không phải chỉ dựa vào tin tưởng nào đó, tức không dựa vào yếu tố tâm lý không thôi, mà khỏi bệnh.

Trong y học chính thống, trong quá trình nghiên cứu để tìm ra và công nhận để đi sản xuất một thuốc mới, người ta phải loại bỏ hoàn toàn yếu tố tâm lý trong các giai đoạn thử nghiệm lâm sàng đối với thuốc. Để loại trừ yếu tố tâm lý, người ta thường sử dụng *phương pháp mù đôi* (double blind study).

Trong phương pháp mù đôi, những người bệnh tham gia nghiên cứu được chia làm hai nhóm ngẫu

nhiên và giống nhau ở một số đặc điểm (như tuổi tác, giới tính...), một nhóm sẽ được điều trị bằng thuốc cần được thử nghiệm trong nghiên cứu, nhóm thứ hai được điều trị bằng placebo có hình dạng kích cỡ, màu sắc, mùi vị giống như thuốc thật. Thuốc mới thử nghiệm chỉ được đánh giá là có tác dụng thật sự khi nhóm một có tỷ lệ tính theo thống kê là khỏi bệnh, trong khi nhóm hai (nhóm placebo) có tỷ lệ được xem là không khỏi bệnh. Tỷ lệ khỏi bệnh ở nhóm một không nhất thiết 100%, chỉ cần 60-70%, nhưng quan trọng là hơn hẳn nhóm placebo. Gọi là “mù đôi” vì cả người bệnh lẫn bác sĩ chỉ định thuốc không biết thuốc nào là thuốc thật, thuốc nào là placebo.

Dùng thuốc chỉ có người bệnh nhưng tại sao trong nghiên cứu tác dụng thuốc mới, người ta phải loại bỏ cả hai yếu tố tâm lý của người bệnh và thầy thuốc. Cần loại bỏ yếu tố tâm lý của cả bệnh nhân dùng thuốc lẫn bác sĩ chỉ định thuốc thì việc nghiên cứu về tác dụng của thuốc mới thật khách quan. Đã có trường hợp nghiên cứu thuốc mới không khách quan, có thể làm sai lệch kết quả nghiên cứu như sau.

Trước khi có phương pháp mù đôi, người ta dùng phương pháp “mù đơn”. Tức không loại trừ yếu tố tâm lý của bác sĩ, chỉ loại trừ đơn thuần yếu tố tâm lý của người bệnh. Không như bệnh nhân, bác sĩ tham gia nghiên cứu “mù đơn” biết thuốc nào là thật, thuốc nào là placebo. Tác giả Wolf đã kể lại một trường hợp điển hình: “Một viện bào chế dược phẩm nghiên cứu cho ra đời thuốc trị hen suyễn. Đến giai đoạn thử nghiệm lâm sàng có nhờ một vị bác sĩ chủ trì thử nghiệm mù đơn xem hiệu quả của thuốc, bác sĩ đã cho nhận xét: thuốc thật cho kết quả rất tốt trong khi placebo không có hiệu quả. Nhưng sau đó, viện bào chế thông báo là có sự nhầm lẫn, hai thứ thuốc được cung cấp cho bác sĩ đều là thuốc thật. Chính sự tin tưởng của bác sĩ đối với thuốc thật và sự nghi ngờ đối với placebo đã làm ông ta có thiên kiến và đi đến nhận xét hết sức chủ quan như trên!”

Khi tìm hiểu để sử dụng một loại thuốc, bác sĩ chỉ tin cậy thông tin theo “*y học thực chứng*” (evidence-based medicine, viết tắt EBM) tức là các bác sĩ chỉ tin dùng các thuốc đã chứng minh tác dụng hiệu quả thực sự khi đã trải qua các thử nghiệm lâm sàng đúng quy cách khoa học và được thông tin từ các y văn đáng tin cậy, chứ không tin theo những lời đồn đại, kể cả thông tin không đáng tin cậy đầy dẫy trên mạng.

Như vậy, đối với người bệnh, đặc biệt bệnh ung thư, “tin để khỏi bệnh” là việc có khi cần nhưng không phải là tất cả. Người bệnh cần tỉnh táo, đừng quá tin vào phương thuốc hay một phương thức điều trị nào đó chưa được chứng thực về mặt khoa học mà chối bỏ phương pháp điều trị theo y học chính thống. Nhiều bệnh được điều trị theo kinh điển vẫn hiệu quả miễn không có sự chậm trễ. ■

Những con số đẹp

CAO HUY HÓA

91,58%

Đó là tỉ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2015, trong đó khối Trung học phổ thông đạt 93,42%, khối Giáo dục thường xuyên đạt 70,08%.

Tỉ lệ tốt nghiệp THPT đối với các thí sinh dự thi tại các cụm thi do Sở Giáo dục-Đào tạo chủ trì là 84,45%, và ở các cụm thi do trường đại học chủ trì là 94,74%.

Nhận định về kết quả này, trên báo *Tuổi Trẻ* ngày 24/7/2015, Tiến sĩ Nguyễn Đức Nghĩa (Đại học Quốc gia TP.HCM) cho biết: "Ngay sau khi công bố kết quả thi, các nhà quản lý giáo dục thở phào nhẹ nhõm, vì trước kỳ thi dư luận xã hội lo lắng rằng quyết tâm đổi mới thi cử sẽ làm tỉ lệ tốt nghiệp giảm mạnh. Tỉ lệ này xem ra hợp lý chứ không quá cao hơn mức tưởng tượng như năm 2014 (99,09%), nhưng không ở mức quá thấp để gây "sốc" như lo lắng ban đầu. Có lẽ cách tính điểm xét tốt nghiệp theo đó điểm kết quả năm học lớp 12 cùng các điểm khuyến khích, điểm ưu tiên có trọng số lớn hơn điểm của kỳ thi THPT quốc gia đã bảo đảm được tỉ lệ tốt nghiệp THPT không quá thấp".

Cũng trong số báo trên, theo Giáo sư Nguyễn Minh Thuyết và Phó Giáo sư Văn Như Cương, việc coi thi năm nay được chấn chỉnh hơn tại các cụm thi do trường đại học chủ trì. Theo GS Thuyết, kết quả thi vẫn còn cao quá, "bởi nhìn vào thực tế dạy học hiện nay thì tỉ lệ này có thể sẽ còn giảm nữa nếu việc coi thi, chấm thi thật sự nghiêm túc". Theo PGS Cương, tỉ lệ 84,45% đối với thí sinh chỉ dự thi tốt nghiệp là cao, vì đối tượng này là những học sinh có học lực từ trung bình trở xuống, nếu thi nghiêm túc thì không thể cao như vậy.

Điểm lại tình hình thi cử vừa qua, việc tổ chức gộp lại hai kỳ thi (tốt nghiệp và xét tuyển vào đại học) làm cho công tác thi cử nhẹ nhàng hơn, thí sinh và phụ huynh bớt vất vả công sức và tiết kiệm tiền bạc, nhưng nếu cứ tiếp tục thi 2 trong 1 như thế này thì kỳ thi tốt nghiệp phổ thông – tương đương với tú tài ngày trước – chỉ còn là thủ tục. Hơn thua vào đại học, sá gì cái bằng phổ thông!

Những năm sau này, Bộ GD và ĐT loay hoay với vấn đề thi như vậy, kể cả chọn bao nhiêu môn thi, môn nào thi trắc nghiệm, điểm ưu tiên như thế nào... tuy nhiên nói chung, nội dung đề thi vẫn cứ như mấy chục năm về trước, có chăng môn Văn thỉnh thoảng có đề gọi là "mở", nhưng xem ra có vẻ lạc lõng trong quá trình dạy và học môn Văn. Sở dĩ như thế vì chương trình, nội dung học, sách giáo khoa vẫn không có cải tiến gì đáng kể. Cho nên con số 91,58% chỉ như là liều thuốc an thần cho căn bệnh trầm kha của giáo dục nước ta.

Đến đây, xin mời người đọc xem một con số cũng đẹp, tuy nhỏ hơn con số ở trên.

87,8%

Đó là tỉ lệ đậu bằng *Baccalaureat* (gọi tắt là BAC, tạm dịch là Tú tài) tại Pháp năm 2015, theo thông cáo báo chí của Bộ Giáo dục Pháp ngày 11/7/2015. Tỉ lệ này giảm 0,1% so với năm 2014.

BAC là bằng có lịch sử lâu đời (từ năm 1808), từ đó đến nay bằng này là một sự xác nhận học sinh đã hoàn thành giáo dục trung học đệ nhị cấp có phân ban, hoặc hoàn thành chương trình trung học hướng nghiệp, hoặc trường trung học kỹ thuật, và sẵn sàng bước vào ngưỡng cửa đại học.

Tỉ lệ đỗ qua từng năm diễn tiến từ 3% năm 1945, đến 25% năm 1975, đến 71,6% năm 2011, năm 2014: 87,9%, năm 2015: 87,8% (theo website của Bộ Giáo dục Pháp: <http://www.education.gouv.fr/cid143/le-baccalaureat.html>).

Trong khoảng hơn thập niên gần đây, dư luận Pháp nghiêng về đánh giá kỳ thi BAC nặng về hàn lâm và khá khó. Sau này, những cải tổ về mặt phân khối, phân ban, nội dung chương trình lẫn tổ chức thi cử đã làm cho kỳ thi dễ đậu hơn. (Các ban là: S: Khoa học, L: Văn chương, ES: Kinh tế và Xã hội. Ngoài khối phổ thông phân ban, còn có khối kỹ thuật, khối hướng nghiệp). Tuy nhiên kỳ

thi vẫn giữ nguyên giá trị chuẩn trong nền giáo dục Pháp. Hình ảnh phòng thi trên mạng cho thấy số thí sinh trong phòng ngồi vào những dãy bàn ghế ngắn sắp dọc, mỗi bàn một người. Với cách ra đề không có tính thuộc lòng, có lẽ chẳng có ai quay tài liệu.

Tôi không đi sâu vào chuyện chương trình và thi cử ở Pháp, chỉ có chút tò mò về đề thi, xem có gì khác với ta. Thì đây, rất nhiều, và đậm nhất là đề thi rất gần với đời sống thực tế, kể cả môn Toán. Những tài liệu cho sẵn trong đề thi là tài liệu khoa học thật, được trích dẫn hàng hoàng.

Xin *giới thiệu* chút ít về một số đề thi của kỳ thi BAC tại Pháp.

Môn Toán, ban ES (Kinh tế và Xã hội) và ban L (Văn chương)

Đề thi dài 6 trang, phần lớn gồm giả thiết, các bảng biểu, các thuật toán, gồm có 4 bài.

Bài 1. Bài này dùng công cụ là lý thuyết xác suất. Bộ phận tiếp thị của một cửa hàng bán điện thoại di động nghiên cứu thị trường bằng cách khảo sát số lượng khách hàng trong những khoảng thời gian nào đó. Người ta tính rằng có 42% người nữ vào cửa hàng, trong đó có 35% người mua, còn đối với người nam có 55% người mua.

- Tính xác suất để một người vào cửa hàng là người nữ và đi ra mà không mua gì.

- Với những giả thiết và dữ liệu liên quan đến một loại điện thoại mới, tính xác suất để điện thoại loại này hoạt động tốt trong ít nhất 5 năm.

- Câu cuối cùng đòi hỏi khảo sát số người đến cửa hàng chỉ để mua phụ tùng điện thoại.

Bài 2. Sự vận hành của một số trung tâm địa nhiệt dựa trên ứng dụng nhiệt dưới đất. Để có thể khai thác nguồn nhiệt tự nhiên này, cần đào nhiều giếng khá sâu. Chi phí đào này khá tốn kém, và đào càng sâu thì chi phí càng cao. Bài toán ở đây là tính chi phí để đào đến một độ sâu nào đó. Với một kinh phí dự trù, thì giếng được đào sâu tối đa là bao nhiêu.

Bài 3 và bài 4: Liên quan đến hàm số, đồ thị, tiếp tuyến, đạo hàm và tích phân. Cái mới đối với ta là: thường thường, đề thi cho biết hàm số rồi yêu cầu vẽ đồ thị, còn ở đây là đồ thị cho trước, và với một số giả thiết, hãy tìm hàm số. Cách này phù hợp hơn với nhu cầu áp dụng toán trong các khoa học khác.

Môn Khoa học, ban ES và ban L

Đề thi dài 9 trang, gồm có 3 phần:

Phần 1 nhan đề "*Nuôi sống loài người*".

Một hội đoàn tổ chức liên hoan ca nhạc có phục vụ ẩm thực. Có một món xà-lách trái cây sẽ được bán trong suốt liên hoan kéo dài từ trưa thứ Bảy đến tối Chủ nhật. Những thứ này được chuẩn bị sáng thứ bảy trong nhà bếp, bắt đầu với những trái pommes, đậu, nho, chuối và cam. Thí sinh hãy viết một tường trình khoa học để giúp ban tổ chức bảo đảm món ăn không bị nhiễm khuẩn gây

hại (từ vỏ và môi trường xung quanh: nước, không khí...), không bị oxy hóa... để cho trái cây an lành và tươi đẹp trong suốt thời gian chuẩn bị đến hết liên hoan, với một giải pháp hoàn toàn tự nhiên. Trong đề, có sẵn những bảng biểu và chỉ dẫn làm căn cứ cho bài làm của thí sinh.

Phần 2 nhan đề "*Sự thách thức năng lượng*".

Dân số thế giới sẽ tăng từ 7 tỉ người năm 2011 đến 9 tỉ người năm 2050, đòi hỏi nhu cầu về năng lượng gấp đôi nhu cầu hiện nay.

Đề thi đưa ra 2 tài liệu. Tài liệu 1 liên quan đến cải tiến của một giáo sư Đại học Tokyo (Nhật) bằng cách hiệu chỉnh tế bào quang điện để có thêm chức năng tích trữ điện. Nó như một tấm bảng nhỏ, thu thập năng lượng mặt trời và tích trữ điện. Trên bảng đó có hình một bông hoa hồng tú cầu. Khi tích điện no đầy, hoa nở màu xanh; khi hết điện, màu hoa biến thành trắng. Tài liệu 2 liên quan đến thorium, mà các nhà khoa học hy vọng đây là hạt nhân *xanh*, có thể giúp nhân loại giải quyết vấn đề năng lượng trong vòng 10 thế kỷ tới, theo như ý kiến của một nhà nữ bác học Pháp Elsa Merle-Lucotte tại Grenoble.

Phần này có 8 câu hỏi về năng lượng, trong đó 4 câu hỏi liên quan đến tài liệu 1 và 4 câu sau liên quan đến tài liệu 2.

Phần 3 nhan đề là "*nữ - nam*".

Ngày 29/12/2006, một phụ nữ tròn tròn 67 tuổi cho biết sẽ sinh con và sinh đôi. Bà đã giấu tuổi đó và nói dối tuổi của bà trẻ hơn với các bác sĩ Mỹ để các bác sĩ này chấp nhận bà sinh theo một chế độ đặc biệt khác thường (thụ thai trong ống nghiệm, nhờ người khác mang thai hộ v.v...).

Phần này trình bày 2 tài liệu. Tài liệu 1 về kỳ mãn kinh. Tài liệu 2 về biểu đồ thể hiện số lượng noãn bào theo tuổi của người phụ nữ. Sau đó là 4 câu hỏi liên quan đến 2 tài liệu này, trong đó có câu hỏi 3: *Giải thích những lý do vì sao một người đàn bà 67 tuổi không thể có thai theo cách tự nhiên.*

Môn Sử Địa, ban S (khoa học)

Đề có 3 trang.

Phần 1: Địa lý. Thí sinh chọn một trong hai đề:

Đề 1: Những lãnh thổ hội nhập chênh lệch nhau vào toàn cầu hóa.

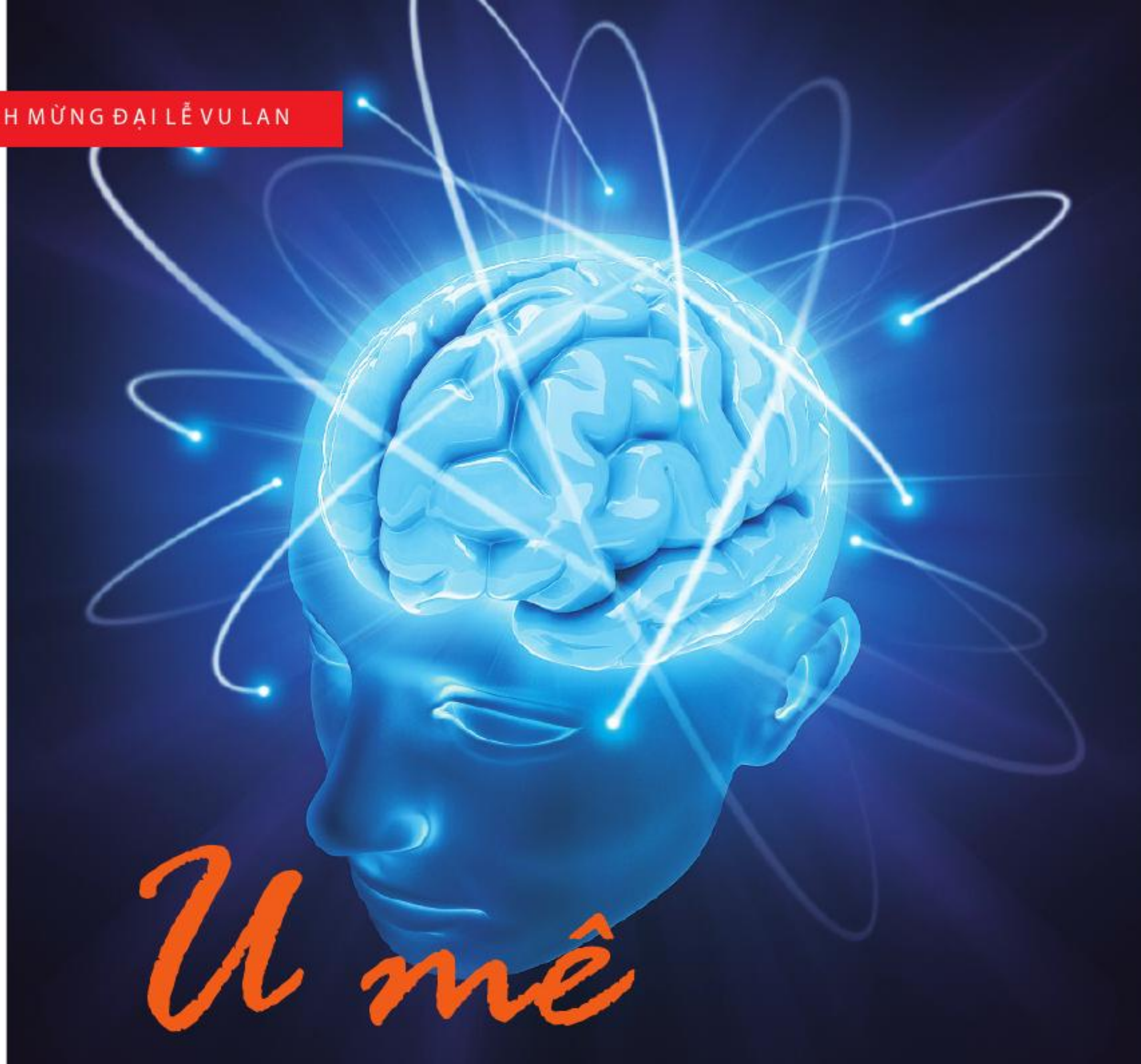
Đề 2: Sahara: Những tài nguyên và những xung đột.

Phần 2: Lịch sử. Trung Quốc và thế giới từ những năm 1960 đến những năm 1980.

Tài liệu: Những suy nghĩ của hai nhà báo trong một cuốn sách xuất bản năm 1984.

Làm thế nào tài liệu này chứng tỏ sự tiến triển vị thế của Trung Quốc trong những quan hệ quốc tế từ những năm 1960, và làm thế nào giải thích những sự thay đổi chính trị Trung Quốc có gốc từ sự tiến triển đó, kể từ cuối những năm 1970?

Vị thế của Trung Quốc trên thế giới sau năm 1984 có xác nhận sự đánh giá của hai nhà báo? ■



HOÀNG TÁ THÍCH

Cách đây không lâu, báo chí đăng tải một vụ kiện cáo ra toà về tội lường gạt hết sức lạ lùng và có phần quái gở. Bên bị là một nhóm người bán đồng đen, và bên nguyên là người mua hàng bị lừa. Chuyện thật buồn cười, vì bên bị cho biết có một khối đồng đen nặng 2,7kg, giá mỗi ký là 30 triệu đô-la Mỹ. Muốn xem hàng - chỉ xem hàng thôi - phải trả trước 500 triệu đồng Việt Nam, nghĩa là khoảng 25 ngàn đô-la Mỹ. Toà hỏi bên bị cáo bán nhưng có biết đồng đen là gì không thì được trả lời là không. Khi toà hỏi người mua có biết đồng đen là gì không thì cũng được trả lời không biết, nhưng nghe nói linh thiêng lắm. Không biết mà vẫn bỏ tiền ra mua để bị lừa mới là lạ. Ba chục triệu đô-la Mỹ chứ không phải ba mươi triệu đồng Việt Nam. Lạ là chỗ ấy. Không biết người bán căn cứ vào đâu để cho đồng đen cái giá kinh khủng như thế. Một người mê tín, chỉ tin vào hai chữ linh thiêng để bị lường gạt, thực ra là đáng lắm, nhưng cũng lạ ở chỗ làm sao họ có thể có một số tiền lớn như thế để tính chuyện mua bán với bên bị? Phải có tiền, phải có chuyện mua bán mới có chuyện bị lừa và mới có chuyện cả hai bên phải đưa

nhau ra toà. Đã có nhiều tiền như thế thì chắc chắn không phải vì tham tiền mà ra.

Trước đây một thời gian, có một vụ lường gạt khác cũng được toà án thụ lý. Chuyện này nghe ra còn mơ hồ hơn chuyện đồng đen kia nữa, vì bên bán cho biết có một khối "thiên thạch", giá cũng hàng chục triệu đô-la Mỹ, và bên mua cuối cùng khi biết mình bị gạt đã đi tố cáo bên bán. Nếu có một người ngu đến nỗi nghe một cục thiên thạch giá hàng chục triệu đô mà chịu nói chuyện mua bán thì đó là một chuyện quá lạ lùng, vì chắc chắn là người đó chẳng biết thiên thạch là cái quái gì, từ đâu đến và nếu họ có chút hiểu biết về thiên thạch thì họ cũng phải biết nếu là một thiên thạch thật thì sở hữu chủ của nó không thể là một cá nhân nào đó được. Không ai có thể giải thích sao lại có người nghĩ ra cái chuyện bán một cục thiên thạch với giá trên trời và tại sao lại có người định bỏ ra hàng chục triệu đô-la Mỹ để mua một vật chẳng biết để làm gì.

Cũng cách đây khá lâu, báo chí cũng nói đến vụ một anh chàng da đen ở từ một nước đâu đó bên Phi châu đến Việt Nam và cho biết là mình có đem vào một số tiền đô-la Mỹ rất nhiều, nhưng phải nguy trang nên đã

phủ bên ngoài những xấp tiền đó bằng một chất liệu màu đen, vì vậy mà bây giờ cần phải mua một loại hóa chất khá đắt tiền để tẩy rửa mới dùng được. Và anh da đen này đang tìm người để trao đổi, nghĩa là ứng tiền trước để anh ta mua hóa chất. Chuyện nghe có vẻ quá mơ hồ không đáng tin chút nào, vậy mà cũng có một người dĩ nhiên là nhà quê và không phải là giàu có cho lắm nhưng chỉ vì tham lam, nghe hấp dẫn quá, đã bỏ ra mấy ngàn đô đưa cho anh da đen kia. Thế là bị lừa, và kiện cáo ra toà. Những chuyện lừa gạt đại loại vô lý như thế không phải hiếm mà rất thường xảy ra trong dân chúng ở tầng lớp thấp kém. Lừa gạt có cả trăm ngàn cách và trong mọi lãnh vực, cũng đều vì tham lam, ham mua đồ rẻ trên mạng, ham trúng thưởng, v.v. Sở dĩ mọi người biết được là nhờ người bị lường gạt kiện cáo ra toà rồi báo chí mới có tin tức để đăng tải sự việc.

Báo chí cũng thường đăng tải những tin tức về chuyện các thầy lang chữa bệnh bằng phép thuật hoặc bằng một kiểu khác thường nào đó, không chỉ ở những vùng xa xôi, mà ngay trong thành phố cũng có. Thấy lang cho biết có thể chữa bất cứ bệnh gì. Có thầy lang không cần khám để biết bệnh gì, hễ bệnh nhân ngồi trước mặt, là thầy uống một ngụm nước phun vào mặt bệnh nhân, thế là xong. Không bao nhiêu, nhưng cũng mất ít nhất vài ba chục ngàn. Vài ba chục ngàn tuy chẳng là bao, nhưng đối với những bệnh nhân nghèo khó, cũng là một số tiền. Riêng thầy lang thì kiếm được khá nhiều vì hàng ngày có cả hàng trăm người đến xin chữa bệnh. Cũng có những thầy lang khác, bệnh gì không cần khám, chỉ cho bệnh nhân một nắm lá hay một thứ gì đó bảo về uống thì sẽ lành.

Lạ một điều là người bệnh không phải dễ dàng được chữa bệnh mà phải chịu khó đến nơi khám bệnh từ ba bốn giờ sáng, ghi tên chờ đến phiên mình. Nếu đến sau khi mặt trời mọc, nghĩa là chừng bảy tám giờ sáng thì đành phải về chờ đến ngày mai vì không còn chỗ. Chẳng biết có ai lành bệnh không, nhưng có nhiều thầy lang làm việc cả hàng tuần cho đến khi bị báo chí phanh phui và công an đến hốt vì tội lừa bịp.

Chuyện người nghèo có bệnh mà không có tiền vào bệnh viện thì có thể làm bất cứ điều gì để mong hết bệnh, cũng không có gì đáng trách. Người tham tiền có thể chịu mất một số tiền nhỏ để tưởng hưởng được mối lợi lớn thì có thể thấy là cũng còn "lô-gích", chứ một người bỏ ra cả một gia tài kếch xù chỉ để mua một vật mà chẳng biết chút gì về vật đó ngoài hai chữ "linh thiêng" như vụ đồng đen và thiên thạch kia thì thật không thể nào giải thích được, vì không phải do tham lam mà ra. Chỉ có thể nói là dân mình quá ngu mà thôi.

Có nhiều người ngu không phải bị lừa mất của, mà còn mất cả cuộc đời nữa. Đó là những chuyện xảy ra cho những cô gái chỉ mới quen biết một người đàn ông trên mạng một thời gian quá ngắn là đã kéo nhau đến nhà trọ quan hệ dù chưa biết gì rõ ràng về người tình của mình cả. Rồi

một thời gian sau, vì phải chia tay nhau, các cô thường bị tung hình sex lên mạng để trả thù hoặc để tố tiền. Nhiều trường hợp có cô xấu hổ quá nên đã tự tử. Nghĩ lại chuyện cũng chỉ vì nhất thời không suy nghĩ mà ra. Cùng nhau đến nhà trọ, đôi khi chỉ vừa quen biết nhau trên mạng để quan hệ xác thịt đã là chuyện không được đảng hoàng, lại còn quay phim chụp ảnh mà không cần nghĩ đến hậu quả, thì phải gánh chịu thôi, còn đi kiện cáo làm gì. Ngay cả xấu hổ phải tự tử, tuy không đáng, nhưng cũng là chuyện không có gì phải đáng thương hại cả. Đây chỉ vì dân trí thấp, ngu dốt mà ra cả. Nói cho cùng, không hẳn do bên phía lường gạt, mà còn vì phía bị lừa quá dễ tin mà ra.

Nhưng mà nói chỉ có dân mình ngu dốt thì cũng không công bằng. Trên thế giới chẳng thiếu gì người ngu. Mới đây trên mạng phổ biến một tấm hình một tên khủng bố IS mang trên người ngang thắt lưng một tảng đá che kín hạ bộ, với lời giải thích: Chiến binh tuy không sợ chết, nhưng phải bảo vệ phần quan trọng nhất của thân thể để nếu có bị bắn chết thì của quý vẫn còn nguyên vẹn vì sau khi chết, sẽ được lên thiên đàng và trên đó đang có rất nhiều cô gái chờ đợi họ. Nghe như chuyện nói ra để chọc cười, nhưng là thực, vì những tên được gọi là chiến binh khủng bố đó luôn luôn nghe và tin tất cả những điều lãnh tụ của chúng nói. Chỉ một chuyện mang bom trong người và cho nổ bất cứ nơi đâu theo chỉ thị của chỉ huy khủng bố, biết là mình sẽ chết và chẳng cần biết ai là người phải giết cũng đã thấy ngu rồi.

Trên thế giới có nhiều giáo phái mà tín đồ nghe theo lời phán của các vị giáo chủ một cách mù quáng. Ngay ở Mỹ, có một giáo phái được giáo chủ tuyên truyền rằng sau khi chết sẽ được dẫn lên thiên đường, nên có nhiều nhóm người đã tự sát tập thể với áo quần trắng hoàng cùng với hành lý và... giấy thông hành. Chuyện tự sát tập thể để được giải thoát hoặc để được lên thiên đường của các giáo phái không phải là không thường xảy ra ở nhiều quốc gia, mặc dù chung chung, chẳng ai là không sợ chết, thế mới là lạ.

Lại có một giáo phái khác có rất đông tín đồ, nguyên thủy ở Canada, sau đó còn lan qua tận bên Pháp. Báo chí đã chụp được một tấm hình trên một bãi biển bên Âu châu, có cả hàng trăm người gần như trần truồng ngồi chờ một sứ giả của Thượng đế xuống để đưa họ lên thiên đường. Nói những người này ngu dốt thì cũng không đúng, vì trong số những tín đồ đó, báo chí còn cho biết là có rất nhiều người học thức, không những thế, còn giữ những chức vụ lớn trong chính phủ, thực không thể nào giải thích được.

Thế mới biết khoa học dù có tiến bộ đến đâu để cho con người hưởng được những tiện ích hiện đại, dạy cho con người vô số kiến thức về sự hiểu biết, học hành có giỏi bao nhiêu thì u mê vẫn là u mê, không làm sao giải thích được. Quả vậy, Phật dạy u mê (hay si, vô minh) có từ vô thủy, u mê thuộc tam độc và đứng đầu trong mười hai nhân duyên gây đau khổ. ■

Lãng phí lãng hoa

BÙI TRƯỜNG TRÍ

Bất cứ sự kiện lớn nhỏ nào như: Lễ khai trương, động thổ, hội nghị hay đại hội các cấp của cơ quan Nhà nước đều có những lãng hoa của các ban ngành, tổ chức, của các vị lãnh đạo, khách mời hoặc đại biểu gửi đến chúc mừng. Không biết từ bao giờ lãng hoa là thể hiện sự giao thiệp lịch sự trong cái mối quan hệ xã hội, quan hệ cấp trên, cấp dưới hoặc ngành ngang, ngành dọc...

Lãng hoa chúc mừng cũng có sự phân biệt “đẳng cấp”

Giá “bèo” nhất một lãng hoa cũng 1 triệu đồng, còn muốn lãng hoa “hoành tráng” hơn cắm thêm hoa ly, hoa lay-ơn, hoa hồng Đà Lạt thì giá tiền xêm xêm từ 3-5 triệu đồng. Lãng hoa càng cao, càng bụi, trang trí hoa ngoại, hoa nội đắt tiền thì càng thể hiện rõ sự “hãnh tiến”, sự thân thích và... chịu chi của người gửi tặng.

Có công ty nọ tổ chức một buổi lễ chúc mừng ông giám đốc vừa được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý. Khách mời đi xe biển xanh, biển đỏ, biển trắng đậu chật kín sân của một nhà hàng sang trọng nhất thành phố Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai). Hàng trăm lãng hoa lớn nhỏ, cao thấp, đủ kiểu, đủ màu xếp chen kín dọc hai bên đường, kéo dài từ ngoài cổng nhà hàng vô tận hội trường. Chưa kể, trước và trên sân khấu hội trường thì hàng chục lãng hoa to nhất, đẹp nhất và dĩ nhiên cũng đắt tiền nhất của các vị lãnh đạo cấp tỉnh, cấp bộ đặt vị trí trang trọng thu hút mọi ánh nhìn của khách tham dự. Hai anh nhân viên của công ty phải đổ mồ hôi hột đi kiểm đếm và ghi lại thông tin tên tuổi, địa chỉ trên lãng hoa.

Dù buổi tiệc dài giữa trưa sau đó sắp tan mà vẫn còn có người mang lãng hoa đến chúc mừng. Không còn chỗ sắp xếp nữa, mấy anh nhân viên công ty đành bỏ xó một góc. Vài người chép miệng tiếc rẻ khi nhìn mấy lãng hoa tiền triệu đến muộn, không được trân trọng và... bỏ rơi ngoài nắng nên vài nhành hoa tươi mau chóng héo queo, rơi rụng lả tả.

Bảo vệ nhà hàng kể lại ngày hôm sau, người bên công ty đó phải huy động vài chục chuyến xe tải loại lớn mới chở hết hàng trăm lãng hoa về. Dàn hoa tươi ước giá hàng chục triệu đồng sau một ngày trưng bày cho “mát mặt” thì đã héo tàn, chỉ còn trơ trọi khung sắt thì chỉ có thể đem về “thanh lý” cho... ve chai.

Học cách người Nhật, tiết kiệm tiền hoa chúc mừng để làm từ thiện

Một người bạn của tôi làm việc cho một công ty vốn 100% của Nhật Bản trong KCN Amata (tỉnh Đồng Nai) cho biết trước khi tổ chức khánh thành hoạt động nhà máy thì dưới mỗi tấm thiệp mời có in rõ hàng chữ bằng 3 thứ tiếng Nhật, Anh và Việt: “*Quý khách hàng và đại biểu vui lòng không đem theo lãng hoa. Ban Tổng giám đốc miễn nhận. Cảm ơn!*”.

Ngày tổ chức lễ, nhân viên phòng hành chính của công ty chuẩn bị trước 4-5 lãng hoa nhỏ để trang trí khu vực làm lễ cho không gian có thêm màu sắc và long trọng. Nhiều vị khách Việt Nam rất bất ngờ khi biết ông chủ tịch Hội đồng quản trị của Tập đoàn từ bên Nhật bay qua Việt Nam tham dự chỉ mang theo một bình hoa Osaka, làm giả bằng chất liệu vải. Càng cảm kích hơn tấm lòng của ông chủ tịch tập đoàn tuyên bố ủng hộ 1.000USD ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc màu da cam của tỉnh.

Sau buổi lễ, bình hoa vải này được nhân viên đem chưng trang trọng trong văn phòng làm việc, suốt cả tháng mà hoa còn... đẹp chán!

Tôi chợt nhớ đến bài viết “**Chuyện về 27 lãng hoa**” của nhà báo Quốc Phong, đăng trên báo *Thanh Niên* số ra ngày 25/4/2005 có đề cập câu chuyện nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải đến dự lễ khởi công Khu công nghiệp Việt Hưng (tỉnh Quảng Ninh) do chủ đầu tư là Công ty Xây dựng công trình 507 (thuộc CIENCO 5 - Bộ Giao thông Vận tải). Trước khi phát biểu, có lẽ nguyên Thủ tướng đã nhầm đếm tại lễ khởi công số lãng hoa gửi đến chúc mừng nên ông tâm sự nhẹ nhàng với các vị lãnh đạo ngồi xung quanh: “*Tôi nói ra điều này chắc các đồng chí cũng không vui nhưng tôi phải nhắc, tôi đã đếm được cả thầy có 27 lãng hoa chúc mừng, rồi trên ngực mỗi đại biểu lại gắn hoa, chắc cũng độ vài ngàn một chiếc, như vậy là lãng phí, nếu không tiết kiệm từ những chuyện nhỏ ấy thì làm sao đất nước tiến nhanh, tiến mạnh được. Tôi nhắc chung để các đồng chí, các ngành, các địa phương lưu ý cho, lần sau mà tôi có đến dự, nếu thấy nhiều lãng hoa như thế, tôi sẽ quay về luôn không dự đâu đó!*”.

Chuyện 27 lãng hoa của khách Công ty CIENCO 5 mang đến chung vui chưa phải là con số gì to tát. Song, lời nhắc nhở nhẹ nhàng của vị lãnh đạo chính phủ thì vô cùng thấm thía mà có biết ai chịu lắng nghe và cầu thị gì đâu?

Vậy đó, sự lãng phí lãng hoa như thế vẫn đã, đang và sẽ còn tràn lan khắp nơi. ■



Qua út rỗng không thể bổ ba

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Hơn ba mươi năm trước đây, khi kinh tế nước nhà còn đầy khó khăn, mẹ tôi là một thiếu phụ đơn độc một mình nuôi hai con nhỏ. Tôi được nghe kể lại rằng vào lúc mẹ đang mang thai em út thì cha đã nở phụ phàng, bỏ rơi mẹ và tôi, cùng cô nhân tình xinh đẹp bỏ xứ đi bắt âm vô tín.

Mẹ ở lại, lặng lẽ vượt qua bao đau đớn của những thị phi và cái đói nghèo đeo đẳng, để nuôi tôi và sinh thêm em Cu còi cọc ốm tong teo như con mèo hoang thiếu dinh dưỡng. Mẹ rời quê nội, đưa chị em tôi về sống trong khu tập thể ngôi trường mẹ dạy học. Trường học nơi miền trung du sâu thẳm tận chân Trường Sơn một tỉnh nghèo miền Trung, vừa trải qua những năm tháng chiến tranh gay gắt nên đất đai đã bạc màu hoang phế, chỉ lác đác đó đây mấy xóm dân nghèo bám đất để sống. Lũ con trẻ chỉ được bữa cơm bữa sắn để tạm no cái bụng, đến trường học chữ cho tương lai xán lạn hơn.

Nhà có ba miệng ăn nhưng chỉ với mấy chục đồng bạc lương của giáo viên cấp 1, hàng tháng mẹ tôi đã phải tính toán đủ bề mới mua nổi mấy chục cân gạo mậu dịch và trang trải mọi nhu yếu phẩm hàng ngày. Mỗi bữa ăn, hầu như mẹ chỉ đun gạo nấu cơm rồi kiếm qua loa quả trứng do con gà mái hoa đẻ với nhúm rau xanh trên khoảnh đất nhỏ mẹ trồng ở góc trường. Thực đơn luôn là món trứng luộc và đĩa rau luộc chấm nước mắm hoặc xào với tí mỡ tỏi cho dậy hương thơm, hoặc bát canh rau không người lái (ngôn từ thời bao cấp chỉ món canh rau nấu suông không tôm thịt).

Vào mâm, mẹ luôn bổ quả trứng theo chiều dọc thành hai phần bằng nhau rồi gấp vào chén cho tôi và em Cu. Phần mẹ, bà chỉ gấp suông nhúm rau chấm vào bát nước mắm mậu dịch mặn chát vị muối đã dậy mùi thum thum. Nhiều lần như thế nên có lúc tôi buột miệng hỏi: "Sao mẹ không bổ quả trứng thành ba để mẹ có một phần?".

Mẹ dịu dàng bảo: "Con ăn phần trứng của con đi. Quả trứng không thể bổ làm ba được đâu con ạ. Hôm nào gà nhà mình đẻ nhiều hơn mẹ sẽ cùng ăn với hai con". Tôi ngây thơ tin lời mẹ rằng quả trứng không thể bổ làm ba, thoải mái cùng em ăn nửa quả trứng mẹ chia phần. Quả trứng mẹ luộc chỉ độ chín hồng đào. Bên ngoài ngò trắng chín tới kết tụ mang một màu trắng phau. Giữa tâm là ngò đỏ chỉ vừa chín tái, sền sệt màu đỏ thắm. Chỉ mới

nhìn đã gợi thèm ăn. Tôi luôn cắn từng miếng nhỏ xíu rồi ngậm nghe hương vị nó trong miệng, nhai thật chậm, thật chậm vì sợ hết mất. Còn em Cu thì gấp ngay miếng trứng đưa vào miệng nhai nhồm nhoàm, nuốt ực xuống bụng rồi đòi mẹ thêm miếng nữa. Mẹ luôn dỗ dành em cố ăn thêm nhúm rau để no bụng, rồi hôm sau mẹ lại luộc trứng thêm cho. Cu cậu luôn giãy nảy một lúc nhưng rồi cũng nghe lời mẹ ăn thêm miếng rau cho no bụng vì quả thực trên mâm cơm có còn gì nữa đâu mà chọn lựa? Quả trứng luộc là phần thức ăn bổ dưỡng nhất trong bữa cơm nhà giáo nghèo mà mẹ đã dành cho chị em tôi một thời thơ ấu.

Thời gian lặng lẽ trôi qua ngày này tháng nọ, do nhà chỉ nuôi hai con gà mái hoa thả rong nhặt nhạnh thức ăn trong vườn nên làm sao có nhiều trứng được? Vì thế cả quãng đời thơ ấu, tôi chưa bao giờ nhìn thấy mẹ ăn trứng luộc bao giờ.

Rồi một hôm, khi tôi đủ trí khôn, đến nhà bạn học chơi, trong bữa cơm gia đình ấy, tôi đã nhìn thấy một quả trứng có thể bổ thành nhiều miếng nhỏ... Tôi chạy vội về nhà nói cho mẹ biết phát hiện của mình thì cùng lúc ấy mẹ đã đột quỵ, được mấy cô chú trong khu tập thể đưa đi cấp cứu. Hóa ra bấy lâu mẹ mang bệnh nhưng vẫn âm thầm giấu kín bệnh tật để nỗ lực nuôi chị em tôi.

Nghe tin xấu tôi chạy ngay vào trạm xá với mẹ. Khi bước chân vừa rón rén ở dãy hành lang, tôi thoáng nghe lời mẹ thều thào trong nước mắt cùng cô Duyên: "Tôi biết căn bệnh ung thư của mình không chữa chạy được. Chỉ mong sao cuộc sống của tôi kéo dài thêm năm ba năm cho hai con tôi khôn thêm tí nữa. Các cháu còn dại khờ quá mà chẳng lẽ chúng đã mất cha nay lại mất thêm mẹ trong cuộc sống này sao?".

Tôi thương mẹ quá, chạy về lục lọi chuồng gà tìm quả trứng để luộc cho mẹ ăn. Khi quả trứng luộc vừa đem đến thì mẹ đã không còn nữa. Hình hài mẹ nằm đó nhưng linh hồn mẹ đã bay lên trời cao. Cô Duyên dạy tôi nấu bát cơm trắng, úp nguyên quả trứng luộc lên, đặt trên đầu mẹ rồi thắp hương khấn vái. Đây là lần duy nhất và cũng là lần cuối cùng mẹ tôi được dành riêng một quả trứng. Quả trứng không bổ hai, bổ ba... mà để nguyên quả trên bát cơm trắng tiễn đưa linh hồn mẹ về cõi vĩnh hằng.

Mẹ ơi, giờ đây con hiểu vì sao quả trứng luộc nhà mình không thể bổ ba! ■

Những ngôi nhà mộc xa xăm

Nguồn: phunuonline.com.vn

NHỤY NGUYỄN

Ngôi nhà xưa của gia đình tôi gắn với một thời gian khó chỉ còn trong ký ức. Nhớ lắm những đêm thức trắng vì dột. Mấy anh em dùng thau hứng nước. Cha dùng nilông chằng trước nhất ở bàn thờ, rồi che trong phòng của mẹ. Mái nhà mộc đến nơi, sợ bụi ra không dám trèo lên, gồng ra xuân mới góp nhóp mua từng bó lá mía. Hồi ấy có quan niệm lợp nhà không vào mùa mưa mà vẫn gặp mưa thì gia cảnh sẽ phát. Lần gia đình tôi lợp gần đến nóc chột mưa rào, cũng gần chục năm sau một ngôi nhà gạch mới hiện hữu. Từng bao xi-măng, từng xe cát nhỏ được mua về, đóng từng viên gạch chống lên để đó, đợi có tiền lại tiếp tục như vậy vài năm mới đủ số gạch cho ngôi nhà ba gian. Bây giờ ngôi nhà đã xuống cấp, tôi về thấp hương cho cha thường nhìn lên mái nhà như một phản ứng ăn sâu trong tiềm thức xem có dột không. Mẹ một mình, ngôi nhà nay quá rộng. Tôi ước cởi bỏ được lợi danh nghề nghiệp, trở về sống bên mẹ. Ngôi nhà sẽ được thay thế, không phải biệt thự tầng cao mà đơn giản là mái nhà tranh vách đất, dọn mâm cơm ngồi đòan mà ăn, mà nhớ...

Thời nay người ta xây những tòa nhà chọc trời. Nhưng ngay cả tỉ phú vẫn sẽ ước ao được ở trong một ngôi nhà như ông cha ta ngày xưa đã làm. Nhớ sao cái vách đất ẩm cứng. Mùa hè bờ bãi sông rút nước, anh em tôi ra đào loại bùn vàng ươm dẻo quẹo, gồng gánh trải vai về cho vào nhăng trộn với rơm gặp nắng vàng

thay nhau dùng chân đạp nhuyễn rồi vắt lên những tấm phen đan bằng tre, vuốt phẳng. Loại phen này mát vào mùa hè, ấm vào mùa đông; vách bếp lâu ngày có chỗ ám lửa sắp chuyển thành gạch non. Vào Huế tôi vẫn tìm thấy một gian bếp hiếm hoi vách trét bằng lá dâm bụt dâm dẻo trộn với phân trâu. Vùng đất Quảng Nam xưa cũng có một loại vật liệu khác: họ giã vỏ cây bời lời trộn với một loại đất bùn đặc biệt rồi đổ khuôn đúc thành bờ-lô xây nhà.

Ngôi nhà mộc thuở xưa, tre là bộ sườn nên được quan tâm nhất. Tre đủ già phải ba năm trở lên. Mấy năm trước tôi xây một ngôi nhà cấp bốn ở An Tây (Huế), không đủ tiền mua bạc hà làm đòn lợp nên tính mua tre; gặp ông già trên bảy mươi khuyên chặt tre phải từ tháng Tám đến cuối năm. Thời gian đó tre dâm có măng, còn không dẫu cây tre già nhưng chúng dồn sức để măng nên yếu, chóng mối mọt. Chặt tre đủ tuổi, đúng thời điểm rồi, nhà có hồ nước họ sẽ "chôn" xuống đó; gần sông suối thì bó lại neo dưới mặt nước đến mùa sau. Họ ngâm tre có khi hai ba năm, vớt lên màu hơi sẫm, bóng như gỗ lim. Không có ao cũng chẳng gần sông suối, người kỹ tính sẽ khoan ở mỗi lóng một lỗ nhỏ rồi đổ nước muối vào để ngoài trời qua năm dạn dày mưa nắng. Từ kèo cột cho đến rui mè và nhiều thứ khác, một căn nhà "5 x 7" cũng tốn hết từ năm đến bảy mươi cây tre.

Chọn tre phải cần người sành sỏi, biết cây nào tra và thẳng; có khi ngắm thấy thẳng, đốn xuống thì cong!

Còn phải mưu mẹo chặt cho được cây tre nằm phía trong bụi, và dĩ nhiên phải khỏe để kéo nó khỏi bụi. Cưa tre cũng cần thận vô cùng. Cưa phải sắc. Ở các mắt tre, người ta dùng cưa riềng, loại cưa lưỡi vòm ôm lấy thân tre mà miết, vừa đẹp lại không bị xước. Quan trọng nhất là cây tre làm đòn dông: to, dài, thẳng và tra nhất, nếu da lên được màu vàng càng tốt. Tôi chưa thấy nhà ai trong làng đòn dông phải nổi bao giờ. Tre nếu chọn lựa và thực hành được những công đoạn như trên, qua một đời người mưa bão chưa dễ gì bể gãy.

Ngày xưa hàng rào toàn tre, hoặc ít cũng có mấy bụi lớn luân phiên năm nào cũng có tre già; ai làm nhà cũng cần xin thêm tre quanh xóm mới đủ. Ngày nay những bụi tre mất dần. Tre già càng hiếm. Điều kỳ nhất đối với một ngôi nhà là đòn dông hay rui mè bị một. Người ta quan niệm đó là điều không hay, nhưng trước hết ngôi dưới mái nhà nhiều bụi một tre như vậy thì sớm... bạc tóc.

Vật liệu cốt yếu thứ hai là tranh.

Tôi từng nhặt được một cuốn nhật ký của cô sinh viên người Quảng Trị, có đoạn: "Nhớ mẹ cứ hai giờ sáng là đi tranh, dỡ tôi ở nhà một mình, cho hai đồng xu hay là hai trăm đồng; tôi cũng rất sợ ma, nhưng cố gắng vì mấy đồng xu nên chấp nhận ở nhà lúc tinh sương như vậy. Lớn hơn một chút thì đi củi và đi tranh, bắt được một gánh rồi cuốc bộ mấy chục cây số, gập con dốc thẳng đứng, lên thở không kịp, đi xuống hai đầu gối run rẩy sắp quy, hàng chục con dốc như vậy mới về nhà. Muốn có một gánh tranh thì hôm nay bắt phải ra từng luống để phơi khô, nếu trời nắng thì ba ngày sau mới rũ từng nắm cho đến lúc được một gánh; đi từ hai giờ sáng cho đến chiều tối, gánh về đến nhà rồi phải chẻ hom đánh từng cái tranh gánh về chợ bán...".

Ở miền Tây người ta thường dùng lá dừa nước; quê tôi dùng lá mía, lá tro. Miền Trung trước rừng nhiều; rừng xa cuốc bộ một ngày, rừng gần khoảng nửa buổi. Tranh, chọn cây tra đến gốc lên màu tía, gốc rui lá tơ thân. Chặt tranh về gập nắng, rải ra phơi rồi bó lại dựng ngược giữa trời ba đêm, tức qua ba nắng ba sương, sau đó mới đánh tranh. Đủ lượng thì kê gộc cây mà chất tranh thành vòng tròn, che phủ lên chờ ngày lợp. Tranh lợp chuồng heo chuồng gà chỉ cần ba hom, dễ đánh; còn lợp nhà nhất thiết phải đánh năm hom, khó đánh song đẹp hơn. Đẹp, tất nhiên cũng phụ thuộc vào hom nũa; hom ấy phải chọn những cây nũa già, chẻ thật đều.

Thuở ấy nhà tôi lợp lá mía từ xa bên từng bó, đánh rồi chất lại, lúc gom đủ tre và những vật liệu khác, nhất là đủ tiền lo bữa cơm lợp nhà cho những người đến giúp mới tính đến lợp. Bởi vậy nhiều mùa mưa cha tôi phải dọi nhà bằng mo tre và mo cau, chỗ dột lớn quá thì chằng ni-lông trên các vật dụng, huy động thau hũ hứng nước. Nhiều đêm tiếng nước giọt xuống nối nhau lúc rả rích lúc dồn dập khiến lòng người trĩu nặng ưu tư. Hàng xóm của tôi có một vườn tro thên thanh, ông này là một người làm vườn thâm niên. Lá tro loại già, ông chặt rồi xếp vào cái

nhăng tròn lớn, ngâm nước vôi qua mùa mới lấy ra làm tranh. Mái lợp tro đẹp và bền hơn tranh lá mía. Nhà ông cũng nghèo như gia đình tôi, vẫn phen đất; nền được lèn bằng đất bùn, lâu ngày lì và cứng, lảng lẩy mát rượi. Một ngôi nhà như vậy có đặt giữa sa mạc thiết nghĩ con người cũng dễ sống hơn là trong những khối bê-tông chật chội ở những thành phố lớn như bây giờ.

Ngôi nhà của gia đình xưa, tôi đã hai lần tham gia mua tranh, đánh tranh, phụ lợp. Dây dùng buộc tranh vào mèn được chẻ từ giang. Nhớ nhất lần nhà thay mái tranh, bởi nó vui. Tranh được cha tôi đánh lai rai từng đợt, chất lên hai khúc gỗ từng chồng cao. Ngày dỡ mái cha mời hai thợ lợp trong xóm, rồi mượn thêm những người phụ; con nít rất thích tham gia, có đứa còn xin cha mẹ được nghỉ buổi học để đến giúp. Nếu lợp ngôi cần nhiều người chuyển vật liệu, lợp tranh ít hơn. Có người quen tay đã dễ dàng cầm vài tấm tranh một lia lên đến đúng tay người nhận ngồi trên mái. Có những người thợ "ăn cơm lợp tranh đến mòn răng", họ lợp bằng thẩn từng dãy, nốt buộc chặt và đẹp, ngồi trong nhà uống nước ngon hay hút thuốc缭绕 ngược lên phả khói chỉ biết khen chứ không tìm ra lỗi. Lát giang phơi kỹ nắng bền bỉ đến lúc tranh mòn còn cái cội mới thôi. Ở Huế, ông bạn vong niên của tôi bảo tại nhiều ngôi làng họ vẫn dùng tre. Loại tre mọc nghiêng (hoặc bị gió xô nghiêng) một thời gian lâu lóng sẽ dài, dẻo hơn cây mọc đứng. Hạ tre, cưa ra từng khúc ngắn, chẻ thành lát rồi bó lại ngâm nước muối. Dai và bền.

Mây là vật liệu tiếp theo để có một ngôi nhà chắc bền. Mây rừng. Chọn cây già đến trụi lá, trơ đoạn thân dưới trắng hồng. Có loại mây trắng chỉ lớn bằng ngón tay út, sống lâu có khi vươn dài hàng trăm mét. Loại mây như vậy thường chỉ cần phơi là buộc được, thiết yếu là người chẻ phải quen tay. Dao sắc, chẻ đều từ đầu chí cuối dây, không xước không lẹm. Người rành nghề buộc dây kèo chắc nụi, vừa đều sít, sau nốt còn cuốn chỗ dây thừa thành hình tổ ong, dặt mũi giấu khéo. Những bộ phận ở mái được liên kết với nhau bằng chạc mây bện hình con rít rất đẹp mắt.

Đạo lên Tây Nguyên, tôi mê man những ngôi nhà của người dân tộc anh em. Kết cấu nhà dài nom khá đơn giản theo hình chữ A, trông qua rất dễ bị kéo nghiêng. Dây cột hai bên, phía trên mỗi cột đứng đều gác một cột ngang tương đương, được chốt kỹ níu vào nhau rất chặt, gió bão khó xiêu vẹo. Mái nhà rất dài, ghép vào nhau từ nóc choãi dần ra, có ngôi dài xuống gần mặt đất. Mái xem như thay phen, tường, cách sàn khoảng hơn mét thì dựng ván gỗ. Từ xưa đồng bào sống ở rừng nhiều cây cối, mưa dầm, nên mái nhà kéo dài đến gần sàn và được lợp rất đứng, sẽ tránh mưa xiên và lá rụng làm mục tranh. Những ngôi nhà sàn ở Tây Bắc đầy gió cũng mang lại cho người xa lạ như tôi một lần đến không thể nguôi quên, ở đấy rung rinh bàn chân nhảy sạp, những đôi tay bồng bênh giữa sương mù ngan ngát hoa ban và cỏ dại. ■



Cha!

TRẦN KIÊM HẠ

Quê hân ở vùng trung du xứ Nghệ, nơi mà thời tiết chỉ có hai mùa mưa và nắng. Mùa mưa thì mưa tầm tã, khí lạnh từ phương Bắc tràn về gặp rừng trũng giữ lại làm đồi núi cứ âm u rét mướt. Mùa nắng, gió Tây nam từ Lào thổi sang, nóng rần rạt như muốn thiêu đốt hết vạn vật. Dân trong làng hân dẫu có quanh năm đầu tắt mặt tối cũng chỉ đủ ăn là cùng. Ai muốn đổi đời thì lên rừng tìm vàng, trầm, đá quý; hoặc qua Lào gửi thuê thuốc phiện; hoặc quyết chí đèn sách...

Để có tiền cho anh em hân cấp sách đến trường, cha mẹ hân gian truân bội phần. Con đường vào rừng săn lùng sản vật như mật ong, các loài nấm, dược thảo quý... của người cha cứ thế càng sâu hun hút theo các cấp học 1,2,3... của anh em hân. Đỉnh điểm của sự gian lao đó là ngày hân vào TP.HCM học trường Luật; rồi hai năm sau, em gái hân cũng vào chốn phồn đô ấy quyết lấy mảnh bằng ở trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn. Lúc ấy cha hân thường trầm mình trong rừng sâu, làm việc dưới cái rét mướt và chướng khí cả tháng trời mới trở về nhà.

Ra trường, hân tiếp tục tham gia lớp đào tạo phóng viên của một tờ báo có tên tuổi. Và chẳng bao lâu đã trở thành phóng viên "cứng" cho tờ báo đó. Ngày đầu tiên có bài đăng báo, hân gửi về cho cha mẹ ở quê nhà đọc. Cha hân sung sướng đến rơi nước mắt, ông phần

khởi cầm đi khoe khắp xóm núi. Từ đó hân cố gắng viết thật nhiều để có tiền thay cha mẹ nuôi đứa em gái đang ngồi giảng đường. Hai năm sau em gái hân ra trường. Đất lành chim đậu. Em hân cũng được tuyển vào làm nhân viên morasse (sửa chính tả) cho tờ báo nơi hân đang phục vụ.

Ngày anh em hân ra trường, có việc làm, gánh nặng đè trên vai cha mẹ hân đã được trút. Lòng dạ họ nhẹ bưng. Nợ nần cũng được hai con gởi tiền về lần hồi trả hết. Những chén cơm không độn khoai độn sắn bắt đầu xuất hiện trong bữa ăn của cha mẹ hân. Những tưởng rằng đã qua cơn bĩ cực, nào ngờ cha hân... đổ bệnh. Hân về quê, nài nỉ mãi ông mới chịu vào thành phố chạy chữa. Những ngày cha hân nằm viện, bạn bè, đồng nghiệp của hai anh em hân tới thăm nhiều lắm. Thấy con mình đã trưởng thành, sống trong vòng tay thân ái bạn bè, ông vui nghỉ nếu mình có mệnh hệ gì thì cũng yên lòng nhắm mắt. Tuy nhiên, đã lâu không được đọc những bài viết của hân ông thấy buồn. Mỗi sáng, ông nhờ người nuôi bệnh nhân nằm giường bên cạnh mua cho một tờ báo có con mình đang công tác. Việc đầu tiên là ông lật nhanh từng trang tìm tên tác giả, rồi buồn. Biết tâm tư cha, hân giải bày: "*Cha, con nỗ* viết được chỉ khi cha đang còn đau ốm. Đợi cha khỏi bệnh rồi con sẽ viết thật nhiều, lúc đó cha đọc nhiều có mỗi mắt đừng trách con ghen!*". Ông nào đâu biết rằng

trước đó nghe cha bệnh nặng, lòng dạ hẩn để đầu đầu. Tâm phân tán dẫn đến tư duy thiếu sâu sắc, khiến những bài phóng sự hẩn viết không thấu đáo, thiếu chứng cứ. Bài không được đăng, hoặc vừa đăng lên đã bị kiện tụng. Uy tín tờ báo bị giảm sút, vậy là hẩn bị treo bút...

Tuy nhiên để cho cha vui, hẩn thổ lộ điều này với tòa soạn và xin đi tác nghiệp. Hôm ấy đang dự phiên tòa khá xa bệnh viện cha hẩn nằm, hẩn nhận được điện thoại của người tài xế tòa soạn: *"Ba giờ chiều nay Ban Biên tập sẽ vô bệnh viện thăm ba em đó"*. Hẩn nghe mà mừng rơn, cảm động lắm. Không những giúp cho tâm tư cha mình vui, mà còn có cơ hội giải bày sự đánh giá sai lệch về hẩn của lãnh đạo trước đây. Hẩn bỏ dở phiên tòa, khắp khởi cỡi xe về bệnh viện. Cha hẩn nghe vậy cũng mừng, cơn đau đang hành hạ bỗng ngưng... lắng dịu. Ông bảo con giặt khăn lau người cho cha. Sau đó, ông thay bộ áo quần mới và chải tóc gọn gàng rồi ngồi chờ đợi. Đúng giờ, người tài xế ấy lại gọi cho hẩn: *"Xin lỗi em, anh nhầm rồi. Họ bảo anh chuẩn bị xe chở Ban Biên tập vào Bệnh viện Bình Dân thăm người bệnh. Cơ quan mình thời điểm này anh nhận thấy ở Bệnh viện Bình Dân chỉ có ba em nằm viện thôi... Ai ngờ bệnh nhân là mẹ vợ của một quan chức thành phố!"*. Giọng hẩn trầm hại: *"Gay cho em rồi anh ơi, ngày mai cha em lên bàn mổ, nãy giờ ông phẩn chấn lắm!"*. Người tài xế nghe vậy thì nói: *"Thôi thế này nhé, tối nay anh sẽ chọn vài người bạn bụng phê phê một tí, đóng vai lãnh đạo vào thăm ba em được không?"*. Việc chẳng đáng dừng, hẩn đành đồng ý. Tối ấy, khi ban "lãnh đạo" ra về, cha hẩn vui vẻ nói: *"Giờ thì cha yên tâm rồi, cái ông Tổng Biên tập vui tính, bình dân mà trí tuệ quá, chuyện chi cũng biết. Được làm việc với người tình cảm như vậy thì còn gì bằng, con phải cố gắng lên ghen..."*.

Hôm sau, hai anh em hẩn ngồi bên ngoài phòng mổ lặng lẽ đếm từng giây trôi qua. Bỗng cửa phòng mổ mở, vị bác sĩ phụ trách bước ra trao đổi với hẩn: *"Ruột gan bệnh nhân bị u nắn hết rồi, giờ lắm sống thêm ba tháng nữa là cùng. Chúng tôi quyết định không đụng dao kéo tiếp mà đóng ổ bụng bệnh nhân lại..."*. Nghe thế hẩn rụng rời. Em gái hẩn thì xỉu ngay tại chỗ.

Ba tháng là quãng thời gian quá ngắn để hai anh em hẩn thể hiện lòng hiếu thảo với một người cha suốt đời tận tụy vì mình. Cả hai quyết định tạm nghỉ việc, theo cha về quê sống nốt quãng đời còn lại của cha. Nhưng ông cương quyết nói: *"Bệnh cha đã được giải quyết rồi, mình mẹ bây giờ đưa cha về là được. Về nhà an dưỡng, thuốc thang đầy đủ là hồi phục thôi mà. Hai đứa phải ở lại làm việc, thằng H. nhớ viết và gửi báo về cho cha đọc như đã hứa nghe"*.

Để có mặt kịp thời bên cha những giây phút cần thiết, hằng ngày đúng giờ là hai anh em hẩn điện về nhà hỏi thăm sức khỏe cha mẹ. Ngạc nhiên là đã ba tháng trôi qua mà giọng cha vẫn oang oang: *"Ừ, cha*

khỏe. Nè H. liệu ông Nén trong vụ án Vườn Điều có bị oan không con? Là người làm báo, tâm phải luôn trong sáng và luôn bảo vệ lẽ phải nghe chưa...". Hai anh em hẩn nghe vậy mừng lắm. Biết đâu, nhờ sống thoải mái, tin chắc bệnh mình đã được "giải quyết" mà cha hẩn khỏi bệnh thật cũng nên! Hẩn tranh thủ tác nghiệp để có nhiều nhuận bút, em gái hẩn ngoài giờ làm việc cũng tranh thủ dạy thêm kiếm tiền gửi về cho cha mua thuốc tốt. Tuy nhiên mấy tháng sau, giọng mẹ hẩn hốt hoảng qua điện thoại: *"Các con ơi, về mau, cha con hôn mê rồi!"*. Hẩn lạc cả giọng: *"Là sao hở mẹ? Mới hôm qua giọng cha vẫn khỏe mà..."*.

Về đến nhà anh em hẩn mới biết, cha đã tỏ tường về căn bệnh của mình. Và từ ngày về quê lúc nào ông cũng đau quần quai nhưng không hề rên la một lời. Tiền các con gửi về bao nhiêu ông đều bảo vợ giữ lại cho chúng. Liều thuốc giảm đau duy nhất của ông là những bài báo hẩn gửi về. Ông cấm vợ không được nói những điều ấy cho các con biết mà chúng lo lắng tội nghiệp. Mỗi chiều điện thoại reo là ông giành bắt máy, cẩn rắng chịu đựng cơn đau đang hành hạ, và giả giọng nói với con rõ ràng từng tiếng. Thấy người cha gầy trơ xương nằm bất động bên cạnh là đồng báo xếp ngay ngắn, hai anh em hẩn cùng lao tới ôm chầm lấy cha và đồng thanh cất lên một tiếng thống thiết: *"Cha!"*. ■





Thư viết cho mẹ

ELENA PUCILLO TRUONG
TRƯƠNG VĂN DÂN dịch

Mẹ thương yêu,
Con thường nghĩ về mẹ nhưng trước đây con chưa viết được gì cho mẹ. Con muốn kể cho mẹ nghe rất nhiều điều, tất cả những gì đã xảy ra với con, về cuộc đời mà con đang sống, dù đôi khi con có cảm giác là mẹ đã biết tất cả rồi. Mẹ luôn có một thứ giác quan thứ sáu, một thứ trực giác bén nhạy để linh cảm về những điều sắp sửa xảy ra. Chỉ tiếc là những linh cảm ấy không giúp mẹ tránh khỏi những khổ đau. Và trong đời, mẹ đã đau khổ biết bao!

Ngay từ lúc còn bé, một cơn sưng màng não đột phát trong vài giờ đã cướp đi người em gái, và sau đó, vì quá đau đớn bà ngoại cũng ra đi.

Kể từ ngày đó mẹ luôn luôn mang theo cái bóp đầm trong đó có hai bức hình đen trắng.

Từ nhiều năm nay trong chiếc ví của con cũng có bức hình trắng đen của mẹ: khuôn mặt mẹ thật đẹp nằm giữa những lọn tóc gợn sóng, hai mắt to màu đen và nụ cười chớm nở trên môi. Lúc đó mẹ chỉ vừa 19 tuổi, trước khi lập gia đình với người yêu và cũng là mối

tình đầu và duy nhất của mình. Suốt một đời mẹ chỉ muốn tận tình chăm sóc chồng, thế mà sau ngày cưới chẳng bao lâu, người chồng đã bắt đầu làm khổ mẹ. Niềm an ủi duy nhất của mẹ chính là những đứa con: anh trai và con, đứa con gái mà mẹ muốn giữ, chống lại ước muốn của chồng. Tám năm sau lần sinh nở đầu tiên, chính mẹ đã quyết liệt chống đối để con có thể tiếp tục lớn lên trong bụng mẹ. Thật là khó khăn vì ba muốn mẹ phải phá thai để khỏi bị ràng buộc, nhưng mẹ nhất định không. Mẹ muốn giữ con, và biết chắc là sẽ sinh con gái. Mẹ đã nhiều lần kể lại cho con nghe là ba đã giận dữ như thế nào: Nếu phải có con, ba chỉ muốn tất cả đều phải là trai!

Thế nhưng, rất nhiều năm về sau, chính ba đã lớn tiếng tuyên bố rằng người duy nhất mà ba có thể trông cậy và tin tưởng là con, đứa con gái của ba mà trước đây ông muốn bỏ đi!

Thỉnh thoảng con cũng có nghĩ về ba, nhưng trong những giấc mơ, con chỉ mơ thấy mẹ.

Trong những giấc mơ ấy con luôn luôn mơ thấy ngôi nhà mình từng sống. Dường như có lần con từ

trường đại học trở về và thấy mẹ đang ngồi cạnh cửa sổ, đôi mắt kính xệ xuống sống mũi, cúi đầu cặm cùi khâu lại ống quần hay kết lại viền khăn trải bàn bị đứt chỉ. Những lần khác con nhìn thấy mẹ đang làm nước sốt cho món mì đứt lò. Bao nhiêu lần con đã phụ mẹ để nấu những món mà gia đình thích, thường là ngày Chủ nhật vì những ngày khác ba đi làm còn mẹ cũng đi dạy nên có ít thời gian. Nhắc lại, con như nghe trên đầu lưỡi của mình mùi vị thơm ngon của thứ nước sốt rất đặc biệt đó.

Trong các giấc mơ khác con cũng nhìn thấy mẹ, mà là những lúc thật buồn, thật đau khổ, rồi con thức giấc như vừa tỉnh một cơn ác mộng và lòng sầu đau khôn tả. Phải cần vài giây sau con mới định thần được rồi lòng chợt thấy vui vì con được ở gần bên mẹ. Dù chỉ trong một giấc mơ.

Mẹ ơi, trong những ngày cuối, chao ôi, con thấy mẹ dịu ngọt và mỏng mảnh làm sao! Con biết không phải mẹ khóc vì mình sẽ lìa bỏ cõi đời mà khóc cho những đứa con mà mẹ phải rời xa. Đó không phải là ý muốn của mẹ, mà là do cái khối u tàn nhẫn đang lớn dần bên trong và từng ngày cướp đi sức sống.

Sau khi mẹ mất, con luôn giữ những tấm hình của mẹ, lần này là hình màu, trong ảnh mẹ tươi cười và hình như không có nhiều lo âu. Có lẽ chỉ có một chút màu đen nơi vành mắt là dấu vết của nỗi buồn vì cô độc. Mẹ quá cô độc, nhưng có lẽ tất cả mấy mẹ con mình đều cô độc. Cho đến tận bây giờ con vẫn còn nhớ cái cảm giác bị ruồng bỏ, bị bỏ rơi. Suốt buổi tối cả nhà ngồi quây quần quanh chiếc bàn cơm đã dọn sẵn, im lặng đợi chờ. Nhưng ba con đã không về trong đêm đó. Và sau đó thì không bao giờ về nữa.

Con không bao giờ muốn nghĩ về những ngày tháng ấy. Ngược lại, con muốn nghĩ rằng giờ này mẹ đang bình an, không còn đau đớn và cuối cùng thanh thản ở một cõi giới khác.

Bây giờ thì con xin báo cho mẹ biết là trong những ngày tới, mẹ sẽ có một cuộc gặp gỡ quan trọng. Đến gặp mẹ là một người đàn bà mà mẹ đã từng gặp rất nhiều năm trước: mẹ của chồng con. Con tin chắc rằng hai người sẽ trở thành bạn, sẽ kể cho nhau nghe nhiều rất chuyện, về những cuộc đời ở mãi tận phía bên kia trái đất. Bà ta hay cười và thích nói đùa. Đây là điều mà con đang tưởng tượng: hai người ngồi bên nhau như thể là hai người bạn lâu năm, vui đùa, cười nói. Mẹ chồng của con sẽ nói về Việt Nam, sẽ giải thích về lễ Vu-lan, một ngày lễ Phật giáo rất đặc biệt dành cho các bà mẹ vì họ giữ một vai trò quan trọng trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

Ngày lễ đó cũng là một cơ hội để các con có thể nói lên tình yêu thương và thể hiện lòng hiếu thảo với mẹ, người đã chịu đựng biết bao đau đớn để sinh con, nuôi dưỡng và dạy dỗ chúng nên người. Bao nhiêu khó khăn thường nhật mà người mẹ phải vượt qua, kiên

nhẫn, hy sinh và xem nhẹ những đớn đau hiện tại để nuôi hy vọng về một tương lai tốt đẹp.

Mẹ biết không? Sau khi mẹ mất, hằng năm vào lễ Vu-lan con thường đi đến chùa để thắp nhang và cầu nguyện. Lần nào trước cửa thiền con cũng được chào đón bởi các em học sinh, để gây quỹ giúp chùa hay để làm từ thiện, họ gắn lên áo quan khách những chiếc bông hồng làm bằng vải hay bằng giấy lụa: Bông hồng màu đỏ tượng trưng cho những ai còn mẹ và màu trắng cho những ai có mẹ đã qua đời. Nhờ màu của những hoa hồng trên áo nên mọi người dễ dàng nhận biết ai là kẻ may mắn còn mẹ để chúc mừng, ai là người không còn mẹ để chia buồn với họ.

Ngày hôm đó con có bỏ một ít tiền vào chiếc hộp giấy mà các em mang theo và yêu cầu họ gắn lên áo mình một bông hồng màu trắng và một bông hồng màu đỏ. Cô bé học trò, đã ngạc nhiên khi nhìn thấy một người ngoại quốc đi chùa, nói chút ít tiếng Việt, và lại có yêu cầu khác thường nên hơi bối rối. Con vội giải thích với cô ta rằng chiếc hoa hồng màu trắng là cho mẹ ruột của cô, còn hoa hồng màu đỏ là dành cho mẹ của chồng cô, mà cô xem là bà mẹ thứ hai. Ý nghĩ này đến với con thật tự nhiên, vì bà mẹ chồng gầy gò nhưng tính cách rất mạnh mẽ kia luôn quan tâm đến con; còn đứa con dâu ngoại quốc, có dáng vẻ bên ngoài có lẽ rất khác với những gì bà chờ đợi, nhưng luôn dành cho bà một tình thương và lòng kính mến như chính là con gái. Kính mến và yêu thương thật sự, đến nỗi con thường tránh chữ *mẹ chồng* (vì những ý nghĩa mà thông thường người ta hay đem ra chế giễu); có khi con xem gọi thể là một sự xúc phạm. Mẹ. Là mẹ, thế thôi.

Con không thể nào quên được là sau ngày mẹ mất, *người mẹ thứ hai* của con đã đem hình của mẹ đặt lên bàn thờ của gia đình và in ra nhiều tấm để gửi đến rất nhiều chùa để cầu nguyện. Đối với con, đó là một cử chỉ thân thương có nhiều ý nghĩa mà không lời lẽ nào nói lên được. Mẹ biết không, cho đến hôm nay trong các chùa từ Sài Gòn đến tận miền quê xa như Tây Sơn, Bình Định, mỗi lần tụng kinh các sư thầy đều có cầu nguyện cho mẹ.

* * *

Bây giờ thì mẹ và mẹ của chồng con đang ở bên nhau và ý nghĩ là cả hai đều bình yên đã cho con rất nhiều an ủi. Con sẽ luôn nghĩ đến hai người mẹ; và mùa Vu-lan này, giữa các nghi thức cúng kiếng, con muốn được đốt một chiếc điện thoại di động bằng giấy theo truyền thống của người Việt Nam để có thể nghe được giọng nói thân thương của mẹ.

Và bắt đầu từ nay, các em bé sẽ gắn lên trên ngực áo của con hai bông hồng trắng.

Con ôm hôn mẹ, thật mạnh.

Con gái của mẹ! ■

(Nguyên tác tiếng Ý: *Lettera Alla Madre*)



Bài ca Vu-lan

TK.VY - TIỂU

Có một bài ca mềm ngọt,
Theo chân con suốt một đời,
Dễ dàng khi con muốn khóc,
Nghe thương nghe nhớ đầy vui.

Âm điệu bài ca Vu-lan,
Hơi sương tháng Bảy mãi còn,
Lời ru ân tình về Mẹ,
Dặm dài theo suốt đời con.

Bài ca Vu-lan vút cao,
Thấp tình cháy suốt trắng sao,
Hiếu kinh từng trang con uống,
Ấm êm tình mẹ ngọt ngào.

Bài ca Vu-lan con hát,
Nghẹn ngào hoa trắng vương vương,
Tim rung theo từng nốt nhạc,
Thấy Mẹ về trong yêu thương.

Thâm tạ bài ca hiếu hạnh,
Cho con thấy bóng mẫu từ,
Sưởi ấm hồn con giá lạnh,
Mẹ hiền ảu dấu vô dư.

Vu-lan hiếu hạnh Đạo ca,
Nương dấu ân đức Phật-đà,
Cứu vớt hương hồn của mẹ,
Niết-bàn cõi Phật không xa.

Vai mẹ gầy

TRƯỜNG KHÁNH

Gió lay vai mẹ hao gầy,
Phiếm buồn giăng lờl đong đầy tháng năm,
Soi gương thấy những vết hằn,
Thời gian bôi xóa hao nhẵn mấy mùa.

Vai gầy mẹ gánh nắng mưa,
Qua bao truông ải canh thừa, hoàng hôn,
Oằn lưng kiếp sống mất còn,
Chịu sương chịu nắng mõi mòn vai nghiêng.

Lao lung chân bước mọi miền,
Tóc mây xưa - hóa tóc tiên lúc nào!/?
Con về nhật góp trăng sao,
Hong khô lệ ướt - bạc màu thời gian.

Xa nghe mẹ hát hò khoan,
Tháng năm như hiện sau làn da nhẵn,
Nghiêng vai mẹ gánh nợ nần,
Thời gian bôi xóa mòn thân phận người.

Hoa xuyên chi

NGUYỄN CÁT CHUYỀN

Hoa xuyên chi nhỏ nhỏ dễ thương
Vô tư lặng lẽ mọc ven đường
Mấy ai biết đến loài hoa dại
Xao xuyên chi rồi để vẩn vương

Rút ruột đất trời
Rưng rức gọi gió sương
Hồn nhiên xanh và hồn nhiên chờ đợi
Phận mỏng manh vẫn ủ mầm sống mới
Cánh trắng nhụy vàng khoe sắc với ban mai

Kỷ niệm xưa...
Một thời còn vụng dại
Ngày chia xa chưa dám chạm bờ vai
Chỉ tặng nhau chùm xuyên chi đồng nội
Mà băng khuâng nhớ suốt tháng năm dài

Hương lòng ơi
Ký ức mùa nhìn lại
Hoa xuyên chi vẫn thấp lửa yêu thương
Anh có biết hồn quê mình thơm thảo
Một loài hoa dung dị... cũng đưa hương.

Nếp nhăn

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Nhìn lên bầu trời rộng
Ta chỉ là cánh chim
Hay một làn khói nhạt
Chết đuối dưới sông chìm

Ta nổi trôi trên sóng
Vùi dập giữa sông đời
Vẫn biết mình quần quai
Sóng chỉ là nước trôi...

Ngậm câu thơ cháy bỏng
Ta hát câu sông dài
Nước trôi sông về biển
Ta trôi vào đất đai...

Nhìn hạt mưa ta biết
Mưa lã vào rừng cây
Ta lã vào nguồn mạch
Tổ quốc ta vun đầy...

Vẫn biết trôi về biển
Hạt phù sa nhọc nhằn
Sông đôi bờ ở lại
Hóa thành bao nếp nhăn...

Ca dao cho cuộc đời

TRẦN NGỌC MỸ

Nếu là cơn gió giữa trời
Tôi xin êm nhẹ ru đời gió mây
Nâng niu từng nhánh cỏ cây
Ngọt màu xanh tốt, vui bày chim ca

*

Nếu là nắng toả mái nhà
Tôi xin nồng ấm, mặn mà hạt vương
Bình minh rạng rỡ phố phường
Thiết tha yêu sống
Dặm trường tôi đi...

*

Nếu là cánh nhỏ thiên di
Tung tăng bay lượn, nhâm nhi mây hồng
Băng qua ngàn vạn cánh đồng
Gập ghềnh đời núi vẫn bênh bồng tôi.

*

Nhưng vì chỉ là tôi thôi
Ngây ngô một bóng nổi trôi dòng đời
Bút nghiêng chỉ biết viết lời
Tin yêu cuộc sống
Cho người
Cho tôi...

Giếng quê

PHẠM ÁNH

Gáo dừa mỗi gáo một hơi
Giếng quê tôi uống mấy đời vẫn trong
Như khúc nôi mãi ngọt lòng
Tự ngàn xưa đến vô cùng mai sau.

Trăng ngân giếng ngọc dãi dầu
Bên thềm ngả bóng cau trầu lặng soi
Tổ tiên còn mãi trong tôi
Mạch ngầm của đất nuôi người chân quê.

Đi đâu lòng cũng muốn về
Để thương nắng sớm để mê trời chiều
Giếng sâu giếng cạn bao nhiêu
Đã trong tận đáy thương yêu tận lòng.





Bên dòng sông Mẹ

TRẦN BĂNG KHUÊ

1 Một khúc sông trầm đục, khuất sau con đường hẻm trong thành phố. Bên cạnh là quán Trúc Viên, thỉnh thoảng gió mùa hè lùa qua mát lịm. Con nước lặng lẽ, hiền như cỏ cây. Bà Mẹ thông thả đưa cái vớt bé xíu khoảng xuống nước. Mặt sông lững lờ lăn tăn gợn nhẹ. Vài con cá nhỏ mắc vào lưới. Đờ cá có giống đờ người? Bà Mẹ có thể không nghĩ ra được. Bà chỉ lặng lẽ làm công việc quen thuộc hàng ngày của mình để mưu sinh.

Thế giới bao la, rộng lớn chừng nào chưa biết. Với bà, khúc sông này là cả thế giới. Mắt bà kèm nhèm. Tóc trên đầu đã bạc mười phần. Cái vớt đưa qua đưa lại, không chọn lựa. May là khúc sông này cạn, sát bờ. Những con cá to khôn ngoan trốn biệt dưới sâu. Cá bé dại khờ. Mắt lưới trên cái vớt của bà đã cũ, vẫn có vài chú cá nhỏ đi lạc. Chẳng ai biết bà tên gì. Con sông này thì có tên làng hoàng. Người quanh đó, lấy tên sông đặt cho bà. Nhân gian lúc nào cũng bao la, ngời ngời. Đờ người thì không.

2 Ngày nào, đứa lớn cũng dắt đứa bé ra cái bậc tam cấp người ta xây ở góc sông Mè. Chúng chẳng làm gì, ngoài việc ngồi thẩn thờ bày trò thả thuyền giấy rồi nhìn mặt nước trôi. Thỉnh thoảng chúng liếc qua chỗ bà Mè, nhìn bà vớt cá. Đã mấy lần chúng vói vình đòi cầm cái vợt của bà để thử bắt cá nhỏ, sau đó cho lên thuyền giấy thả đi. Người ở trên thuyền nhỏ, cá ở trên thuyền giấy. Bà Mè lăm bằm. Con em cười khúc khích khi thấy cá nhỏ quẫy trong mắt lưới, nằm im thín thít trên khoang thuyền giấy.

Con chị, nghiêm mặt thì thầm: *"Em thả cá xuống nước đi. Nó cần phải trở về nhà"*. Đáy sông có bao la? Đáy sông có hiền hòa như mặt nước? Bà Mè giật lại cái vợt càu nhàu: *"Trả cho bà, bà vớt cá. Bà không muốn chúng mày rớt xuống đó, mất công bà vớt cả cá lẫn người"*. Con em phụng phịu mặt, ngược mắt nhìn về phía dòng nước, mếu mếu: *"Chừng nào mẹ về hả chị? Thuyền giấy của em có chở được bố không? Bố cao và nặng lắm chị nhỉ?"*. Con chị trả lời lững thững: *"Thuyền giấy chỉ chở được cá nhỏ thôi"*.

3 Những con thuyền giấy màu trắng trôi lơ lững được một đoạn, rồi ngấm nước rã ra, tan thành bọt, chìm trong thâm sâu của mây trời. Sông Mè dịu dàng nhưng vẫn chẳng thể nào thay thế được sự mong chờ từ câu hỏi ngây ngô của trẻ con: *"Liệu bố mẹ có thấy thuyền giấy này không? Bố mẹ có trở về không?"*. Đứa lớn ôm đứa nhỏ, ôm luôn những hy vọng và sự đợi chờ đang len lén lấp lánh trong giọt nước mắt nóng hổi. Nó biết điều đó là không thể. Với vợ những yêu thương nghèn nghẹn. Con sông đón cả bố lẫn mẹ đi từ lâu lắm rồi. Có lần, con chị bảo em, lấy hoa bằng lăng để trên khoang thuyền giấy, mẹ sẽ thấy và trở về. (thật ra, thì mẹ chúng thích màu hoa bằng lăng). Giấc mơ cổ tích nằm ngoan trong đôi mắt mở to của đứa bé. Con chị kéo tay em đứng dậy, chào bà Mè rồi trở về căn nhà lụp xụp bố mẹ để lại. Xấp báo sáng nay vừa nhận, chiều hai chị em nó lang thang khắp phố trên đôi dép lê đã mòn và cũ.

4 Bà Mè dừng tay vớt cá, nhìn theo. Lần đầu tiên, ánh mắt bà long lanh ngấn nước. Bà thấy chúng nhiều lần, nhưng thần trí bà không đủ minh mẫn để xét đoán điều gì xung quanh mình. Nỗi đau trong bà lớn gấp bội phần. Con sông Mè này cướp đi đứa con trai duy nhất bà vẫn gọi yêu ở nhà là Cá Nhỏ. Mỗi lần ngồi vớt cá, bà chỉ mong nhìn thấy khuôn mặt con trên sóng, dù lẫn tẩn, dù không nguyên hình nguyên dạng nữa. Bà gạt nước mắt, nhớ lại câu hỏi ngu ngơ của nó:

- Cá có sống được trên cạn không mẹ?

Bà trả lời, chẳng cần suy nghĩ:

- Chắc chắn là không con ạ

Nó lại lườm lườm liếc mắt sang bà thắc mắc tiếp:

- Vậy sao cá nhỏ của mẹ lại sống được.

- Thằng nhỏ, mới bé tí mà lém quá chừng. Y chang...

Nói chưa dứt ý bà khựng lại. Đành đoạn sao khi phải nhớ đến khuôn mặt người đàn ông đó. Bà muốn quên. Có nhiều thứ càng cố quên càng nhớ, càng yêu càng hận, càng ghét càng mong ngóng người ta trở về. Bà vẫn kể về cha cho Cá Nhỏ nghe. Bà tự thêu dệt hình ảnh đó cho nó. Đẹp hơn cổ tích. (Dù chẳng phải như thế). Bà lẩn thẩn: *"Dò sông dò biển dễ dò..."*. Bà muốn thằng Cá Nhỏ có được ký ức đẹp về một người cha để nó không bị tổn thương trong khoảng trời ấu thơ của mình. Chỉ hơi thiếu thốn, chứ dù chỉ là vẽ bóng lên tường, cũng nên vẽ cái bóng màu hồng cho trẻ con.

5 Bà Mè vẫn có mặt đều đều trên khúc sông cạn đó mỗi ngày. Hai đứa nhỏ vẫn đến nhìn bà vớt cá và thả thuyền giấy. Mùa hè, thành phố đầy hoa bằng lăng. Nhưng, đợt này, bà thấy con chị không cho đứa nhỏ thả hoa bằng lăng nữa. Cái vợt của bà, có bữa vớt được đám hoa phượng đỏ choét từ đâu đó trôi lạc đến. Bà ngoắc hai đứa nhỏ, đưa cái vợt rồi bảo: *"Đổi màu cho thuyền đi con. Hi vọng màu đỏ đẹp hơn"*.

6 Sáng sớm. Con sông Mè vẫn hiền hòa đẩy dòng nước xuôi theo chiều gió. Bà Mè không ra sông vớt cá nữa. Từ hôm bà bảo tụi nhỏ đổi sang màu hoa đỏ, bà bỏ hẳn một ngày lờ dờ đi theo hai đứa đến tận căn nhà lụp xụp gần bờ sông. Bà nghẹn ngào, nhìn gian bếp bé xíu lạnh ngắt. Mùa tro nào ấm áp trọn vẹn cho trẻ con nếu không có bàn tay người mẹ. Trên đầu bà đã hai thứ tóc. Nhưng, bà Mè biết mình chưa già để bỏ rơi những khúc sông yếu đuối cần được bảo bọc, che chở.

Bà Mè quyết định trở về nhà, dọn dẹp quét tước, rồi nhờ người bên chính quyền cho bà làm giấy tờ nhận con nuôi.

7 Hai chị em ríu rít quanh bếp, hít hà nồi cá kho mè thơm phức. Khói cay xè.

Những ánh mắt long lanh màu mây chiều vỡ òa trên mặt sông đầy nắng. ■





Tình yêu không cần nói

Ngày con gái còn bé, ba dù bận việc đến đâu cũng dành ra ít thời gian chơi với con. Trong mảng kí ức mập mờ của ngày xưa cũ, con gái nhớ rõ mồn một hình ảnh ba làm "tàu lửa", làm "xe hơi", làm "con ngựa" cho con gái cưỡi, con gái chơi; nhớ như in những buổi chiều ba đèo con gái trên chiếc xe đạp ngả màu cũ kỹ, hai cha con nhàn tản, thong dong dạo mát trên con đường làng quanh co thơm mùa lúa mới.

Ngày đó, ba thường kể cho con gái nghe nhiều câu chuyện vui giữa tiếng đem cút kít vui tai của chiếc xe đạp cà tàng. Những câu chuyện vỡ lòng ấy đã theo con gái đến tận bây giờ. Với con gái, ba là "bạn".

Ngày đầu tiên con gái đến lớp, mẹ đi công tác xa, ba phải mất cả buổi sáng để dỗ dành.

Giờ đây, con vẫn còn nguyên xi cái cảm giác sợ sệt xưa ấy. Con đứng nép sau lưng ba, khi ba đẩy nhẹ con bước về phía trước, tay con cứ mãi se se vạt áo thun của ba, quyết không chịu buông. Ba đặt hai tay lên vai con và nói: "*Con gái của ba, đừng cảm lên nào!*". Tự dưng, con cứ cảm thấy ba đang đặt niềm tin vào mình, thế rồi, con ôm ba và vui vẻ tự nguyện cùng cô giáo vào lớp học, không quên quay lại cười hiền với ba. Những ngày sau đó, ba hay hỏi thăm chuyện trường lớp của con gái. Lần nào con gái cũng thích thú tí tít mắt, cười giòn tan khi kể. Thỉnh thoảng, con ngồi gọn lên đùi ba, lắc lư hai bím tóc đáng yêu, nhẹ nhàng đưa đôi bàn tay bé xinh, trắng nõn ôm lấy gương mặt sạm nắng của ba và ngây ngô chê bai: "*Sao mà da ba xấu thế kia?*". Ba luôn cười xòa, tay âu



THANH NGÂN

yếm xoa xoa mái đầu con trước những câu hỏi ngô nghê, vụng dại ấy. Ngày ấy, mỗi tối, ba còn tranh thủ dạy con làm toán. Con gái của ngày xưa đáng yêu quá ba nhỉ? Cứ giải xong một bài, con liền hí hửng vỗ tay bồm bộp, trong lòng nhen nhóm niềm tự hào khó tả. Với con gái, ba là “thầy”.

Đến tuổi ô mai, trong mắt ba, con gái vẫn như nhóc con hôm nào thì phải. Có hôm thấy trời nắng gắt, thương con đi học thể dục giữa nắng chói chang, ba chịu khó chờ con gái đến trường và đứng đợi suốt hai tiếng đồng hồ ngoài cổng. Con gái thương ba, trách sao tán cây phượng trước cổng không đủ rộng, lá không đủ dày, để những vật nắng hanh hao cứ soi lên người ba. Có khi, con gái hờn dỗi cơn mưa rào bất chợt vào một ngày nắng đẹp cuối tháng Tư. Khi đó, ái ngại

ngghi đến tà áo dài trắng tinh khôi sẽ bị ướt rượt nên con quyết định nán lại trường, nép mình nơi hành lang lớp học đợi tạnh mưa. Đêm dần buông mà mưa vẫn không ngớt. Con cùng lũ bạn ngán ngẩm thở dài, tự hỏi không biết khi nào mới được về? Lần này, vẫn là ba mang áo mưa đến cho con. Giữa màn mưa trắng xóa, xe máy của ba đi song song với tốc độ xe đạp của con. Mưa lạnh như bầu vú da thịt, gió thốc vào mái tóc bết nước mưa của con, song con gái vẫn cảm nhận được sự ấm áp từ tấm lòng yêu thương của ba. Với con gái, ba là người đáng tin cậy nhất. Rất nhiều lần, con gái ước mong “đức lang quân” của mình sau này sẽ làm con cảm nhận được sự ấm áp giản dị như ba.

Ngày con gái đi học xa nhà, môi trường mới khiến con gái không khỏi bối rối, lạ lẫm, thậm chí là mệt mỏi. Gọi điện về nhà, con chỉ chực nghe tiếng “Alô” của ba là nước mắt chảy dài trên má. Vậy mà, ngay sáng sớm hôm sau, con gái đã thấy dáng ba đứng chờ con trước cổng ký túc xá. Con đưa tay dụi dụi đôi mắt còn ngái ngủ của mình, trong lòng như dậy sóng. Con gái thương ba vất vả hơn trăm cây số trong sương khuya, mang thật nhiều thức ăn ngon mẹ chuẩn bị mà chẳng thốt nên lời. Ba là vậy, ba hay làm con gái mỉm cười, pha lẫn nước mắt. Ba luôn lắng nghe tiếng lòng và đáp ứng những mong muốn dù là nhỏ nhất của con gái. Thế nên, với con, ba là người cha luôn quan tâm và mang đến cho con gái biết bao bất ngờ.

Ngày con gái ra trường xin việc, ba cứ muốn được chở con đi nộp hồ sơ. Dù con gái không chịu, ba cũng nhẹ nhàng “năn nỉ” con cho bằng được. “*Ba sẽ không vào, ba chỉ đứng trước cổng chờ con ra thôi!*”. Nghe đến đó, lòng con gái se thắt. Con ước “*giá mà mình làm được điều gì đó lớn lao hơn cho ba*”. Con đồng ý, song lại cố né tránh ánh nhìn của ba, con sợ nước mắt lại trào. Với con gái, ba là người mà con không muốn có bất kỳ nỗi buồn nào hiện hữu.

Giờ đây, con gái của ba đã đủ trưởng thành, đủ chín chắn để tự tin bước đi giữa cuộc đời. Nhưng con luôn thương lắm, luôn cần lắm những ân cần, chở che, bảo bọc của ba, ba ạ. Mỗi lần ứng xử với biết bao được mất, hơn thua ở đời, con lại nhớ đến từng lời ba dặn, cảm thấy mình hiểu hơn từng bài học sâu sắc của ba. Ba chưa bao giờ nói với con rằng “*Ba thương con gái nhất*”, càng chưa một lần rơi nước mắt chỉ để thể hiện nỗi lo lắng trong lòng khi con gặp chuyện buồn, thế nhưng, chỉ cần nghe tiếng thở dài của ba là con đã cảm nhận được sự quan tâm lớn lao ấy.

Ba biết không, trước mặt con gái, ba cứng cỏi bao nhiêu thì con lại càng nhận ra tình thương lặng thầm sâu sắc của ba bấy nhiêu. Ba là người giúp con gái hiểu, tình yêu không cần nói nên lời, mà chỉ cần thể hiện là đủ. Bởi thế, con cũng sẽ không nói “*Con gái yêu ba*” nhưng con nhất định cố gắng để ba cảm nhận được con gái thương ba nhiều đến thế nào. Con gái hứa! ■

Nơi ngàn năm

mây bay...

NGUYỄN NGUYỄN AN

Cúng tôi đến nhà Bảo An một ngày hè hè nắng, mù sương... Đoàn nghỉ ở biệt thự Kim Giao, một trong bốn biệt thự đang hoạt động trong khu du lịch Vườn quốc gia Bạch Mã. Năm 1932, một kỹ sư người Pháp là Girard đã tổ chức khai phá vùng núi này nhằm phát triển du lịch phục vụ giới thượng lưu thời đó cùng các quan chức của Pháp. Khí hậu của núi Bạch Mã rất đặc biệt.

Nhiệt độ ở đây luôn thấp hơn 7-10 độ C so với những vùng lân cận. Đây cũng là một trong những vùng đất ẩm ướt nhất Việt Nam, nơi ngàn năm mây bay với lượng mưa trung bình hàng năm có lúc lên đến gần 9.000mm.

Tôi đi một mình giữa rừng cây, giữa trầm mặc của đất đá và trong tiếng lao xao ngàn lá, tiếng chim hót, chim cu gù cùng những đám mây lướt qua như khói tỏa, lòng tôi vừa mới tràn đầy lo toan giờ bỗng yên



Nguồn: dulichhue.com

tĩnh lạ thường. Có phải đây là năng lượng của Vườn quốc gia Bạch Mã có khả năng tịnh hóa những phồn tạp và khuấy động từ cuộc sống, giúp giảm căng thẳng cho những người còn đang bận rộn? Con đường tôi đi là một trong nhiều con đường đẹp, độc đáo, hoang dã dành cho những ai thích khám phá thiên nhiên. *"Với 45 phút đi bộ và leo núi bạn có thể học được nhiều điều mới lạ từ thiên nhiên. Hãy giữ yên lặng*

và khám phá những điều bí ẩn của thiên nhiên!". Vâng, tôi đang chạm vào sự im ắng của rừng, sự linh thiêng của núi và cả sự vô thường của những đám mây bay...

Tôi men theo đường mòn lên Vọng hải đài. Đường đầy mây bay; mây tan, mây tụ những hình kỳ thú và chen kẽ lá, tạo ra một vẻ đẹp chuyển động thiêng liêng... Nơi đây có độ cao 1.450m. Đứng mấp mé trên mái ngói xi-măng của Vọng hải đài, trước mắt tôi trùng trùng mây, trùng trùng đồi núi rừng xanh. Mây như một bức màn sương trắng bao la từ từ hé mở ra một cảnh quan hùng vĩ của những dãy núi nối tiếp lan ra tận Biển Đông. Anh Hoái, bạn mới của tôi, nói: *"Ngày nắng trong, có thể nhìn được vịnh Lăng Cô, hồ Truồi, tượng Phật ở Bà Nà Đà Nẵng anh ạ"*. Hành tinh chúng ta là hành tinh xanh, Việt Nam là một đất nước cẩm tú thắm đẫm sắc xanh, Huế là một thành phố xanh, trầm mặc và yên tĩnh giữa lòng của Tổ quốc mến yêu. Nghĩ về sắc xanh của biển, của bầu trời và rừng cây, tôi luôn cảm nhận sự chở che bao dung mẫu nhiệm của màu xanh ấy. Ở đây, không chỉ có vẻ đẹp nguyên sơ của núi rừng mà còn hiện diện một vẻ đẹp chuyển động của những đám mây bay. Các nữ nghệ sĩ múa ba-lê vốn đẹp, khi chuyển động họ càng đẹp, càng chuyển động họ càng đẹp lung linh, thánh thiện hơn. Núi Bạch Mã là nơi ngàn năm mây bay, nơi ngàn năm mây luồn trong ngàn lá, mây vương vấn đường người đi, mây chung sống với du khách; mây ulla vào phòng đêm theo cái se se lạnh của buổi tàn đông giữa ngày hè ẩm ướt; mây cùng với rừng thiêng, khe suối tạo ra một vẻ đẹp đặc trưng của Bạch Mã mà không nơi nào có được. Đây là vẻ đẹp chuyển động Bạch Mã...

Chúng tôi xuất phát từ biệt thự Đỗ Quyên. Đây là một ngôi biệt thự đẹp bởi tường xây bằng đá granite; đi qua trên dưới 90 năm, đá granite đã ngả màu thời gian đen như than. Dù lúc đó hơn 9 giờ của một ngày đầu hạ, nhưng sương mù loăng như sữa quần quýt chân người đi. Đường xuống dốc dài, uốn lượn quanh co. Tôi tưởng mình đang vén mù sương để bước vào cõi tiên hạ giới. Đường mòn gần đến thác bắt đầu thấp lên những cánh hoa đỗ quyên màu đỏ rực như ráng chiều rồi vỡ òa thành những ngọn lửa nồng nàn hai bên thác nước trắng xóa. Những cánh hoa màu lửa nhen trong tim người đi một niềm cảm khái, nhưng nét ngoạn mục lại giúp chúng tôi quên đi những vất vả mệt mỏi khi đi bộ vượt đường đèo dốc đến thác Đỗ Quyên. Hoa đỗ quyên của Bạch Mã vừa có màu lửa, vừa có màu ráng chiều, lại cũng có màu đỏ như máu, sắc đỏ nhức nhối một niềm đau đến ngở ngàng. Theo huyền tích *"chim quốc kêu suốt mùa hè đến khản cổ chảy máu mắt đến chết đi nên gọi là chim đỗ quyên rồi thành hoa đỗ quyên đón hạ về"*, một họa sĩ trong đoàn, chiêm ngưỡng dòng thác mùa đỗ quyên ra hoa, nhanh tay ký họa, mà ngay hôm ấy anh vẽ được một bức tranh thác Đỗ Quyên lộng lẫy,

tươi nóng bằng nét cọ tài hoa. Cũng một họa sĩ nữ vì mê mãi chiêm ngưỡng dòng thác từ độ cao 300 mét đổ xuống, đã bị một chú vắt lò mò những bước chân đo đến xin tý huyết. Cô luống cuống gọi một em trai nhà báo khi nghe một người trong đoàn mách nước: *"Nhỏ nước miếng vắt nhả ra liền"*. Cô nói: *"Em nhỏ bao nhiêu nước bọt cũng được, miễn trôi con vắt ra. Sợ quá!"*. Tôi đi đến dùng ngón cái và ngón trỏ rút ra. Lại có tiếng bảo: *"Anh vò giữa hai lòng bàn tay cho nó hết nhớt khô queo, là nó toi!"*. Tôi không thể nghe lời anh ta. Chú vắt con con cũng cần sống, cần máu như chúng ta cần thở. Tôi vò nhẹ nó trên hai ngón tay mình cho nó bớt hung hăng, rồi búng nó vào rừng. Trả nó về nơi nó từng hiện diện. Vậy mà chuyện cô nàng bị vắt đeo trở thành đề tài nóng và hài ý nhị của đoàn cho đến kết thúc Trại sáng tác của anh chị em văn nghệ sĩ Thừa Thiên - Huế.

Tôi lại đi một mình giữa rừng cây, chân leo dốc, tai nghe tiếng thì thảo của ngàn lá và trái tim nghe mạch ngầm của đất đang chuyển dinh dưỡng cho từng thớ gỗ nuôi lớn ngàn cây. Tôi nghĩ, trong đời chúng ta nên có một hay nhiều lần, ở một nơi nào đó thật tịch lặng, một ngày, hai ngày, ba ngày hay nhiều hơn để lắng nghe mình, nhìn vào bên trong của mình và lắng nghe sự chuyển động chung quanh. Chúng ta sẽ nghĩ được những gì chưa nghĩ đến, chưa nghĩ ra. Tôi về đây như về với nguồn cội, thấy loài người ngược với loài cây. Người hít vào dưỡng khí, cho ra thán khí, chín lỗ trên thân người đều cho ra đổ bất tịnh, bởi con người là nhà máy sản xuất chất xú uế; còn cây hấp thu thán khí và tỏa ra dưỡng khí nuôi người, che chở cho người và bồi dưỡng chất màu cho đất. Tôi miên man chìm trong suy tưởng giữa tiếng chim hót riu rít cành cao. Chim chóc và muông thú ở đây đều được sự bảo vệ của người, của cán bộ, công nhân trong vườn Quốc gia; xem ra chúng ít sợ hãi, sống tự nhiên thoải mái, nên chim hót đến líu lo.

Trước mắt tôi hiện ra cánh cổng gỗ viết ba chữ Bạch Vân tự, phía bên trái cổng chùa có tượng Đức Phật Tổ bằng đá quý, nặng gần 25 tấn (trong đó phần đế nặng 16 tấn) được cung thỉnh về tôn trí trong dịp chùa Bạch Vân đang trong giai đoạn bắt đầu đại trùng tu. Đây là dự án do Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm chủ đầu tư. Ngôi chùa sẽ được xây dựng trên diện tích khu đất 3.3ha trên đỉnh non thiêng Bạch Mã. Tôi bước sang đánh lễ Phật Tổ và Bồ-tát Quán Thế Âm. Tượng Quán Thế Âm được tạc bằng đá trắng Non Nước Đà Nẵng, những vòng tròn nhỏ như những cuộn mây nhỏ khéo xếp lại.

Tôi bước lên một trăm lẻ tám bậc đá, kể ra ở những tuổi sáu mươi cũng có thờ phỉ phò đôi chút, nhưng tôi chóng khỏe bởi thân tâm mình đang chìm trong yên tĩnh hoang vu. Tôi thỉnh chuông và đánh lễ chư Phật.

Đứng ở đây, tôi chiêm ngưỡng chư tượng Phật đang thiền. Chư tượng Phật và chư tượng Bồ-tát đang nhập định rất sâu, sau lưng Bạch Vân tự núi Bạch Mã cũng đang thiền, chỉ có gió và mây lao xao cây lá tạo vẻ đẹp chuyển động, sinh động trong im lặng thánh thiện.

Trong những ngày loanh quanh với Bạch Mã, thỉnh thoảng tôi gặp các anh em đi phát quang, dọn dẹp bụi bờ hai bên đường, chăm sóc phong lan... Các anh âm thầm lặng lẽ với công việc của mình. Có anh sinh ở miền quê, có anh lớn lên ở thành phố Huế, Hà Nội... nhưng về đây đều chung cùng mục đích bảo vệ rừng nguyên sinh, bảo vệ côn trùng, muông thú, hoa trái, cây cỏ, môi trường, môi sinh khe suối, hồ, thác... cho khu vườn quốc gia. Đó là những người kiểm lâm Bạch Mã.

Đời sống của những người kiểm lâm gian nan, vất vả nhưng thú vị. Vượt hàng chục cây số với ba-lô nặng trĩu trên vai, giống như những chiến sĩ vượt dãy Trường Sơn năm xưa. Bữa cơm giữa rừng đơn sơ mà ấm áp bởi những tiếng cười hào sảng của anh em đồng nghiệp. Buổi sáng núi rừng rất đổi bình yên trong cảnh không khí trong lành, chim hót, vượn hú, sóc rộn ràng... giúp các anh thêm sức, chân cứng đá mềm và lòng yêu rừng, yêu nghề và yêu cuộc sống chung quanh, đủ sức vượt những con dốc dựng đứng, những mô đá nhấp nhô với mục đích đem lại sự bình yên cho những mầm non đang trỗi dậy, cho những cây cổ thụ được đứng vững và cho cả chim chóc muông thú được quyền sống tự do giữa rừng xanh. Có khi gặp phải những chú rắn hổ, rắn mai, rắn xanh... nhiều lúc các anh vô tình giẫm lên chúng; nhưng nhờ xử trí nhanh nên ít ai bị rắn cắn. Có lẽ các anh là người bảo vệ rừng, bảo vệ ngôi nhà của muông thú nên các vị thần núi, thần sông bảo vệ cho các anh! Bất ngờ tôi gặp lại Tiến sĩ Huỳnh Văn Kéo - Giám đốc Vườn quốc gia Bạch Mã, người mà hơn hai mươi năm đã ở độ trung niên nhưng vẫn mạnh khỏe và tâm huyết với nghề. Bây giờ ông vẫn vui khỏe, vẫn yêu rừng, tận tụy với nghề như trước. Ông đã chạm tới độ chín của một người đàn ông dành hết đời mình cho rừng xanh núi biếc, cho khu vườn quốc gia nơi ngàn năm mây bay, nên bây giờ ông vẫn có vóc dáng khỏe mạnh, tươi vui như thế.

Đêm chia tay với rừng, chúng tôi thức rất khuya, tiếng hát của các thành viên vang lên những tác phẩm mới viết vội của mình cho anh em góp ý. Tiếng đàn ca vang trong đêm, trên non thiêng Bạch Mã như nói lời tri âm, như lời tạ từ hẹn ngày tái ngộ. Sáng hôm sau tạm biệt Bạch Mã, mây lưu luyến quấn quýt chạy theo xe một đôi đường đèo tiễn biệt người đi. Lòng tôi ấm lại và tự nhiên vang lên lời hẹn: *"Sẽ trở lại một ngày không xa, để được chiêm ngưỡng vẻ đẹp chuyển động nơi ngàn năm mây bay lần nữa"...* ■



Hỏi: Nhà tôi thờ tượng Phật Quan Âm. Tôi lại thường nghe nói Bồ-tát Quan Thế Âm, Phật Quan Âm, Phật Bà Quan Âm. Tại sao có các danh xưng như vậy? Ý nghĩa là gì?

(Nguyễn Thế Long, đường Âu Dương Lân, Q.8, TP.HCM)

Đáp: Bồ-tát Quan Thế Âm (Avalokitesvara Bodhisattva) chỉ xuất hiện và xuất hiện khá nhiều trong các kinh điển Đại thừa như *Hoa Nghiêm*, *Lăng Nghiêm*, *Pháp Hoa*, *Bát-nhã Tâm kinh*, *Đại thừa Trang Nghiêm Bảo Vương*, *Đại Từ Đà-la-ni*, *Chuẩn-đề Đà-la-ni*... và rất nhiều các ký, sớ, giải, luận về Bồ-tát. Các kinh điển trên đều nói đến Bồ-tát Quán Thế Âm với hình tướng nam tính, nam giới chứ không phải nữ giới. Bồ-tát tượng trưng cho từ bi và trí tuệ. Ngài nghe hết tiếng kêu khổ, tiếng niệm danh hiệu Ngài, tiếng cầu xin Ngài để được như ý muốn, được cứu độ khỏi khổ đau, tai nạn...

Trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm Phổ môn nêu rất rõ và rất ấn tượng về ý nghĩa ấy. Kinh cho ta thấy Bồ-tát Quan Thế Âm là hình tượng nổi bật nhất của Đại Từ Bi, những hóa thân của Ngài gồm 33 hay 35 hình tướng để có thể thuận tiện cứu khổ cho chúng sinh. Lòng Đại Từ Bi ấy có thể xem như lòng mẹ đối với con cái, lại phù hợp với truyền thống của nhiều tôn giáo là có một vị nữ được ví như là Mẹ của tất cả: Đức mẹ Kali, Đức mẹ Maria, Đức Mẫu... Do đó, mặc dù Bồ-tát Quán thế Âm có thể hóa thân thành Phật, Bích-chi, Thanh văn, Phạm Vương, Tự tại Thiên, Đại Tự tại Thiên, Đại tướng quân, Tỳ-sa-môn... Tiểu vương, Trưởng giả, Cư sĩ, Tể quan, Bà-la-môn, nam nữ Tỳ-kheo v.v... nét nổi bật nhất của hóa thân Ngài vẫn là hình ảnh phụ nữ, hình ảnh mẹ hiền.

Kinh điển *Đại thừa*, đặc biệt là kinh *Pháp Hoa* được truyền sang Trung Quốc, các bản dịch chính kinh và phụ kinh này được phổ biến khá rộng từ năm 255 đến năm 601. Và quan niệm Bồ-tát Quan Thế Âm mang hình tướng nữ giới được hình thành dần dần, đến đời Đường (618 – 907) thì hình tướng này gần như hoàn toàn phổ biến, nhất là trong giới bình dân, tạo thành một tín ngưỡng quan trọng.

Sách *Pháp uyển châu lâm* (soạn năm 668) kể rằng Ngài Quán Thế Âm đã hóa thân thành hình tướng nữ để cứu một tín đồ thuần thành vào năm 479. Về sau, các truyền thuyết về hình tướng nữ của Đức Quán Thế Âm ngày càng nhiều, thậm chí còn nêu các nơi Ngài an trú tại Trung Quốc. Ngài trong hình tướng nữ đã báo mộng cho vua, cho thiển sư... Truyền thuyết khác nữa, *Hương Sơn Bảo quyến*, kể rằng công chúa Diêu Thiện không chịu lấy chồng, xin đi tu, vua can không được, mưu với nhà chùa đưa ra nhiều thử thách nhưng công chúa đều vượt qua. Chuyện có nhiều dị bản, bảo rằng Diêu Thiện xuống địa ngục, thể hiện thần thông, rồi lên cõi trời, lại về trần thế, cứu vua cha khỏi bệnh, cứu dân chài lưới ở Nam Hải, nên có truyện mang tên Nam Hải Quan Âm; có truyện kể Diêu Thiện hóa thành Quan Âm Nghìn Tay (Thiên thủ Quan Âm), có truyện bảo rằng Diêu Thiện được Đức Phật A-di-đà hóa cho một nghìn tay để dễ cứu độ chúng sinh...

Danh xưng Phật Quan Âm, Phật Bà Quan Âm có lẽ chỉ thịnh hành trong giới bình dân Việt Nam. Có thể danh xưng này có nguồn gốc từ hai cuốn truyện thơ lục bát khuyết danh tác giả, và hẳn cũng có liên quan đến tín ngưỡng Thờ Mẫu hay Đạo Mẫu hay Bà Chúa Thượng ngàn, Thiên-y-a-na... Đó là truyện *Quan Âm Nam Hải* và truyện *Quan Âm Thị Kính*.

Truyện *Quan Âm Nam Hải* gồm 1.430 câu (có chỗ ghi 1.426 câu), dựa vào truyền thuyết Quan Âm Nam Hải của Trung Quốc nhưng có thêm chi tiết Việt Nam – Công chúa Diêu Thiện tu ở núi Hương Tích và được Ngọc Hoàng sắc phong là Phật. Truyện *Quan Âm Thị Kính* gồm 788 câu, có gốc ở Triều Tiên. Thị Kính mắc oan tội giết chồng, phải giả nam nhân vào chùa tu, Pháp danh Kính Tâm, lại bị Thị Mầu vu oan là cha đứa con do thị chữa hoang. Kính Tâm bị đuổi khỏi chùa, phải trú tại cổng tam quan của chùa và nuôi đứa bé. Đến khi Kính Tâm chết và được khâm liệm, người ta mới phát hiện sư vốn là người nữ. Đức Phật Thiên Tôn cho Kính Tâm lên trời làm Phật Quan Âm.

Có lẽ hai truyện trên cũng có đóng góp vào việc dân chúng gọi Bồ-tát Quan Thế Âm là Phật, là Phật Bà Quan Âm.

Ngoài các truyền thuyết khó tin và một số kinh điển được cho là ngụy tạo liên hệ, việc tôn thờ, niệm danh hiệu Đức Đại từ Đại bi Cứu khổ Cứu nạn Quán Thế Âm Bồ-tát, chưa kể đến sự ứng nghiệm khó nghĩ bàn, là một điều tích cực, một sinh lực để chịu đựng, vượt qua gian nguy, một niềm mong ước được giải thoát tối hậu.

Bàng Ấn



THIÊN PHÚ THẠO là nơi chế tác tượng Phật đáng tin cậy!
Vì Sản Phẩm luôn được bảo hành mãi mãi...!

Độc: 60/5k, đường Nhà Vua,
Mỹ-Hoà, Trưng Chính, Hồ Môn, TP.HCM
ĐT: 08.37181818 - 01.222.999.666 - 01.600.000.666
Website: thienphuthao.com Email: tklunthao@gmail.com

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2015

CÁO PHÓ

- Hệ phái Khất sĩ Việt Nam – Thành viên sáng lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Môn đồ Pháp quyền vô cùng kính tiếc báo tin:

ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG PHÁP SƯ THÍCH GIÁC NHIÊN

- Pháp tử Tổ sư Minh Đăng Quang – Pháp chủ GHPG Tăng già Khất sĩ Thế giới tại Hoa Kỳ;
- Nguyên Viện trưởng Viện Hành đạo Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam;
- Nguyên Trưởng Giáo đoàn IV Hệ phái Khất sĩ;
- Viện chủ khai sơn Pháp viện Minh Đăng Quang, quận 2, TP.Hồ Chí Minh;
- Viện chủ khai sơn Tổ đình Minh Đăng Quang, Westminster, bang California, Hoa Kỳ.

Do niên cao lap trưởng, Đại lão Hòa thượng đã thu thần viên tịch
vào lúc 22giờ 30phút, ngày 03/8/2015
(nhằm ngày 19 tháng 6 năm Ất Mùi)
tại Tổ đình Minh Đăng Quang, Hoa Kỳ.

Trụ thế : 93 năm
Hạ lap : 60 năm

+ Tại Hoa Kỳ:

- Lễ nhập quan chính thức cử hành vào lúc 10g00, ngày 8 tháng 8 năm 2015 (ngày 24 tháng 6 năm Ất Mùi), tại Viện Truyền thống Minh Đăng Quang – Giáo hội Phật giáo Tăng già Khất sĩ Thế giới tại Hoa Kỳ, số 8752 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683.
- Lễ viếng từ lúc 13g00 ngày 08/8/2015 (24/6/Ất Mùi) đến 12g00 ngày 11/8/2015 (27/6/Ất Mùi).
- Ngày 14/8/2015 (01/7/Ất Mùi), cung tiễn Kim quan Đại lão Hòa thượng về Việt Nam.

+ Tại Việt Nam:

- Ngày 16/8/2015 (03/7/Ất Mùi), cung đón Kim quan Đại lão Hòa thượng từ Sân bay Tân Sơn Nhất về tôn trí tại Pháp viện Minh Đăng Quang, số 505 Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, quận 2, TP.Hồ Chí Minh.
- Lễ viếng từ ngày 17/8/2015 (04/7/Ất Mùi) đến hết ngày 20/8/2015 (07/7/Ất Mùi).
- Lễ truy niệm được cử hành vào lúc 06g00, ngày 21/8/2015 (ngày 08/7/Ất Mùi), sau đó cung tiễn Kim quan Đại lão Hòa thượng đến nghĩa trang Phúc An Viên, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh cử hành lễ Trà tỳ.
- Xá lợi Đại lão Hòa thượng được tôn thờ tại bảo tháp Tịnh xá Trung Tâm, quận Bình Thạnh và Pháp viện Minh Đăng Quang, quận 2, TP.Hồ Chí Minh.

Nay Cáo Phó
TM. HỆ PHÁI KHẮT SĨ & MÔN ĐỒ PHÁP QUYỀN
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC



Hòa thượng Thích Giác Toàn

Song Hỷ trà quán

Nơi niềm vui nhân đôi

Bài và ảnh: Đông Phương Trúc Diễm



Quảng bá danh trà đất Việt

Trà quán ở TP.HCM hiện có không quá mười điểm kinh doanh, trong đó đa phần tập trung ở khu vực quận Phú Nhuận, quận 3 và quận 1... Kinh doanh trà quán là một sự thách thức rất lớn, vì trà vốn dĩ rất kén khách và khó thu hút khách đến quán một cách đông đảo như các quán ăn, nhà hàng hay tiệm cà-phê, trà sữa.

Mặc dù đã hình dung ra sự thách thức của qui trình vận hành một trà quán "đậm đà bản sắc dân tộc". Tuy nhiên, bằng tấm lòng của người yêu trà với 10 năm nghiên cứu, sưu tầm và trải nghiệm về các địa danh trà Việt Nam, ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Giám đốc Công ty Cổ phần 7P, quận Bình Thạnh, TP.HCM, đã thể hiện sự quyết tâm bằng việc đầu tư vào **Song Hỷ trà quán tại số 6A Lê Quý Đôn, Q.3, TP.HCM**. Quán trà đã hoạt động kể từ đầu mùa hè 2015 này.

Song Hỷ trà quán có diện tích khoảng 90 mét vuông, nằm trên tầng hai của một cơ quan truyền thông, tọa lạc gần giao lộ ngã tư Lê Quý Đôn – Nguyễn Đình Chiểu, quận 3. Không gian thưởng trà cộng đồng của Song Hỷ trà quán tên là *Nhân hòa*, có sức chứa khoảng 30-35 khách.

Ngoài ra trà quán còn hai phòng riêng (VIP) có tên là *Lục điển* và *Thiên môn* được thiết kế chuyên biệt, sang trọng và đẳng cấp dành cho người có nhu cầu tiếp khách, họp nhóm.

Lục điển là từ Việt cổ, mang hàm ý là mảnh đất tốt, gieo trồng và canh tác trên mảnh đất này sẽ gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp. Phòng thưởng trà *VIP Lục điển*

có sức chứa tối đa là tám vị khách, hướng ra mặt tiền đường Lê Quý Đôn rợp bóng cây xanh. Trong gian phòng này được trang trí bộ bàn ghế gỗ lũa pơ-mu tỏa hương thơm thoang thoảng góp phần giúp trà khách thư thái đầu óc một cách tinh tế và sâu lắng.

Trong khi đó tại phòng *VIP Thiên môn* (đường lên trời, cổng trời) hướng ra đường Nguyễn Đình Chiểu, với mái che bằng tấm kính (có thể kéo tấm bạt ra vào khi trời nắng gắt vào buổi xế trưa), lúc thưởng trà vào ban ngày, quý khách có thể ngắm mây trôi hay những tia nắng xuyên qua kẽ lá, hoặc ngắm mưa rơi giữa mùa hè. Vào buổi tối, khách thưởng trà tại phòng *VIP Thiên môn* cũng có thể ngắm ngàn sao điểm xuyết trên mái đầu hoặc ánh trăng soi vàng vạc.

Thưởng trà tại Song Hỷ trà quán, trà cụ được chọn lọc kỹ càng, ấm pha trà bằng đất tử sa đúng điệu cho từng loại trà, mỗi phần (set) dành cho một người có đủ: khay trà, ấm pha trà, tổng và một chén kèm theo một gói trà nhỏ pha đủ cho một người dùng.

Mỗi vị khách đến với quán trà sẽ lựa chọn riêng cho mình một phần (set) trà ưa thích, đúng với phẩm chất loại trà, đúng trọng lượng trà và 1 lít nước sôi ở nhiệt độ thích hợp cùng một chén và một ấm. Sau đó trà nhân (người phục vụ trà) sẽ pha trà mời bạn thưởng thức, hoặc quý khách cũng có thể tự pha trà theo cách riêng của mình. Đối với khách thưởng trà lâu năm, cũng có thể mang theo ấm đến quán để tự pha trà thưởng thức.

Trong lúc thưởng thức trà, quý khách cũng có thể dùng kèm với các loại quà

truyền thống nhằm kích hoạt vị giác của quý trà hữu tinh tế hơn. Các món quà truyền thống dùng kèm khi thưởng trà gồm có: hạt sen sấy khô, long nhãn Hưng Yên, kẹo vừng Nam Định, Chocolate trắng hoặc món tổ yến nguyên chất chưng đường phèn.

Tại Song Hỷ trà quán phục vụ 12 loại danh trà thượng hạng của Việt Nam, bao gồm năm dòng trà được phân thành chín loại, tuyển chọn đạt tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ như trà Oolong Di Linh, Đắng Đùng (Lâm Đồng); Cánh hạc, Hồng hạc (Tân Cương, Thái Nguyên); trà cổ thụ Suối Giàng, trà phổ nhĩ Cao Bồ (Hà Giang), trà ướp sen cổ truyền Hà Nội, trà nụ Tam thất Tây Bắc v.v. Bên cạnh đó Song Hỷ trà quán còn phục vụ khoảng mười loại trà nổi tiếng của các nước và vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Sri Lanka.. tất cả đều có nguồn gốc, xuất xứ đã được kiểm chứng.

Uống trà theo mùa

Trà có liên quan mật thiết đến thời tiết, chính vì thế vào mỗi mùa người thưởng trà nên chọn một loại trà có lợi với sức khỏe.

Mùa hạ, thích hợp uống trà xanh. Nước trà thanh mát, hàm lượng axit amin cao có tác dụng giải nhiệt, làm mát cơ thể.

Vào mùa thu, thích hợp uống dòng trà lên men như trà Oolong, trà Thiết Quan Âm... Tính chất dòng trà này ở giữa trà xanh và trà hồng mang tính chất trung tính, không nóng và không lạnh, vừa có tác dụng giúp giảm nhiệt thừa, vừa phục hồi dương khí.

Mùa đông, thích hợp với hồng trà và phổ nhĩ. Nước trà màu đỏ tạo cảm giác ấm áp. Hàm lượng đường và protein của hồng trà rất cao giúp tiêu hóa tốt.

Vào tiết trời mùa xuân, thích hợp nhất là các loại trà hoa cúc, trà nụ Tam thất, trà vỏ trái quýt, trà câu kỳ tử.

Tóm lại, người thưởng trà gặp được loại trà ngon là niềm vui thứ nhất. Thưởng trà gặp bạn tri âm, tri kỷ để cùng đàm luận về những trải nghiệm trong cuộc sống chính là niềm vui thứ hai. Hai niềm vui này chính là mục đích mà Song Hỷ trà quán muốn mang tới cho quý khách yêu trà.

* * *

Hiện nay, vào mỗi tối thứ Sáu hàng tuần (từ 20h-21h30), Song Hỷ trà quán còn phục vụ quý khách chương trình hòa tấu nhạc cụ dân tộc với sự cố vấn của nghệ sĩ đàn tranh Hải Phượng.

Trong không gian thưởng trà cộng đồng *Nhân hòa* của Song Hỷ trà quán đặt hàng chục ô tú kính để trưng bày các mẫu ấm trà được làm từ đất Tử Sa danh tiếng hơn 1.000 năm qua ở Trung Quốc. Đây cũng là nơi nhận ký gửi các loại trà cụ (ấm, chén, đồ trang trí bàn trà, phòng trà...) của quý khách có nhu cầu giao lưu, nâng cấp bộ sưu tập ấm trà Tử Sa.

0903 848 147	www.amtusa.vn	6A Lê Quý Đôn, P.6, Q.3, TP.HCM
---------------------	----------------------	--



CHÚC MỪNG KHAI TRƯƠNG

Công ty TNHH SXTM Hoa Tiên vừa khai trương **Showroom** tại **BB3 đường Trường Sơn, P.15, Q.10, TP.HCM**. Phòng trưng bày nhiều tôn tượng lớn, nhỏ của Đức Phật, Tam-thánh, Thiên-thủ Thiên-nhân, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Di Lặc, Tứ đại Thiên vương... (nhiều kiểu mẫu với dáng đẹp, giá ưu đãi), thuận lợi trong giao dịch để tôn trí tôn tượng trong chùa, lộ thiên và thờ tại tư gia.

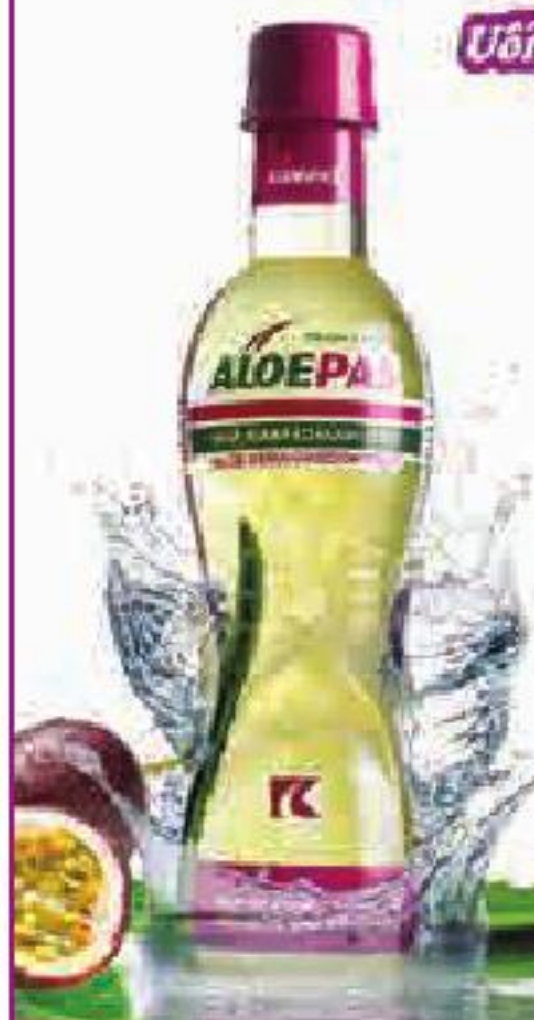
Xin chúc mừng Công ty và trân trọng cung kính thỉnh mời chư tôn thiền đức Tăng Ni và quý Phật tử dành chút thời gian quý báu hoan hỷ tham quan và tùy duyên thỉnh tượng.

Trị sự Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

KHÂM TÍN

Nước Uống ALOEPAS

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn



○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam** **Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Số 1 phẩm cấp: **CY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN**
Số 1: 234/11 Cù Bốc, Phường, Ông Giàng, Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH
Số 2 nhà máy: **CN NHADAM VINA - CY TNHH TMDV KHÂM TÍN**
Số 2 Lô A, Cụ Xá PHÚ LÂM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website: www.khamtin.vn Email: khamtin1688@gmail.com



ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG - KHỎE VÌ GIA ĐÌNH



Cửa hàng NGỌC HIỂN

Số 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM - ĐT: (08) 38355590 - 0983 675570

- Chuyên: Cung cấp các sản phẩm thờ cúng, phong thủy, tượng Phật gốm sứ - đồng mạ vàng, tranh lamina, tranh điện Phật giáo...
- Nhận đặt hàng theo mẫu khách hàng và giao hàng tận chùa và tư gia (trong TP.HCM)

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

- **Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng**
- **Tại chùa ĐẠI HẠNH:**
107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- **Thời gian học:** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần
- **Học phí:** 300.000đ/1 học viên/1 tháng
- **Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí)**
- **Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825** (gặp **Thầy Chính Trung**)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH
CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM. Tel: 08 22422951
Facebook: channguyen
Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn



miệng, độc đáo mà vẫn đảm bảo được đầy đủ những dưỡng chất cho mọi hoạt động của cơ thể.

Với tất cả, chúng tôi tin rằng giữa thành phố Đà Nẵng đầy năng động, nhà hàng chay Tâm Châu sẽ là một góc yên ả để quý vị tìm lại một chút ngời ngời, một chút an bình, đầu óc sự tĩnh lặng nhẹ nhàng của tâm hồn, một cõi riêng để cho ta nhận ra trong chính mình cũng đầy "mắt thương nhìn cuộc đời". Tựa hồ như khoảng lặng rất cần thiết trong một bản giao hưởng.

Hãy lắng nghe, cảm nhận và thưởng thức bạn nhé!

Mọi chi tiết xin liên hệ:
Nhà hàng chay - coffee Tâm Châu
 ĐC: số 38 Nguyễn Du, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
 ĐT: 05112 816 167 - 0905 675 777
<https://www.facebook.com/Nhà-Hàng-Chay-Tam-Châu>

Àn chay ngày nay đã trở thành phổ cập với mọi tầng lớp trong xã hội, ăn chay không chỉ hạn hẹp riêng biệt vì tín ngưỡng tâm linh, không chỉ dành cho những ai "tu Phật" mới ăn chay mà còn chỉ đơn giản cho cơ thể và tâm hồn nhẹ nhàng, thậm chí khi chỉ đổi khẩu vị cho ngon miệng, dễ tiêu hóa.

Vốn là một Phật tử thuần thành, ước nguyện muốn gieo trồng vào đất tâm những hạt giống thiện, nuôi dưỡng lòng từ bi nương theo tu học hạnh nguyện Bồ-tát Quán Thế Âm. Sẽ là cần thiết biết bao làm một điều gì đó để dịu bớt những nhiệt náo khi nhịp điệu đời sống dường như quay vòng có cảm tưởng không bao giờ dừng nghỉ của cuộc sống hiện đại - Nhà hàng chay - coffee Tâm Châu đã ra đời trong bối cảnh như thế.

Tọa lạc tại số 38 Nguyễn Du, nằm giữa 3 chiếc cầu Thuận Phước, Sông Hàn, cầu Rồng nhiều màu sắc, thơ mộng, cách Trung tâm Hành chính TP.Đà Nẵng 1km. Nhà hàng chay Tâm Châu với không gian thoáng mát, sân vườn, hòn non bộ với tiếng nước chảy rơi gõ nhịp với thời gian, cây cảnh điểm xuyết hoa lá, đèn lồng lung linh, ánh sáng vàng chủ đạo, những bản nhạc thiền nhẹ nhàng thanh thoát... tất cả hòa quyện vào nhau. Thực khách sẽ cảm thấy lòng nhẹ hẫng đi, chan hòa vào thiên nhiên và yên bình. Trên các bức tường, hình ảnh xen lẫn hình ảnh trẻ thơ hồn nhiên trong sáng, những câu thơ, thư pháp như khơi dậy điều gì đó vốn quen thuộc nhưng đang thiếu vắng trong mình. Có bao giờ bạn nghĩ rằng, cuộc sống sẽ nhẹ nhàng hơn khi thưởng thức những món ăn mang hương vị thuần túy từ rau, củ, quả... đậm chất Thiền vị? Thiền là gì nếu không xuất phát từ chỗ hòa quyện giữa

thân, tâm và thiên nhiên vào một, các món chay sẽ dễ dàng đưa thực khách gần gũi với thiên nhiên mang đậm hình ảnh hương đồng cỏ nội, nuôi dưỡng, trân quý và nâng niu từng giây phút mình đang sống, thấy mình là một phần của vạn vật, ôm trọn sự yêu thương đến muôn loài "tất cả chúng sanh đều tham sống sợ chết". Cho nên, phương tiện cần thiết cho việc thanh lọc thân tâm, cơ thể được nhẹ nhàng chẳng những cho đời sống tâm linh hướng thiện mà còn giúp cho sức khỏe của bạn và cho cả gia đình được tốt hơn, ngăn ngừa và chữa trị được nhiều bệnh tật - Ăn chay sẽ là điều cần thiết như thế.

Bên cạnh đó, tất cả tên gọi các món của nhà hàng chay Tâm Châu đều không gọi lên món ăn mặn, tuyệt đối không sử dụng chất bảo quản, thực phẩm thuần túy từ thiên nhiên rau, củ, quả, đậu nành, đậu hũ, nấm, không sử dụng những gia vị như tỏi, hành, hẹ. Điểm đặc biệt của Tâm Châu là rau, lá, củ, quả phần lớn từ nguyên chất vùng núi Tây Nguyên được chế biến một cách tài hoa và đầy tâm đức của các đầu bếp.

Nhà hàng chay Tâm Châu luôn cố gắng đem lại những bữa ăn ngon





Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
 Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
 Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
 Nhân dân tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
 ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



CỬA HÀNG VĂN HOÁ PHẨM PHẬT GIÁO



NHƯ ĐỨC

Pháp phục - Pháp khí
 Kinh - Sách - Ấn phẩm Phật giáo
 Tranh tượng Phật
 Kính Mừng Đại Lễ Vu Lan - DL 2554

530 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TP.HCM (Ngã 3 Điện Biên Phủ - Bàn Cờ)
 ĐT: 08.22419056 - 08.66817502
 DD: 0908808836 - 0903763002 - 0965595272 - 01626961661



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, độc biệt sản xuất theo yêu cầu các
 loại mặt hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

Kính Mừng Đại Lễ Vu Lan

ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)

77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist. 1

HP: 0909098618 (Mrs. Thảo) - 0908662107 (Mr. Hồng)

Email: hongthao268@yahoo.com.vn

THƯ NGŨ

Chương Trình Xây Dựng Chùa Phước An

Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật tử, quý nhà hảo tâm và mạnh thường quân xa gần!

Kính thưa quý liệt vị!

Xây chùa tô tượng đức chuông, in kinh ấn tống được muôn phước lành!

Chùa Phước An tổ chức lễ động thổ đại trùng tu vào ngày 18/5/2014 (nhằm ngày 20/4 Giáp Ngọ), tài khoản nhờ vào quý Phật tử phát tâm ủng hộ, Việc thi công theo từng giai đoạn.

Giai đoạn xây cất nhà Tổ gồm các khoảng thi công và kinh phí xây dựng như sau

Khởi công ngày 20/6 năm Giáp Ngọ đã thực hiện hệ thống móng và đúc 56 chân cột, đúc đà kiềng và đổ đất vào nền.

Đang thực hiện:

Đóng cốt pha, bê tông (120 cây), xây tường 20cm và đúc 600m² sàn.

Chiếm tính: 1 cây cột vật liệu và công là 6.000.000đ

Vật liệu và công 1m² sàn là 1.500.000đ

Xây tường 20cm kt: 1m² = 400.000đ

Xây tường 10cm kt: 1m² = 180.000đ

Tô vách 2.000m² mỗi mét tính vật liệu và công 100.000đ

Nhằm giúp cho nhà chùa có phương tiện thực hiện công đoạn nêu trên.

Kính mong quý liệt vị phát tâm ủng hộ tài, vật, lực giúp đỡ cho công trình sớm hoàn thành.

Công đức của quý vị to lớn vô lượng vô biên...

Chân thành niệm ơn và kính chúc quý vị vạn sự kiết tường.

Nam-mô công đức lâm Bồ-tát.

Mọi sự ủng hộ xin liên hệ: Thượng tọa Thích Thiện Châu, Trưởng BTS GHPGVN TP.Thủ Dầu Một, Trụ trì **chùa Phước An**

ĐC: số 30/1 Hoàng Hoa Thám, P.Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0650.823.927 hoặc 0919.520.503





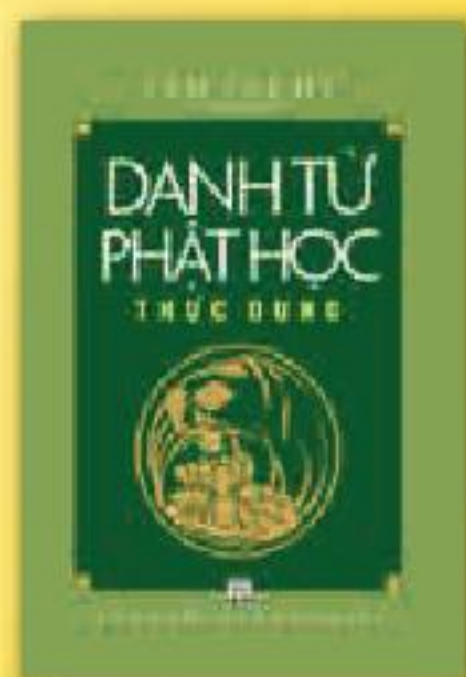
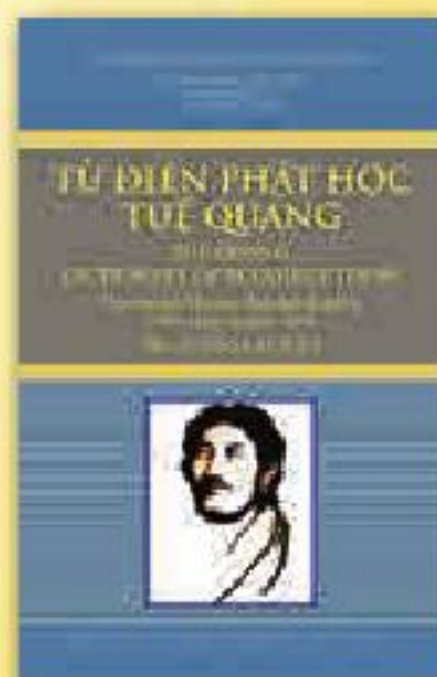
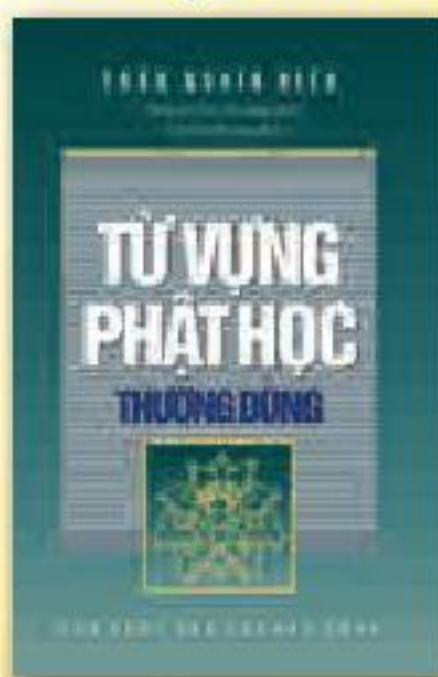
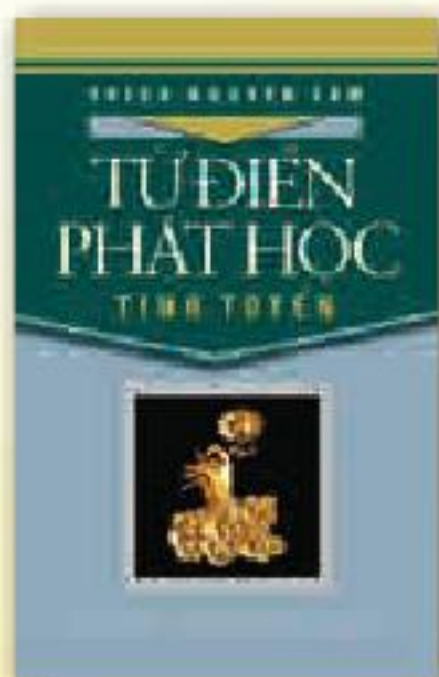
NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

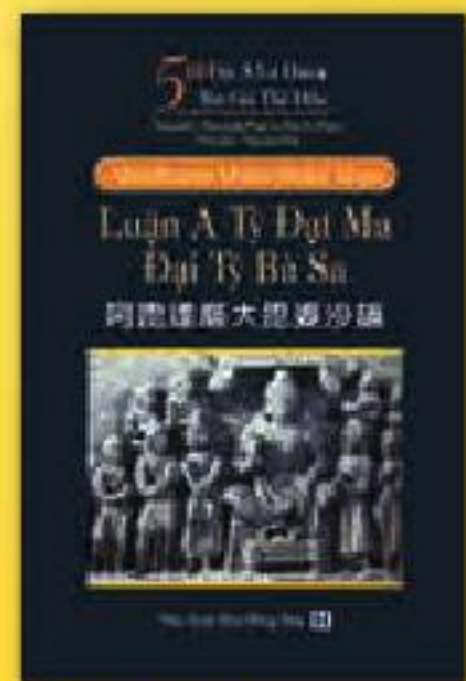
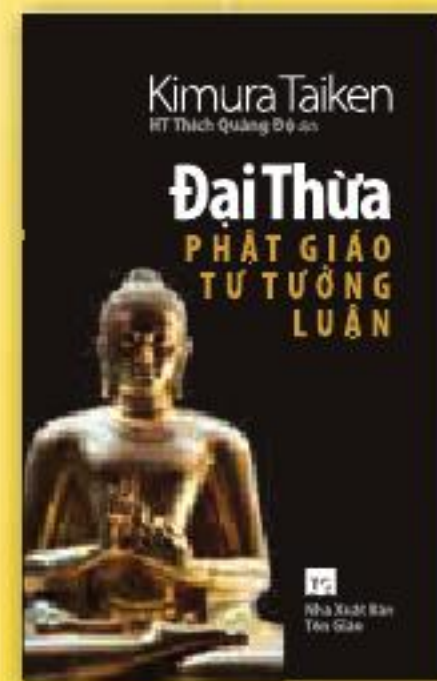
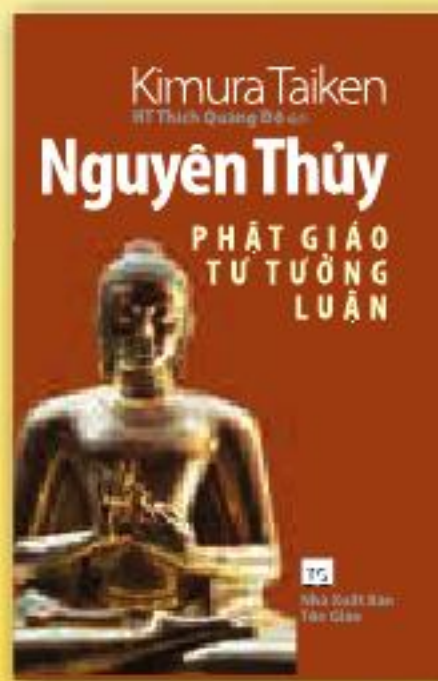
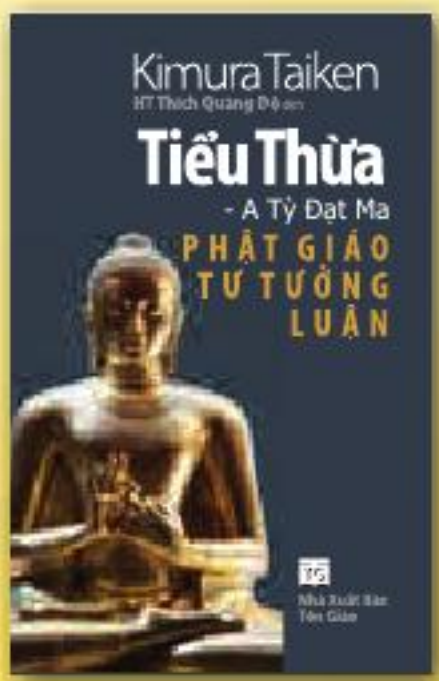
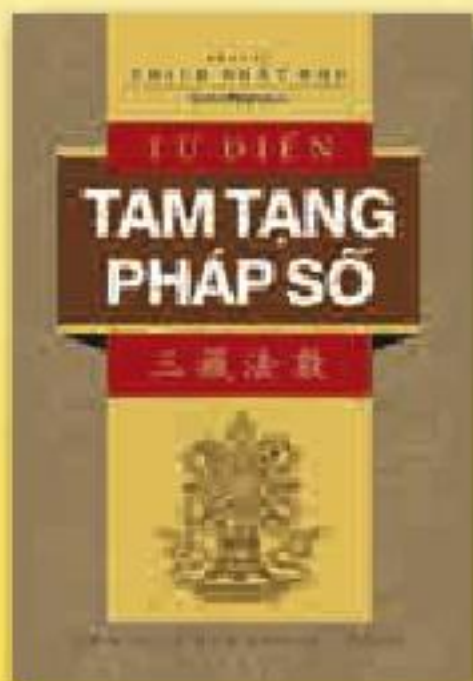
Tel: 08.38482028

Chúc Mừng Đại Lễ Vu Lan 2559

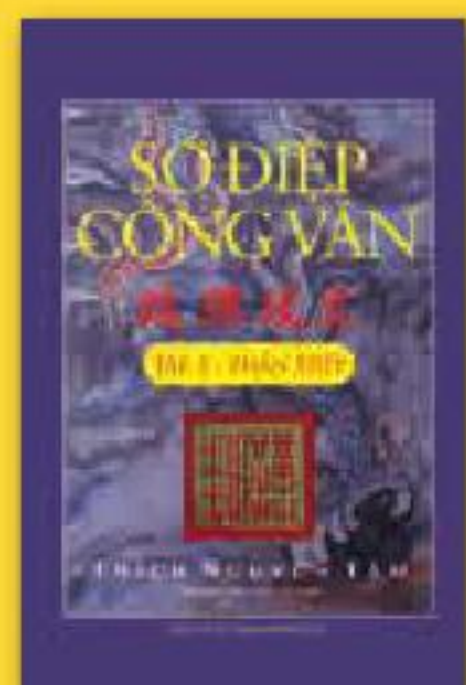
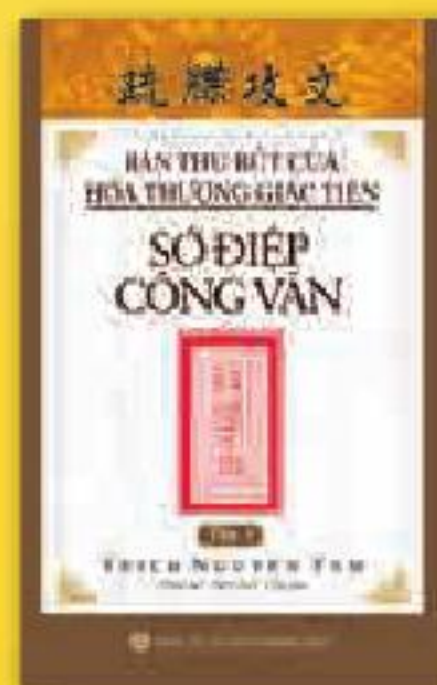
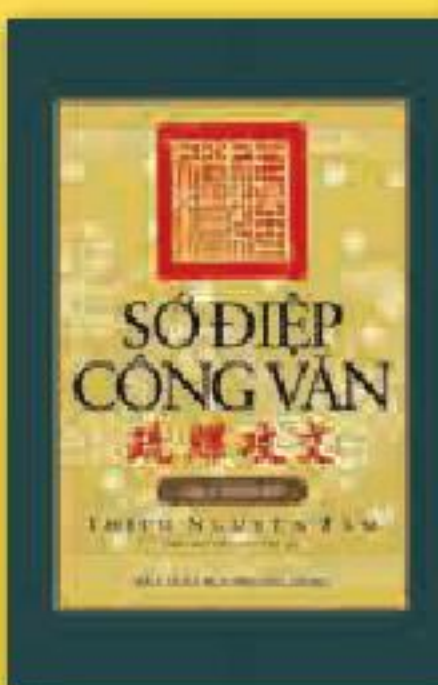
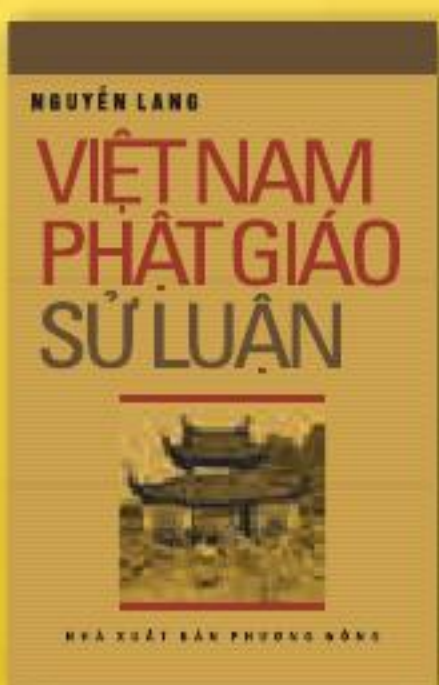
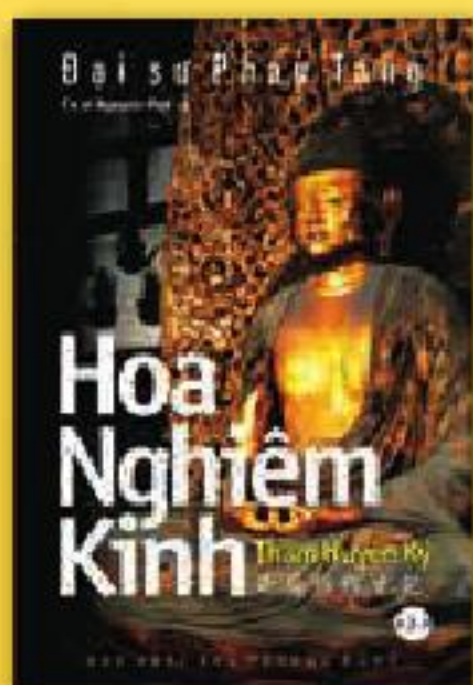
Nhà Sách Văn Thành Kính Giới Thiệu Từ Điển
và Các Bộ Sách Lớn



Trọn bộ 8 tập



Trọn bộ 8 tập



Trọn bộ 4 tập

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DĐ: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lệ...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com




Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Restaurant **Chay**
Vegetarian

Việt An

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ
Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời



pháp uyển

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ** CHÂN THÀNH CẢM ƠN QUÝ KHÁCH ĐÃ ỦNG HỘ SẢN PHẨM NẾN QUANG NGHỆ TRONG SUỐT THỜI GIAN QUA

QUANG NGHỆ CO., LTD.
HIỆN THỰC MANG ĐẾN THUẬT

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738,228 - 38656,506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com

Giày Da Công Nghệ Cao

Vina-Giày®
www.vinagiay.vn

Best
Choice



CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM
VÀ CÁC CỬA HÀNG ĐẠI LÝ TRÊN KHẮP TOÀN QUỐC

- * 61 Đinh Tiên Hoàng, P3, Q Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax: (08) 38031192
- * 180 - 182, Lý Chính Thắng, P9, Q3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax: (08) 39318343
- * 22 Trần Huy Liệu, P12, Q Phú Nhuận
Tel: (08) 39974429 - (08) 39974430 - (08) 39974431
- * 269 Trường Chinh, P14, Q Tân Bình
Tel: (08) 38490956
- * 608 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel: (08) 38351407
- * 638 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel: (08) 38331230
Fax: (08) 38331245
- * 406A Cách Mạng Tháng 8, Q8
Tel: (08) 39316534
- * 216B-216C Quang Trung, P10, Gò Vấp
Tel: (08) 38941621
- * TTTM AEON - Tân Phú Celadon, Tầng 1, F. 29-30
30 Đường Bô Bao Tân Thắng, Q. Tân Phú.



LIÊN TIẾP 19 NĂM LIÊN BÌNH CHỌN
97'98'99'00'01'02'03'04'05'06'
07'08'09'10'11'12'13'14'15'

HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO



ĐẠT CÚP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT 09 NĂM LIÊN
07'08'09'10'11'12'13'14'15'
ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH

Thương hiệu Việt

Thương Hiệu Được Chứng Nhận

Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giày Việt Nam

*Nhân mùa Vu Lan báo hiếu,
San Mây kính chúc Quý khách cùng gia đình
luôn an lành và hạnh phúc*

Nhà hàng chay San Mây

San Mây Café - Nhà hàng chay

San mây
RESTAURANT

San Mây
CAFÉ

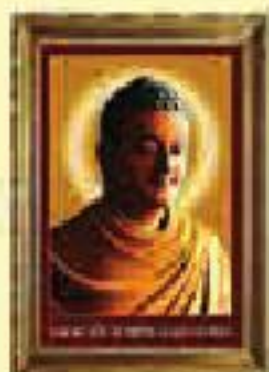
771 Lê Hồng Phong (nối dài), P.12, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại: 3507 1628 - 01278 99 2009
www.sanmayrestaurant.com

155 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: 08 3910 3939 - 01278 77 11 55
www.sanmaycafe.com



Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



TOP TEN TRAVEL
www.toptentravel.com.vn

ĐC: 02 Giải Phóng, P. 04, Tân Bình, HCM
ĐT: (08) 6683 0008 | ĐD: 0933 27 3378

Tour chuyên đề du lịch Phật Giáo, tâm linh đặc sắc.

CAMPUCHIA (4N): Siem Reap - PhnomPenh	2.950.000 đ
THÁI LAN (5N): Bangkok - Pataya	6.300.000 đ
SINGAPORE-MALAYSIA(4N): 28/7; 4/8	11.900.000 đ
CHÂU ÂU (9N): Đức - Hà Lan - Bỉ - Pháp.....	57.900.000 đ
MỸ (10N): Liên tuyến Đông-Tây	71.900.000 đ

TOUR
NƯỚC NGOÀI

TOUR
TRONG NƯỚC

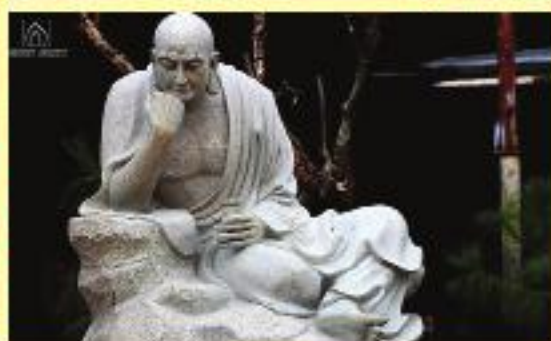
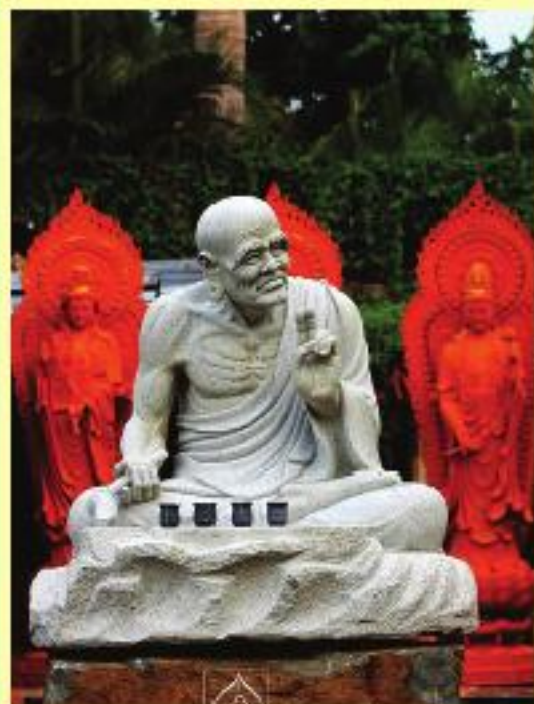
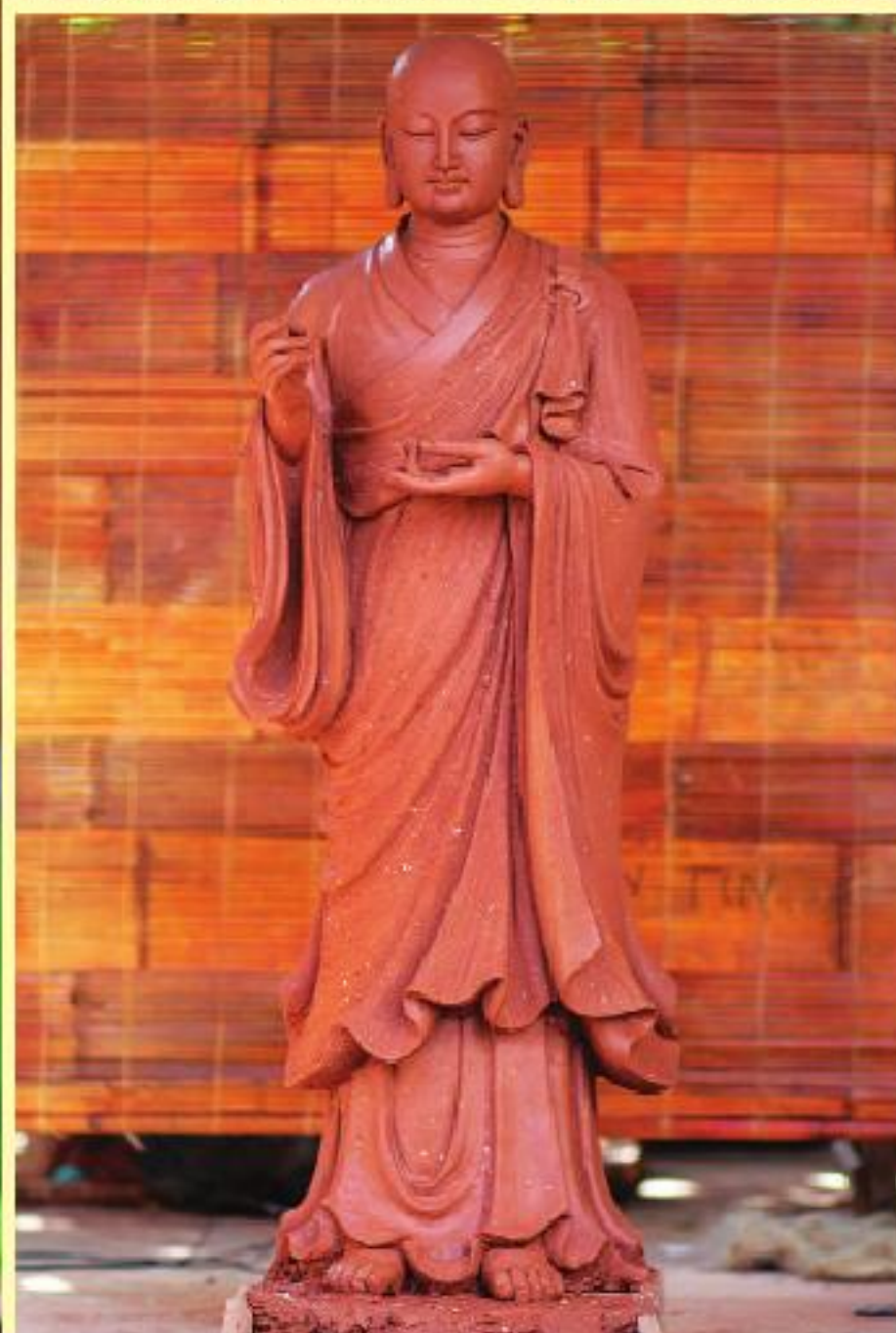
DÀ LẠT (3N):	KH Thứ 5 hàng tuần	1.400.000 đ
PHAN THIẾT (2N):	KH Thứ 7 hàng tuần	1.183.000 đ
NHA TRANG (3N):	KH Thứ 5 hàng tuần	1.950.000 đ
MIỀN TRUNG (4N):	KH Thứ 5 hàng tuần	5.590.000 đ



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT ZEN ART

64, đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, Tp. HCM

DD: 0909 319 882 (Hoàng Đức Diên). **Web:** zenart.vn – facebook.com/mythuat.zen

Tồn tạo tượng Phật trên mọi chất liệu



DIÊU TƯỜNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

MỪNG VU LAN THĂNG HỘI

Ưu đãi 30% tất cả các sản phẩm trà và lưu ly

Ưu đãi 10% các sản phẩm còn lại

Thời gian từ ngày 14/8 (1/7 AL) đến ngày 12/9 (30/7 AL)

 **DIÊU TƯỜNG AM NAM KỶ**
382B NAM KỶ KHƠI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

 **DIÊU TƯỜNG AM 3/2**
212 BA THẮNG HAI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

 **DIÊU TƯỜNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)**
382G NAM KỶ KHƠI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503